

TRẦN THỊ KIM DUNG - NGUYỄN DUY KHA
NGUYỄN AN THI

**Ôn luyện kiến thức theo
CẤU TRÚC ĐỀ THI**

MÔN NGỮ VĂN

**DÙNG ÔN LUYỆN THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG,
ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN THỊ KIM DUNG – NGUYỄN DUY KHA
NGUYỄN AN THỊ

**ÔN LUYỆN KIẾN THỨC
THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI
MÔN NGỮ VĂN**

Dùng ôn luyện thi tốt nghiệp THPT, Đại học - Cao đẳng

(Tái bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

**Công ty cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
giữ quyền công bố tác phẩm.**

14 – 2011/CXB/356 – 2075/GD

Mã số : 8D294y1 – DAI

MỞ ĐẦU

A. CẤU TRÚC CỦA SÁCH

Cuốn “**Ôn luyện kiến thức theo cấu trúc đề thi môn Văn**” nhằm giúp học sinh vừa ôn luyện kiến thức vừa làm quen với các dạng cấu trúc đề thi và cách làm bài trong quá trình chuẩn bị ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (TNTHPT) và thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng (TSDH–CĐ). Cuốn sách gồm các phần:

Mở đầu: Giúp học sinh nắm được những yêu cầu cơ bản về chuẩn kiến thức, kĩ năng và những yêu cầu ôn tập đáp ứng cho các kì thi.

Phần thứ nhất: Giới thiệu cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ của môn học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Phần thứ hai: Giới thiệu một số đề ôn luyện kiến thức theo cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh Đại học, Cao đẳng.

Phần thứ ba: Đáp án và hướng dẫn các đề thi ôn luyện kiến thức đã cho.

Phần thứ tư: Giới thiệu đề thi và đáp án TNTHPT và tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2009.

B. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI

Năm 2010 là năm thứ hai cả nước thực hiện đồng thời chương trình Trung học phổ thông hiện hành. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có thông báo về cấu trúc đề thi và hình thức thi TNTHPT và TSDH–CĐ theo chương trình THPT hiện hành thống nhất trong cả nước.

Việc ôn thi TNTHPT và TSDH–CĐ cần phải **bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng** của Chương trình Trung học phổ thông và **theo cấu trúc đề thi**.

I. MÔN THI, HÌNH THỨC, THỜI GIAN THI VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI

1. Môn thi, hình thức thi, thời gian làm bài thi

1.1. Môn thi

a) Kì thi TNTHPT: Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố chính thức về các môn thi TNTHPT vào khoảng cuối tháng 3 hàng năm.

b) Kì thi TSDH–CĐ thực hiện theo quy chế tuyển sinh ĐH – CĐ hàng năm.

1.2. Hình thức thi

Các môn thi trong kì thi TNTHPT và kì thi TSDH–CĐ như sau:

a) Thi theo hình thức tự luận đối với các môn: Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí.

b) Thi theo hình thức trắc nghiệm đối với các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng Nhật).

1.3. Thời gian làm bài thi của thí sinh (không kể thời gian phát đề)

a) Kỳ thi TNTHPT

- Các môn Ngữ văn và Toán: 150 phút/môn.
- Các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học và Ngoại ngữ: 60 phút/môn.
- Các môn còn lại: 90 phút/môn.

b) Kỳ thi TSDH–CĐ

- Các môn Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí: 180 phút/môn.
- Các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học và Ngoại ngữ: 90 phút/môn.

2. Cấu trúc đề thi

2.1. Nguyên tắc lập cấu trúc đề thi

a) Nội dung thi nằm trong chương trình THPT hiện hành, chủ yếu là chương trình lớp 12 (riêng môn thi ngoại ngữ, sẽ có đề thi dành cho học sinh học chương trình ngoại ngữ 3 năm).

b) Đề thi đáp ứng cho tất cả các đối tượng thí sinh học lớp 12 THPT.

c) Theo quy chế thi hiện hành, thí sinh tự do phải thi cùng đề thi như thí sinh đang học lớp 12 THPT; thí sinh tự do phải tự cập nhật, bổ sung kiến thức theo các hình thức khác nhau để chuẩn bị cho việc dự thi.

2.2. Cấu trúc đề thi

a) Đề thi tốt nghiệp THPT

Đề thi dành cho các đối tượng thí sinh học theo chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT, gồm: thí sinh học Ban Khoa học Tự nhiên, Ban Khoa học Xã hội và Nhân văn, Ban Cơ bản, thí sinh học trường THPT Kỹ thuật và thí sinh tự do. Đề thi được ra theo chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT hiện hành, chủ yếu là chương trình lớp 12.

– Đối với các môn Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, đề thi mỗi môn gồm 2 phần:

+ Phần chung cho tất cả thí sinh, ra theo nội dung giống nhau giữa chương trình Chuẩn và chương trình Nâng cao.

+ Phần riêng ra theo từng chương trình: chương trình Chuẩn hoặc chương trình Nâng cao. Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài; nếu làm cả hai phần riêng thì cả hai phần riêng đều không được chấm.

– Đối với các môn Ngoại ngữ: đề thi mỗi môn chỉ có phần chung dành cho tất cả thí sinh, ra theo nội dung giống nhau giữa chương trình Chuẩn và chương trình Nâng cao, không có phần riêng; đồng thời, vẫn có đề thi dành cho học sinh học chương trình ngoại ngữ 3 năm.

b) Đề thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng

Đề thi được ra theo chương trình THPT hiện hành, chủ yếu là chương trình lớp 12.

– Đối với các môn: Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, đề thi mỗi môn gồm 2 phần:

+ Phần chung cho tất cả thí sinh, ra theo nội dung giống nhau giữa chương trình Chuẩn và chương trình Nâng cao;

+ Phần riêng ra theo từng chương trình: chương trình Chuẩn và chương trình Nâng cao. Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài; nếu làm cả hai phần riêng thì cả hai phần riêng đều không được chấm.

– Đối với các môn Ngoại ngữ: đề thi mỗi môn chỉ có phần chung dành cho tất cả thí sinh, ra theo nội dung giống nhau giữa chương trình Chuẩn và chương trình Nâng cao, không có phần riêng.

II. CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH THPT

Chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình Trung học phổ thông được thể hiện cụ thể trong các Chương trình môn học, hoạt động giáo dục (gọi chung là môn học) và Chương trình cấp học.

1. Chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình môn học là các yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kĩ năng của môn học mà học sinh cần phải và có thể đạt được sau mỗi đơn vị kiến thức (mỗi bài, chủ đề, chủ điểm, mô đun).

Yêu cầu về kiến thức, kĩ năng thể hiện mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng đã được cho ở từng bài học.

2. Chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình cấp học là các yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kĩ năng của các môn học mà học sinh cần phải và có thể đạt được sau từng giai đoạn học tập trong cấp học.

III. YÊU CẦU VÀ MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT KHI ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TUYỂN SINH ĐH–CĐ

1. Đối với thi tốt nghiệp THPT

1.1. Yêu cầu ôn tập

Nội dung ôn tập. Ôn tập toàn bộ chương trình (chủ yếu kiến thức lớp 12), không nên học tủ, học lệch. Trong quá trình ôn tập cần bám sát các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng ở các mức độ đã được quy định trong chương trình môn học.

1.2. Mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng

Về kiến thức: Yêu cầu học sinh phải nhớ, nắm vững, hiểu rõ các kiến thức cơ bản trong chương trình và sách giáo khoa.

Về kĩ năng: Biết vận dụng những kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi hoặc giải bài tập; có kĩ năng tính toán, vẽ hình, dựng biểu đồ,...

2. Đối với thi Đại học, Cao đẳng

2.1. Yêu cầu ôn tập

Nội dung ôn tập. Ôn tập toàn bộ chương trình đã học, không học tủ, học lệch. Bám sát yêu cầu, mức độ của thi tuyển sinh Đại học và Cao đẳng. Trong quá trình ôn tập cần nâng cao kiến thức và kỹ năng cơ bản, đồng thời cần nâng cao khả năng suy luận, năng lực tư duy, sáng tạo.

2.2. Mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng

Về kiến thức: Yêu cầu học sinh phải nắm vững, hiểu bản chất, hiểu sâu các kiến thức trong chương trình và sách giáo khoa.

Về kỹ năng: Vận dụng thành thạo các kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi hoặc giải bài tập; có kỹ năng tính toán, vẽ hình, dựng biểu đồ,...

IV. HÌNH THỨC CÂU HỎI, BÀI TẬP CỦA ĐỀ THI TRONG CẤU TRÚC ĐỀ THI

Trong cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh ĐH-CD, hai hình thức được sử dụng là trắc nghiệm tự luận (tự luận) và trắc nghiệm khách quan (trắc nghiệm). Môn nào thi trắc nghiệm, môn nào thi tự luận đã giới thiệu ở mục 1.2.

1. Tự luận

Tự luận là hình thức kiểm tra, thi mà trong đó đề kiểm tra, thi gồm các câu hỏi dạng mở, yêu cầu thí sinh phải trình bày nội dung trả lời các câu hỏi trong một bài viết để giải quyết vấn đề nêu ra.

2. Trắc nghiệm

Trắc nghiệm là hình thức kiểm tra, thi mà trong đó đề kiểm tra, thi thường gồm nhiều câu hỏi, mỗi câu nêu ra một vấn đề cùng với những thông tin cần thiết, sao cho thí sinh chỉ phải trả lời vấn đề tất đối với từng câu hỏi.

3. Ôn luyện theo cấu trúc đề thi

Những đề thi đưa ra minh họa đã được tác giả tuân thủ theo cấu trúc quy định và phù hợp theo yêu cầu kiến thức, kỹ năng của mỗi kì thi.

Các tác giả hi vọng học sinh trong quá trình ôn tập hãy tự mình làm theo các đề đã cho, sau đó đối chiếu với phần đáp án; so sánh từng câu đã làm với đáp án ở phần thứ ba để xem câu nào làm đúng, câu nào làm sai, tìm nguyên nhân vì sao mình làm sai. Bằng cách đó, học sinh có thể tự đánh giá được kết quả ôn tập của mình.

Phần thứ nhất

CẤU TRÚC ĐỀ THI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG MÔN NGỮ VĂN NĂM 2010

A. CẤU TRÚC ĐỀ THI TỐT NGHIỆP THPT

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm) : Tái hiện kiến thức về giai đoạn văn học, tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam và tác giả, tác phẩm văn học nước ngoài.

VĂN HỌC VIỆT NAM

– Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX

– *Tuyên ngôn Độc lập* và tác giả Hồ Chí Minh

– *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* – Phạm Văn Đồng

Tây Tiến – Quang Dũng

– *Việt Bắc* (trích) và tác giả Tố Hữu

– *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) – Nguyễn Khoa Điềm

– *Sóng* – Xuân Quỳnh

– *Đàn ghi ta của Lor-ca* – Thanh Thảo

– *Người lái đò Sông Đà* (trích) – Nguyễn Tuân

– *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường

– *Vợ chồng A Phủ* (trích) – Tô Hoài

– *Vợ nhặt* (trích) – Kim Lân

– *Rừng xà nu* (trích) – Nguyễn Trung Thành

– *Những đứa con trong gia đình* (trích) – Nguyễn Thi

– *Chiếc thuyền ngoài xa* (trích) – Nguyễn Minh Châu

– *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích) – Lưu Quang Vũ.

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

- Thuốc – Lỗ Tấn
- *Số phận con người* (trích) – Sô-lô-khốp
- *Ông già và biển cả* (trích) – Hê-minh-uê.

Câu II. (3,0 điểm) : Vận dụng kiến thức xã hội và đời sống để viết bài nghị luận xã hội ngắn (không quá 400 từ).

- Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí
- Nghị luận về một hiện tượng đời sống.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM) : Vận dụng khả năng đọc - hiểu và kiến thức văn học để viết bài nghị luận văn học

*Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm).

- *Tuyên ngôn Độc lập* và tác giả Hồ Chí Minh
- *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* – Phạm Văn Đồng
- *Tây Tiến* – Quang Dũng
- *Việt Bắc* (trích) và tác giả Tố Hữu
- *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) – Nguyễn Khoa Điềm
- *Sóng* – Xuân Quỳnh
- *Đàn ghi ta của Lor-ca* – Thanh Thảo
- *Người lái đò Sông Đà* (trích) – Nguyễn Tuân
- *Ài đã đặt tên cho dòng sông ?* (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường
- *Vợ chồng A Phủ* (trích) – Tô Hoài
- *Vợ nhặt* (trích) – Kim Lân
- *Rừng xà nu* (trích) – Nguyễn Trung Thành
- *Những đứa con trong gia đình* (trích) – Nguyễn Thi
- *Chiếc thuyền ngoài xa* (trích) – Nguyễn Minh Châu
- *Hồn Trưông Ba, du hàng thịt* (trích) – Lưu Quang Vũ.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm).

- *Tuyên ngôn Độc lập* – Hồ Chí Minh
- *Nguyễn Ái Quốc* – Hồ Chí Minh
- *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* – Phạm Văn Đồng
- *Tây Tiến* – Quang Dũng
- *Việt Bắc* (trích) – Tố Hữu
- *Tố Hữu*
- *Tiếng hát con tàu* – Chế Lan Viên
- *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) – Nguyễn Khoa Điềm
- *Sóng* – Xuân Quỳnh
- *Đàn ghi ta của Lor-ca* – Thanh Thảo
- *Người lái đò Sông Đà* (trích) – Nguyễn Tuân
- *Nguyễn Tuân*
- *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường
- *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích) – Lưu Quang Vũ
- *Vợ chồng A Phủ* (trích) – Tô Hoài
- *Vợ nhặt* (trích) – Kim Lân
- *Những đứa con trong gia đình* (trích) – Nguyễn Thi
- *Rừng xà nu* (trích) – Nguyễn Trung Thành
- *Một người Hà Nội* (trích) – Nguyễn Khải
- *Chiếc thuyền ngoài xa* (trích) – Nguyễn Minh Châu.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu 1. (2,0 điểm) : Tái hiện kiến thức về giai đoạn văn học, tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam.

- Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945
- *Hai đứa trẻ* – Thạch Lam
- *Chữ người tử tù* – Nguyễn Tuân

Hạnh phúc của một tang gia (trích *Số đỏ*) -- Vũ Trọng Phụng

– *Chí Phèo* (trích) và tác giả Nam Cao

– *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (trích *Vũ Như Tô*) – Nguyễn Huy Tưởng

– *Vội vàng* - Xuân Diệu

– *Đây thôn Vĩ Dạ* – Hàn Mặc Tử

– *Tràng giang* – Huy Cận

Chiều tối – Hồ Chí Minh

– *Từ ấy* – Tố Hữu

Một thời đại trong thi ca (trích) - Hoài Thanh và Hoài Chân

Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX

Tuyên ngôn Độc lập và tác giả Hồ Chí Minh

– *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* – Phạm Văn Đồng

Việt Bắc (trích) và tác giả Tố Hữu

– *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) – Nguyễn Khoa Điềm

Sóng – Xuân Quỳnh

Đàn ghi ta của Lor-ca – Thanh Thảo

– *Người lái đò Sông Đà* (trích) – Nguyễn Tuân

– *Ài đã đặt tên cho dòng sông ?* (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường

Vợ chồng A Phủ (trích) – Tô Hoài

– *Vợ nhặt* (trích) – Kim Lân

– *Rừng xà nu* (trích) – Nguyễn Trung Thành

Những đứa con trong gia đình (trích) – Nguyễn Thi

– *Chiếc thuyền ngoài xa* (trích) – Nguyễn Minh Châu

– *Hòn Trùng Ba, du hàng thịt* (trích) – Lưu Quang Vũ.

Câu II. (3,0 điểm) : Vận dụng kiến thức xã hội và đời sống để viết bài nghị luận xã hội ngắn (không quá 600 từ).

– Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

– Nghị luận về một hiện tượng đời sống.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM) : Vận dụng khả năng đọc - hiểu và kiến thức văn học để viết bài nghị luận văn học.

Thí sinh chỉ được chọn một phần riêng thích hợp để làm bài (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm).

- Hai đứa trẻ – Thạch Lam
- Chữ người tử tù – Nguyễn Tuân
- Hạnh phúc của một tang gia (trích *Số đỏ*) – Vũ Trọng Phụng
- Chí Phèo (trích) và tác giả Nam Cao
- Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài (trích *Vũ Như Tô*) – Nguyễn Huy Tưởng
- Vội vàng – Xuân Diệu
- Đây thôn Vĩ Dạ – Hàn Mặc Tử
- Tràng giang – Huy Cận
- Chiều tối – Hồ Chí Minh
- Từ ấy – Tố Hữu
- Một thời đại trong thi ca (trích) – Hoài Thanh và Hoài Chân
- Tuyên ngôn Độc lập và tác giả Hồ Chí Minh
- Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc – Phạm Văn Đồng
- Tây Tiến – Quang Dũng
- Việt Bắc (trích) và tác giả Tố Hữu
- Đất Nước (trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) – Nguyễn Khoa Điềm
- Sóng – Xuân Quỳnh
- Đàn ghi ta của Lor-ca – Thanh Thảo
- Người lái đò Sông Đà (trích) – Nguyễn Tuân
- Ai đã đặt tên cho dòng sông ? (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường
- Vợ chồng A Phủ (trích) – Tô Hoài
- Vợ nhặt (trích) – Kim Lân
- Rừng xà nu (trích) – Nguyễn Trung Thành
- Những đứa con trong gia đình (trích) – Nguyễn Thi
- Chiếc thuyền ngoài xa (trích) – Nguyễn Minh Châu
- Hồn Trương Ba, da hàng thịt (trích) – Lưu Quang Vũ.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm).

- Hai đứa trẻ – Thạch Lam
- Chữ người tử tù – Nguyễn Tuân
- Hạnh phúc của một tang gia (trích Số đỏ) – Vũ Trọng Phụng
- Chí Phèo (trích) – Nam Cao
- Đời thừa (trích) – Nam Cao
- Nam Cao
- Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài (trích Vũ Nương Tơ) – Nguyễn Huy Tưởng
- Vội vàng – Xuân Diệu
- Xuân Diệu
- Đây thôn Vĩ Dạ – Hàn Mặc Tử
- Tràng giang – Huy Cận
- Tương tư – Nguyễn Bính
- Nhật kí trong tù – Hồ Chí Minh
- Chiều tối – Hồ Chí Minh
- Lai Tân – Hồ Chí Minh
- Từ ấy – Tố Hữu
- Một thời đại trong thi ca (trích) – Hoài Thanh và Hoài Chân
- Tuyên ngôn Độc lập – Hồ Chí Minh
- Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh
- Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc – Phạm Văn Đồng
- Tây Tiến – Quang Dũng
- Việt Bắc (trích) – Tố Hữu
- Tố Hữu
- Tiếng hát con tàu – Chế Lan Viên
- Đất Nước (trích trường ca Máu đường khát vọng) – Nguyễn Khoa Điềm
- Sóng – Xuân Quỳnh
- Đàn ghi ta của Lor-ca – Thanh Thảo
- Người lái đò Sông Đà (trích) – Nguyễn Tuân
- Nguyễn Tuân

- *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường
- *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích) – Lưu Quang Vũ
- *Vợ chồng A Phủ* (trích) – Tô Hoài
- *Vợ nhặt* (trích) – Kim Lân
- *Những đứa con trong gia đình* (trích) – Nguyễn Thi
- *Rừng xà nu* (trích) – Nguyễn Trung Thành
- *Một người Hà Nội* (trích) – Nguyễn Khải
- *Chiếc thuyền ngoài xa* (trích) – Nguyễn Minh Châu.

Phần thứ hai

MỘT SỐ ĐỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2010

A. ĐỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ĐỀ SỐ 1

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm) Nêu hoàn cảnh sáng tác và giá trị tư tưởng bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Câu II. (3,0 điểm) Trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 400 chữ) hiểu biết của anh/chị về ý nghĩa câu nói sau :

Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông (Nguyễn Bá Học).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng :

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành

(Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr. 89)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Trình bày suy nghĩ của anh/chị về nhân vật người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu.

ĐỀ SỐ 2

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Nêu hoàn cảnh sáng tác và chủ đề của truyện ngắn *Số phận con người* của Sô-lô-khốp.

Câu II. (3,0 điểm)

Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên Đất Nước muôn đời...

(*Đất Nước* – Trích *Mặt đường khát vọng* – Nguyễn Khoa Điềm,

Ngữ văn 12 Nâng cao, tập một, NXB Giáo dục, 2008)

Dựa vào những câu thơ trên, anh/chị hãy phát biểu trong một bài văn ngắn (không quá 400 chữ) ý kiến cá nhân về trách nhiệm của thế hệ thanh niên hiện nay với đất nước.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân để làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông dân nghèo khổ này.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Phân tích vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên qua đoạn thơ sau trong bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu :

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hoà bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.

(Ngữ văn 12 Nâng cao, tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr. 84-85)

ĐỀ SỐ 3

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Trình bày những nét chính trong phong cách nghệ thuật của Tố Hữu.

Câu II. (3,0 điểm)

Tục ngữ Việt Nam có câu : *Không thấy đổ mây làm nên.*

Dựa vào câu tục ngữ trên, hãy trình bày ngắn gọn trong một bài văn ngắn (không quá 400 chữ) suy nghĩ của anh/chị về vai trò của người thầy trong xã hội hiện nay.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Trong suốt cuộc đời viết văn của mình, Nguyễn Minh Châu luôn trăn trở để *gắng đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người*. Điều đó được thể hiện như thế nào trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Vẻ đẹp của người lái đò sông Đà trong đoạn trích tùy bút *Người lái đò Sông Đà* của Nguyễn Tuân (*Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một).

ĐỀ SỐ 4

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng.

Câu II. (3,0 điểm)

Trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 400 chữ) suy nghĩ của anh/chị về câu nói sau :

Xin hãy dạy cho con tôi chấp nhận : thì rồi còn vinh dự hơn gian lận trong thi cử.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Phân tích tâm trạng nhân vật Tràng trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài *Việt Bắc* của Tố Hữu :

– Minh đi, có nhớ những ngày

Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù

Minh về, có nhớ chiến khu

Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai ?

Minh về, rừng núi nhớ ai

Trám bùi để rụng, măng mai để già.

Minh đi, có nhớ những nhà

Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son

Minh về, còn nhớ núi non

Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh

Minh đi, mình còn nhớ mình

Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa ?

(Ngữ văn 12 Nâng cao, tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr.83)

ĐỀ SỐ 5

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Anh/chị hiểu như thế nào về nguyên lí "Tăng băng trôi" của Hê-minh-uê ?

Thông qua hình ảnh ông già quật cường, bằng kĩ thuật điều luyện, đã chiến thắng con cá to lớn và hung dữ trong truyện ngắn *Ông già và biển cả*, nhà văn muốn gửi đến người đọc điều gì ?

Câu II. (3,0 điểm)

Nhiều người rất thích câu tục ngữ *Ở hiền gặp lành* và lấy đó làm phương châm sống. Nhưng không ít người lại cho rằng điều đó chưa hoàn toàn đúng, nhiều khi ở hiền mà không gặp lành.

Anh/chị hãy trình bày ý kiến của mình về vấn đề này trong một bài văn ngắn (không quá 400 chữ).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Phân tích nhân vật A Phú trong đoạn trích truyện ngắn *Vợ chồng A Phú* của Tô Hoài (*Ngữ văn 12*, tập hai).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Trình bày suy nghĩ của anh/chị về nhân vật bà Hiền trong truyện ngắn *Một người Hà Nội* của Nguyễn Khải.

ĐỀ SỐ 6

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm) Nêu vấn đề về hoàn cảnh ra đời của truyện ngắn *Vợ nhặt*.

Câu II. (3,0 điểm) Trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 400 chữ) suy nghĩ về nhận xét sau :

Hé đã muốn làm thì làm cho kì được, mà đã không muốn làm thì đừng làm.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Phân tích hình tượng cây xà nu trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về nhân vật *tôi* trong truyện ngắn *Một người Hà Nội* của nhà văn Nguyễn Khải.

ĐỀ SỐ 7

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy trình bày ngắn gọn những hiểu biết của mình về cuộc đời nhà văn Sô-lô-khốp. Nêu tên hai tác phẩm tiêu biểu của ông.

Câu II. (3,0 điểm)

Viết một bài văn ngắn (không quá 400 chữ) nêu suy nghĩ của anh/chị về ý kiến sau của Ăng-ghe-nơ :

Trang bị quý nhất của con người là khiêm tốn và giản dị.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Phân tích nhân vật người "vợ nhặt" trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của nhà văn Kim Lân.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Vẻ đẹp của dòng sông Hương trong bài bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

ĐỀ SỐ 8

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy trình bày ngắn gọn hoàn cảnh ra đời và mục đích chính của văn kiện *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu II. (3,0 điểm)

Bàn về giá trị của việc đọc sách, M. Gor-ki nói : *Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người.*

Trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 400 chữ) ý kiến của anh/chị về câu nói trên.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Anh/chị cảm nhận như thế nào về đoạn thơ dưới đây trích trong bài *Tây Tiến* của Quang Dũng :

*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dẫu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời.
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người...*

(Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr. 88)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Anh/chị hãy phân tích tâm trạng nhân vật trữ tình *em* trong bài thơ *Sống* của Xuân Quỳnh.

ĐỀ SỐ 9

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy nêu những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp văn học của nhà văn Lỗ Tấn.

Câu II. (3,0 điểm)

Trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 400 chữ) ý kiến của anh/chị về nhận xét sau : *Sự học như đi thuyền trên dòng nước ngược, không tiến ắt phải lùi.*

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Anh/chị hãy phân tích những nét đặc sắc nghệ thuật của ngòi bút Nguyễn Trung Thành trong tác phẩm *Rừng xà nu*.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Trong đoạn trích *Một thời đại trong thi ca*, Hoài Thanh – Hoài Chân đã sử dụng bút pháp tài hoa và hết sức tinh tế. Anh/chị hãy phân tích bút pháp dùng trong đoạn trích đã nêu.

ĐỀ SỐ 10

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy tóm tắt ngắn gọn truyện *Thuốc* của Lỗ Tấn.

Câu II. (3,0 điểm)

Nhạc sĩ S. Gu-nô người Pháp nói : *Năm hai mươi tuổi tôi nói : “Tôi và Mô-da”*. Năm ba mươi tuổi, tôi nói : *“Mô-da và tôi”*. Năm bốn mươi tuổi, tôi nói : *“Chỉ có Mô-da”*.

Trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 400 chữ) suy nghĩ của anh/chị về câu nói trên.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của hình tượng Đất Nước trong chương *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) của Nguyễn Khoa Điềm.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ sau trong bài *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên :

Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi ?

Tình em đang mong tình mẹ đang chờ,

Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội

Mắt ta thêm mãi ngời đỏ trăm ga.

Mắt ta nhớ mặt người, tai ta nhớ tiếng

Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào

Rẽ người mà đi vịn tay mà đến

Mặt đất nồng nhựa nóng của cần lao...

(Ngữ văn 12 *Nâng cao*, tập một, NXB Giáo dục, tr. 107)

ĐỀ SỐ 11

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy nêu những đặc sắc về nghệ thuật truyện ngắn của Nguyễn Thi trong tác phẩm *Những đứa con trong gia đình*.

Câu II. (3,0 điểm)

Hãy viết bài văn ngắn (không quá 400 chữ) trình bày ý kiến của anh/chị về vấn đề : *Cơ hội của thanh niên Việt Nam trong thời kì hội nhập của đất nước.*

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Đọc truyện ngắn *Vợ nhặt* (Kim Lân), nhà giáo Đỗ Kim Hồi nhận xét: “*Cuộc đời éo le và nhân hậu làm sao dưới ngòi bút Kim Lân*”.

Anh/chị có đồng ý với nhận xét này không ?

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Việc cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh trong truyện *Một người Hà Nội* (Nguyễn Khải) gợi cho anh/chị những suy nghĩ gì ?

ĐỀ SỐ 12

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 có sự phân hóa phức tạp như thế nào ? Nguyên nhân nào dẫn đến sự phân hóa phức tạp đó ?

Câu II. (3,0 điểm)

Hãy viết bài văn ngắn (khoảng 400 chữ) trình bày ý kiến của anh/chị về câu nói sau đây của nhà văn Nga Lép Tôn - xtôi :

“*Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống*”.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Nguyễn Minh Châu viết về nhân vật chánh án Đẩu trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*: “*Một cái gì mới vừa vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển, lúc này trông Đẩu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ*”.

Câu văn này gợi cho anh/chị những suy nghĩ gì về tình huống nhận thức trong tác phẩm ?

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Tùy bút *Người lái đò sông Đà* của Nguyễn Tuân thể hiện sự kế thừa và biến đổi phong cách của nhà văn ở giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Anh/ chị hãy làm rõ nhận xét trên.

B. ĐỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

ĐỀ SỐ 1

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Nêu văn tắt hiểu biết về sự nghiệp văn học của nhà văn Nam Cao.

Câu II. (3,0 điểm)

Trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) suy nghĩ của mình về bệnh thành tích – một căn bệnh gây tác hại không nhỏ đối với sự phát triển của xã hội ta hiện nay.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Cảm nghĩ của anh/chị về hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Nghệ thuật viết văn chính luận đặc sắc của Hồ Chí Minh trong *Tuyên ngôn Độc lập*.

ĐỀ SỐ 2

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Nêu ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh *sóng* và mối quan hệ giữa hai hình tượng *sóng* và *em* trong bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh.

Câu II. (3,0 điểm)

Viết một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng học đối phó, quay cóp bài trong giờ kiểm tra của học sinh trung học phổ thông hiện nay.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao từ buổi sáng sau khi gặp thị Nở đến khi kết thúc cuộc đời để thấy rõ bi kịch của nhân vật này.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Phân tích hình tượng ông lái đò trong đoạn trích tùy bút *Người lái đò Sông Đà* (Ngữ văn 12 *Nâng cao*, tập một) để làm rõ những nét độc đáo trong cách miêu tả nhân vật của Nguyễn Tuân.

ĐỀ SỐ 3

Câu I. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy trình bày quan điểm nghệ thuật của nhà văn Nam Cao.

Câu II. (3,0 điểm)

Đức Phật dạy : *Giọt nước chỉ hoà vào biển cả mới không cạn mà thôi.*

Viết một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về lời dạy trên.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Phân tích nhân vật Huấn Cao trong tác phẩm *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu :

Của ong bướm này đây tuần tháng mật ;

Này đây hoa của đồng nội xanh rì ;

Này đây lá của cành tơ phơ phất ;

Của yến anh này đây khúc tình si ;

Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,

Mỗi buổi sớm thần Vui hằng gõ cửa ;

Tháng giêng ngon như một cặp môi gần.

(Ngữ văn 11 *Nâng cao*, tập hai, NXB Giáo dục, 2008, tr.27-28)

ĐỀ SỐ 4

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Tác phẩm *Chí Phèo* của nhà văn Nam Cao đã có những tên gọi nào ? Anh/chị hãy nhận xét về những tên gọi đó.

Câu II. (3,0 điểm)

Trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) suy nghĩ của anh/chị về nhận xét sau : *Học tập là cuốn vở không có trang cuối.*

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu

(câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Hãy phân tích bài thơ *Chiều tối* (Mộ) ở tập *Nhật kí trong tù* để làm nổi bật những nét đẹp trong tâm hồn tác giả Hồ Chí Minh.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hai khổ thơ sau trong bài thơ *Tiếng hát con tàu* của nhà thơ Chế Lan Viên :

Con tàu này lên Tây Bắc anh đi chăng ?

Bạn bè đi xa anh giữ trời Hà Nội

Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi

Ngoài cửa ô ? Tàu đôi những vành trăng.

Đất nước mệnh mông, đời anh nhỏ hẹp

Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi ?

Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép

Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia.

(Ngữ văn 12 Nâng cao, tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr.105-106)

ĐỀ SỐ 5

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Tóm tắt truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi.

Câu II. (3,0 điểm)

Nhà văn Trung Quốc Lỗ Tấn từng viết :

Ước mơ giống như một con đường chưa có, nhưng con người phải khai phá và vượt qua.

Anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên trong một bài văn ngắn (không quá 600 chữ).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu :

*Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất,
Lòng tôi rộng nhưng lượng trời cứ chật
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại !
Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời...*

(*Ngữ văn 11*, tập hai, NXB Giáo dục, 2008, tr. 22)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Phân tích hình tượng cụ Mết trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

ĐỀ SỐ 6

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Nêu vị trí trong tác phẩm và giải thích ý nghĩa nhan đề đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia* (trích tiểu thuyết *Số đỏ* – Vũ Trọng Phụng).

Câu II. (3,0 điểm)

Trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) ý kiến của anh/chị về câu ngôn ngữ Hi Lạp :

Cái rẻ của học hành thì cay đắng nhưng quá của nó thì ngọt ngào.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hình tượng Lor-ca trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* của Thanh Thảo.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về bài thơ *Từ ấy* của Tố Hữu.

ĐỀ SỐ 7

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Nêu hoàn cảnh sáng tác, cảm hứng chủ đạo và cấu tứ bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận.

Câu II. (3,0 điểm)

H.Ban-dắc, nhà văn Pháp nổi tiếng, cho rằng : *Khi công nhận cái yếu của mình con người trở nên mạnh mẽ.*

Viết một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về bài thơ *Chiều tối* của Hồ Chí Minh.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam.

ĐỀ SỐ 8

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Trình bày những nét chính về sự nghiệp văn học của Xuân Diệu.

Câu II. (3,0 điểm)

Viết một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến sau :

Những kẻ cứ làm mà không cần học vấn thì chẳng khác nào thủy thủ đi trên chiếc tàu không bánh lái, không la bàn mà cũng chẳng biết đi đâu.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Phân tích bức tranh đời sống của phố huyện nghèo lúc chiều tối trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về tình yêu cuộc sống và con người của Hàn Mặc Tử qua bài *Đáy thôn Vĩ Dạ*.

ĐỀ SỐ 9

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Nêu hoàn cảnh sáng tác và nội dung cơ bản của vở kịch *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng.

Câu II. (3,0 điểm)

Anh/chị hãy trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) suy nghĩ của mình về ý thơ sau của Tố Hữu :

Ôi ! Sống đẹp là thế nào hỡi bạn ?

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về khổ thơ sau trong bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận :

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song,
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả ;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót ;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

(Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục, 2008, tr.29)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Bộ mặt của xã hội thượng lưu thành thị trong đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia* (trích tiểu thuyết *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng).

ĐỀ SỐ 10

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy nêu những nét chính trong sự nghiệp văn học của Nguyễn Tuân.

Câu II. (3,0 điểm)

Giá trị của con người không ở chân lí người đó sở hữu hoặc cho rằng mình sở hữu, mà ở nỗi gian khó người đó lãnh nhận khi đi tìm chân lí (Lét-xinh).

Dựa vào câu nói trên, anh/chị hãy trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) suy nghĩ của mình về hành trình tìm kiếm những giá trị cao đẹp của đời sống con người.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ dưới đây trong bài *Tràng giang* của Huy Cận :

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ : bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

(Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục, 2008, tr.29)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Anh/chị hãy phân tích hình ảnh con người Tây Nguyên trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

ĐỀ SỐ 11

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Tóm tắt ngắn gọn quá trình sáng tác và phong cách nghệ thuật của Nam Cao.

Câu II. (3,0 điểm)

Anh/chị hãy trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) suy nghĩ của anh (chị) về câu nói sau: *Tập quán xấu ban đầu là khách qua đường sau trở thành người bạn thân ở chung nhà và kết cục biến thành ông chủ nhà khó tính.*

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng :

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kia em xiêm áo tự bao giờ*

*Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.*

(Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008, tr. 88 - 89)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trong chương *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) của Nguyễn Khoa Điềm :

*Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng
Họ truyền lửa qua mỗi nhà, từ hòn than qua con cúi
Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói
Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân
Họ đắp đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái
Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm
Có nội thù thì vùng lên đánh bại
Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân.*

(Ngữ văn 12 Nâng cao, tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr. 119)

ĐỀ SỐ 12

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Những đặc điểm nào về thân thế sự nghiệp của Lor-ca đã giúp cho anh/chị hiểu sâu sắc hơn bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* – Thanh Thảo ?

Câu II. (3,0 điểm)

“Điều gì có thể theo đuổi suốt cuộc đời” – Khổng Tử đáp: “Chỉ có lượng thứ mà thôi” và “Điều gì mình không muốn thì đừng đem đến cho người khác”.

Từ những câu trả lời trên, anh/chị hãy trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) suy nghĩ của mình về sự lượng thứ, lòng khoan dung trong cuộc sống của mỗi con người.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Bằng hiểu biết về hai tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân) và *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài), hãy làm sáng tỏ ý kiến: *Sáng tác của họ trút nỗi Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ dừng lại ở việc khơi sâu những nỗi đau, bi kịch của một kiếp người mà còn mở ra cho họ thấy con đường sáng của tương lai phía trước, dưới ngọn cờ của Đảng.*

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Vẻ đẹp của hình tượng con sông Đà trong đoạn trích tùy bút *Người lái đò Sông Đà* của Nguyễn Tuân (*Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một).

ĐỀ SỐ 13

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy nêu chủ đề và giải thích ý nghĩa nhan đề truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân.

Câu II. (3,0 điểm)

Trong bài thơ *Con cò* của nhà thơ Chế Lan Viên có câu :

Con dù lớn vẫn là con của mẹ

Đi suốt đời lòng mẹ vẫn theo con.

Từ ý thơ trên, anh/chị hãy trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) suy nghĩ của mình về tình mẫu tử.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về tính cách của hai chị em Chiến và Việt trong đoạn kể hai chị em khiêng bàn thờ má sang gửi chú Năm trong truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong chương *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) của Nguyễn Khoa Điềm :

*Đất là nơi anh đến trường
Nước là nơi em tắm
Đất Nước là nơi ta hò hẹn
Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm
Đất là nơi "con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc"
Nước là nơi "con cá ngư ông móng nước biển khơi"
Thời gian đằng đẵng
Không gian mênh mông
Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ
Đất là nơi Chim về
Nước là nơi Rồng ở
Lạc Long Quân và Âu Cơ
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng*

(Ngữ văn 12 *Nâng cao*, tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr. 115 - 117)

ĐỀ SỐ 14

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy nêu những đặc điểm con người nhà văn Nguyễn Tuân và phong cách nghệ thuật của ông.

Câu II. (3,0 điểm)

Trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của nhận định : *Thất bại là mẹ thành công*.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu

**(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài *Đàn ghi ta của Lor-ca* của nhà thơ Thanh Thảo :

*không ai chôn cất tiếng đàn
tiếng đàn như cỏ mọc hoang
giọt nước mắt vầng trăng
lơ lửng trong đáy giếng*

*đường chỉ tay đã đứt
dòng sông rộng vô cùng
Lơ-ca bơi sang ngang
trên chiếc ghi ta màu bạc*

(Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr. 165)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Phân tích sự thay đổi tâm trạng của nhân vật Hồn Trương Ba khi phải sống nhờ thân xác anh hàng thịt trong đoạn trích vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của tác giả Lưu Quang Vũ (*Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một).

ĐỀ SỐ 15

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy nêu ý nghĩa nhan đề *Những đứa con trong gia đình* và chủ đề thiên truyện ngắn này của Nguyễn Thi.

Câu II. (3,0 điểm)

Trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) suy nghĩ của anh/chị về chuyện *đổ, trượt* trong thi cử.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hai khổ thơ sau trong bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh :

*Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ*

Sóng không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể

Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ

(Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr.155)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng : Bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu đậm đà phong vị dân gian.

Anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua việc phân tích đoạn trích bài thơ trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một.

ĐỀ SỐ 16

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy trình bày những hiểu biết về tác giả Nguyễn Khoa Điềm, hoàn cảnh ra đời và chủ đề của trường ca *Mặt đường khát vọng*.

Câu II. (3,0 điểm)

Trong cuốn *Đa-ghe-xtan của tôi* của nhà thơ R. Gam-da-tốp có câu :

Nếu anh bắn vào quá khứ bằng súng lục thì tương lai sẽ bắn vào anh bằng đại bác.

Trình bày trong một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) quan điểm của anh/chị về ý kiến trên.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Anh /chị hãy phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu :

*Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...*

Thương nhau chia củ sắn lùi
 Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.
 Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
 Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.
 Nhớ sao lớp học i tờ
 Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
 Nhớ sao ngày tháng cơ quan
 Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.
 Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
 Chày đêm nện cối đều đều suối xa...

(Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr. 111)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Anh/chị suy nghĩ như thế nào nhận định của Hoài Thanh về mặt tích cực và bi kịch của cái Tôi trong Thơ mới (*Một thời đại trong thi ca*).

ĐỀ SỐ 17

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Sách *Ngữ văn 12* nhận xét: "*Thơ Tố Hữu đã là tấm gương trong sáng phản chiếu tâm hồn một người chiến sĩ cách mạng suốt đời phấn đấu hi sinh vì tương lai tươi đẹp của dân tộc, cuộc sống hạnh phúc của con người, đây cũng là tấm gương phản chiếu tâm hồn dân tộc, đời sống dân tộc trên con đường lớn của cách mạng*" (Tr. 99, NXB Giáo dục, 2008).

Anh/chị hãy lí giải ngắn gọn về nhận định trên.

Câu II. (3,0 điểm)

Phương ngôn Bun-ga-ri có câu: "*Khi ta tặng bạn hoa hồng, tay ta còn vương mùi hương*".

Anh/chị suy nghĩ gì về ý nghĩa của câu phương ngôn trên ?

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Nét riêng trong cảm hứng nhân đạo thể hiện qua hai truyện ngắn *Chí Phèo* (Nam Cao) và *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Anh/chị hãy phân tích những nét riêng trong cảm nhận về quê hương đất nước của nhà thơ trong đoạn thơ sau:

Những người vợ nhớ chồng còn góp cho đất nước những núi Vọng Phu

Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái

Gót ngựa của Thanh Giồng đi qua còn trăm ao đầm để lại.

Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất tổ Hùng Vương

Những con rồng nằm im góp cho Đất Nước mình núi Bút, non Nghiên

Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho Hạ Long thành thắng cảnh

Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm

Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi

Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha

(*Đất Nước*, trích chương V trường ca *Mặt đường khát vọng*,

Nguyễn Khoa Điềm, *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập 1, NXB Giáo dục, 2008, tr.117)

ĐỀ SỐ 18

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Người ta thường nói : Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là một tác giả đa phong cách. Anh/chị hiểu nhận xét này như thế nào ?

Câu II. (3,0 điểm)

Trong bài hát *Một đời người một rừng cây* của nhạc sĩ Trần Long Ẩn, có đoạn:

Ai cũng chọn việc nhẹ nhàng, gian khổ sẽ dành phần ai

Ai cũng một thời trẻ trai, cũng từng nghĩ về đời mình

Phải đâu may nhờ rủi chịu, phải đâu trong đục cũng dành.

Phải không anh ?

Phải không em ?

Anh/chị suy nghĩ gì về ý nghĩa của những lời hát trên ?

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu

(câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Vẻ đẹp bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Trong truyện ngắn *Trăng sáng*, Nam Cao viết : "Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối ; nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than..."

Qua một số truyện ngắn của Nam Cao, anh/chị hãy giải thích và làm sáng tỏ ý nghĩa của nhận định trên.

ĐỀ SỐ 19

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Nêu ngắn gọn những hiểu biết về tác giả Phạm Văn Đồng và hoàn cảnh sáng tác bài *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*.

Câu II. (3,0 điểm)

Viết một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) trình bày suy nghĩ về hiện tượng đời sống sau đây :

Giữa một vùng sỏi đá khô cằn, cây hoa dại vẫn mọc lên và nở những chùm hoa thật đẹp.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Giá trị hiện thực trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của nhà văn Kim Lân.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Phân tích nhân vật Tnú trong tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

ĐỀ SỐ 20

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy nêu ngắn gọn hiểu biết về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân trong tùy bút *Người lái đò Sông Đà*.

Câu II. (3,0 điểm)

Người ta không biết trọng cái thực lực mà muốn trông cậy vào cái vận may thì chí khí cũng đã kém rồi, huống chi cái vận may không mấy khi được gặp.

Hãy viết một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu
(câu IIIa hoặc IIIb).*

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Trình bày suy nghĩ của anh/chị về nhân vật Việt trong *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân và trong đêm Mị cắt dây cửi trời cho A Phủ (đoạn trích truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài, *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập hai).

Phần thứ ba

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM ĐỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG

A. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM ĐỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ĐỀ SỐ 1

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– *Việt Bắc* là bài thơ được Tố Hữu viết vào tháng 10 - 1954 sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã hoàn toàn thắng lợi. Nhân sự kiện chính trị lớn là các cơ quan của Trung ương Đảng và Chính phủ từ chiến khu Việt Bắc trở về Hà Nội, Tố Hữu làm bài thơ để nói lên tình cảm thấm thiết của mình với Việt Bắc – quê hương của cách mạng.

– *Việt Bắc* không chỉ là tình cảm riêng của Tố Hữu mà còn tiêu biểu cho tình cảm cao đẹp của những con người kháng chiến đối với Việt Bắc, đối với nhân dân và đất nước.

– Bài thơ là khúc hát ân tình thủy chung giữa những con người cách mạng, kháng chiến với Việt Bắc và giữa nhân dân Việt Bắc với cách mạng, thể hiện truyền thống đạo lý thủy chung, giàu ân nghĩa của dân tộc.

b) Cách cho điểm (*)

– Điểm 2 : Đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên, có thể còn mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt.

– Điểm 1 : Trình bày được một nửa yêu cầu trên, còn mắc một số lỗi diễn đạt.

– Điểm 0 : Hoàn toàn lạc đề.

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài làm có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

– Ý nghĩa khái quát của câu nói : khẳng định và nhấn mạnh yếu tố tinh thần và tư tưởng của con người đối với công việc. Khi tư tưởng thông suốt, tinh thần vững vàng thì con người sẽ có quyết tâm cao, có ý chí mạnh mẽ để vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong cuộc sống cũng như trong công việc.

– Nêu ý kiến cá nhân về câu nói này và có những nhận xét, đánh giá về tinh thần, thái độ của thế hệ trẻ ngày nay khi giải quyết những vướng mắc khó khăn trong công việc, cuộc sống.

c) Cách cho điểm (*)

– Điểm 3 : Đáp ứng được các yêu cầu trên, có thể còn mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt.

– Điểm 2 : Trình bày được nửa các yêu cầu trên, còn mắc một số lỗi về diễn đạt.

– Điểm 1 : Nội dung sơ sài, diễn đạt yếu.

– Điểm 0 : Hoàn toàn lạc đề.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm trữ tình, diễn đạt lưu loát, kết cấu chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng, phát hiện và phân tích những đặc sắc về nghệ thuật (cách dùng từ Hán Việt, xây dựng hình ảnh,...) để làm nổi bật giá trị của đoạn thơ. Thí sinh có thể triển khai theo nhiều hướng khác nhau nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

– Hình tượng tập thể người lính Tây Tiến : là những anh hùng trận mạc nhưng cũng là những tâm hồn lãng mạn, những trái tim khao khát, rạo rực yêu thương, đầy mơ mộng.

– Hình ảnh người lính Tây Tiến chói ngời vẻ đẹp lí tưởng, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Lời thơ nói về hi sinh, mất mát nhưng không bi lụy mà mang đậm chất bi tráng.

– Nghệ thuật dùng từ Hán Việt, bút pháp lãng mạn.

c) Cách cho điểm (*)

– Điểm 5 : Đáp ứng được các yêu cầu trên, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt.

– Điểm 3 : Trình bày được nửa các yêu cầu trên, còn mắc một số lỗi diễn đạt.

– Điểm 1 : Phân tích quá sơ sài, diễn đạt còn yếu.

– Điểm 0 : Hoàn toàn lạc đề.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu, thí sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

– Nhân vật người đàn bà trong *Chiếc thuyền ngoài xa* là hiện thân cho những mảng đời tối tăm cơ cực vẫn còn tồn tại trong cuộc sống quanh ta.

– Nhưng dù cuộc sống riêng có phải chịu trăm nỗi cơ cực, tủi nhục vẫn thấy thấp thoáng trong người đàn bà ấy là bóng dáng của người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung, giàu lòng vị tha và đức hi sinh.

– Nghệ thuật thể hiện tâm trạng nhân vật : chân thực, tinh tế, sâu lắng.

c) Cách cho điểm (*)

– Điểm 5 : Đáp ứng được các yêu cầu trên, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt.

– Điểm 3 : Trình bày được nửa các yêu cầu trên, còn mắc một số lỗi diễn đạt.

– Điểm 1 : Phân tích quá sơ sài, diễn đạt còn yếu.

– Điểm 0 : Hoàn toàn lạc đề.

(*) Từ Đề số 2 đến Đề số 12 (Ôn luyện thi TNTHPT) tham khảo cách cho điểm ở Đề số 1.

ĐỀ SỐ 2

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Từ câu chuyện được nghe vào mùa xuân năm 1946, nhà văn Sô-lô-khốp đã viết truyện ngắn *Số phận con người*. Truyện ngắn ra đời năm 1956, được in trên hai số báo *Sự thật* ra ngày 31-12-1956 và ngày 1-1-1957.

– Với tinh thần tôn trọng sự thật, nhà văn Sô-lô-khốp đã thể hiện cách nhìn cuộc sống và chiến tranh một cách toàn diện, chân thực : không né tránh sự thật khắc nghiệt, dữ dội của cuộc sống, không tô hồng thực tại, không lí tưởng hoá nhân vật.

– *Số phận con người* tập trung khám phá nỗi bất hạnh và tinh thần vượt lên trên bất hạnh của con người Xô viết trong và sau cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 42).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; kết cấu bài chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được những ý chính sau :

– Đất nước kết tinh, hoá thân trong mỗi con người ; con người phải có tinh thần cống hiến, có trách nhiệm đối với sự trường tồn của quê hương, xứ sở.

– Suy nghĩ của cá nhân về lời nhắn nhủ trong những câu thơ trên. Cần nêu ý kiến riêng của bản thân, có sự lí giải khác nhau nhưng cần phải lô gích, thuyết phục.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 43).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tâm trạng nhân vật trong tác phẩm văn xuôi, diễn đạt lưu loát, kết cấu bài viết chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững tác phẩm *Vợ nhặt* của Kim Lân và nghệ thuật xây dựng nhân vật trong thiên truyện, thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

- Những biểu hiện tâm trạng của bà cụ Tứ khi thấy con trai mình có vợ : vừa mừng vừa lo, mà sự lo lắng thì nhiều hơn cả vì bà cụ đã trải đời, đã biết thế nào là cái đói, cái nghèo.

- Cùng với cái mừng, cái lo cũng là cái tủi với tâm trạng “vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình”.

- Sự cảm thông, tấm lòng thương xót của bà cụ dành cho người con dâu mới trong cảnh tủi cực.

- Tâm trạng bà mẹ: phức tạp, đầy mâu thuẫn....

- Nghệ thuật thể hiện tâm trạng : chân thực, tinh tế.

- Tấm lòng nhân hậu, niềm lạc quan tin tưởng vào tương lai ở người mẹ,...

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm trữ tình, diễn đạt lưu loát, kết cấu chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về bài thơ *Viết Bắc* của Tố Hữu, biết phát hiện và phân tích những đặc sắc về nghệ thuật (dùng từ ngữ, hình ảnh,...) để làm nổi bật giá trị của đoạn thơ. Thí sinh có thể triển khai theo nhiều hướng khác nhau nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

– Vẻ đẹp của bức tranh Việt Bắc qua thơ Tố Hữu là vẻ đẹp của sự hài hoà, gắn bó giữa thiên nhiên và con người.

– Bức tranh bắt đầu bằng cảnh mùa đông không tàn lụi, lạnh lẽo mà sống động, ấm nồng ; cảnh mùa xuân với màu trắng của hoa mơ ; mùa hè với tiếng ve kêu và rừng phách đổ vàng ; khép lại bức tranh là cảnh mùa thu với đêm trăng trù tình bình yên và huyền ảo,...

Trên cái phông nền của thiên nhiên bốn mùa là hình ảnh những con người Việt Bắc hăng say lao động,...

– Nghệ thuật : thể thơ lục bát âm điệu ngọt ngào, sâu lắng ; cách miêu tả thiên nhiên gắn bó với con người trong cấu trúc cân đối về hình ảnh, màu sắc,...

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

ĐỀ SỐ 3

1. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu 1. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Về nội dung, thơ Tố Hữu mang phong cách trữ tình – chính trị :

+ Thơ Tố Hữu tập trung biểu hiện những lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn, hay nói cách khác là hướng tới *cái ta chung*.

+ Thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi.

+ Giọng thơ mang đậm chất tâm tình, ngọt ngào.

– Về nghệ thuật biểu hiện, thơ Tố Hữu mang tính dân tộc đậm đà :

+ Thể thơ đa dạng ; đặc biệt thành công ở những thể thơ truyền thống.

+ Ngôn ngữ thơ : thường dùng cách nói dân gian, phát huy tính nhạc trong thơ.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 42).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần khẳng định được vai trò của người thầy trong xã hội.

– Nhiệm vụ của người thầy (người làm nghề dạy học) : dạy để nâng cao trình độ văn hoá và phẩm chất đạo đức theo chương trình giáo dục nhất định.

– Mọi thời đại đều không thể thiếu sự giáo dục của người thầy về tri thức, đạo lí,... đặc biệt là các cấp học phổ thông.

– Trong xã hội hiện nay, khi công nghệ thông tin phát triển, học sinh có thêm nhiều cơ hội tự học ; đồng thời, sự đổi mới giáo dục làm cho phương pháp dạy học có nhiều thay đổi, song cũng không làm mất đi vai trò của người thầy, mà đòi hỏi mỗi thầy cô phải có sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo để việc dạy học đạt hiệu quả hơn.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 43).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học, biết vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa* và đặc điểm văn xuôi Nguyễn Minh Châu, thí sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều hướng khác nhau, nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

– *Chiếc thuyền ngoài xa* là một câu chuyện buồn về hiện thực cuộc sống xù xì thô nháp, con người phải đối diện với cái ác, cái xấu để sinh tồn. Những nhân vật trong *Chiếc thuyền ngoài xa* là hiện thân cho những mảng đời tối tăm, cơ cực vẫn tồn tại trong cuộc sống quanh ta.

– Nhưng dưới con mắt của người nghệ sĩ, cuộc sống vẫn ánh lên những niềm tin, niềm hi vọng về phẩm chất con người (thể hiện tập trung qua hình tượng người phụ nữ) : đó là bản năng hướng đến sự sống, là tấm lòng bao dung, tình mẫu tử thiêng liêng tha thiết....

– Niềm khắc khoải của Nguyễn Minh Châu trước cuộc sống đầy rẫy những nhọc nhằn, bất trắc : Làm thế nào để cuộc sống của mỗi con người không bị chà đạp ? Đó chính là chiều sâu của giá trị nhân văn được kết đọng trong tác phẩm.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

Câu IIIb. Theo chương trình Năng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về đoạn trích *Người lái đò Sông Đà* của Nguyễn Tuân và nghệ thuật khắc họa nhân vật, thí sinh có thể triển khai theo nhiều hướng nhưng cần nêu được một số nội dung cơ bản sau :

– Thấp thoáng hiện lên qua vài nét phác họa của thiên tùy bút là hình ảnh người lái đò sông Đà, một con người bình thường, một nhà đò vô danh nơi sông nước hoang vu, khuất nẻo. Nhưng con người lao động bình thường ấy qua lăng kính nghệ sĩ của Nguyễn Tuân lại là một nghệ sĩ tài hoa trong nghệ thuật vượt thác ghềnh (ông đã thật sự là tay lái tài hoa khi chèo lái con thuyền vượt qua ghềnh, thác đá hung dữ của sông Đà về bến an toàn).

– Không chỉ là một nghệ sĩ tài hoa, người lái đò sông Đà còn là một dũng tướng đầy quả cảm trên trận chiến với sông nước hung bạo.

– Vẻ đẹp của người lái đò sông Đà là vẻ đẹp của người anh hùng lao động trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới của đất nước.

– Nghệ thuật : khắc họa vẻ đẹp của người lao động trên phương diện tài hoa nghệ sĩ.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

ĐỀ SỐ 4

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

Bài thơ được khơi nguồn cảm hứng từ đoàn quân Tây Tiến – một đơn vị được thành lập mùa xuân năm 1947 và hoạt động chủ yếu ở biên giới Việt – Lào. Chiến sĩ Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội, Quang Dũng cũng là một thành viên của đoàn quân Tây Tiến. Cuối năm 1948, nhà thơ chuyển sang đơn vị khác và ông đã sáng tác bài thơ, lúc đầu bài thơ có tên là *Nhớ Tây Tiến*, sau đó được tác giả đổi lại là *Tây Tiến*.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 42).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và lỗi ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể nêu ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu bật được các ý chính sau :

– Trong cuộc sống, con người ta đôi khi phải biết chấp nhận để có thể đem lại nhiều điều tốt đẹp cho cuộc sống.

– Câu nói trên hướng con người (đặc biệt là thế hệ học sinh) đến sự trung thực trong học tập, thi cử.

– Làm một người trung thực, dù bị trượt trong thi cử anh ta vẫn có thể học lại để có thể có kiến thức thật sự cho mình.

– Gian lận trong thi cử giúp anh ta đỗ trong kì thi nào đó nhưng anh ta lại không có kiến thức và đến lúc nào đó anh ta sẽ bị đào thải.

– Thí sinh trình bày suy nghĩ, thái độ của bản thân.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 43).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững tác phẩm *Vợ nhặt* của Kim Lân, nghệ thuật xây dựng nhân vật, thí sinh có thể triển khai theo nhiều hướng khác nhau nhưng cần nêu được các nội dung cơ bản sau :

– Sự kiện bất ngờ "nhặt" được vợ đã làm thay đổi cuộc đời, số phận của Tràng. Có được vợ, Tràng như đã thành một con người khác với những biểu hiện tâm trạng như : lo lắng, vui mừng, hạnh phúc và ý thức về bốn phận trách nhiệm đối với gia đình trong Tràng trời dấy.

– Nghệ thuật diễn tả tâm trạng nhân vật chân thực, sinh động, tinh tế.

– Qua sự biến đổi tâm trạng của nhân vật Tràng, thấy được vẻ đẹp tâm hồn, tính cách nhân vật (tình thương, niềm khao khát hạnh phúc, niềm lạc quan tin tưởng vào tương lai), tình cảm nhân đạo của nhà văn dành cho người lao động nghèo khổ.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm trữ tình, diễn đạt lưu loát, kết cấu chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững bài thơ *Viết Bắc* của Tố Hữu, phát hiện và phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật để làm nổi bật giá trị nội dung, thí sinh có thể triển khai bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu bật được những ý cơ bản sau :

– Bốn câu đầu là lời người ở lại nhắn với người ra đi đừng quên Việt Bắc – mảnh đất cách mạng gắn bó với quá khứ chiến đấu hào hùng, với những khó khăn gian nan trong cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

– Tám câu tiếp theo là lời bày tỏ tình cảm gắn bó, yêu thương của đồng bào Việt Bắc dành cho cán bộ kháng chiến, cho cách mạng. Nỗi nhớ trào dâng trong lòng người, bao trùm không gian núi rừng.

– Nghệ thuật sử dụng phép điệp từ (*mình đi, mình về*), cấu trúc đối,... để diễn tả tình cảm sâu đậm thủy chung của người dân Việt Bắc.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

ĐỀ SỐ 5

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

· Lấy hình ảnh “tầng băng trôi”, phân nổi thì ít, phân chìm thì nhiều. Hê-minh-uê muốn nêu yêu cầu đối với một nhà văn hay một tác phẩm văn học : không trực tiếp, công khai phát ngôn mà thông qua việc xây dựng hình tượng, ngôn ngữ có nhiều sức gợi tạo ra những khoảng trống để người đọc tự rút ra ý nghĩa của tác phẩm.

· Thông qua hình ảnh ông già quật cường, bằng kỹ thuật điều luyện đã chiến thắng con cá mập cực to lớn và hung dữ trong truyện ngắn *Ông già và biển cả*, nhà văn muốn gửi đến người đọc thông điệp : Hãy tin vào con người, “con người có thể bị huỷ diệt chứ không thể bị đánh bại”, “con người được sinh ra không phải để dành cho thất bại” (Hê-minh-uê).

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 42).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài làm có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

- Ý nghĩa câu tục ngữ *Ở hiền gặp lành* :

Nếu ta ăn ở tử tế, sẵn sàng giúp đỡ người khác thì cuộc sống của ta sẽ được đền bù xứng đáng, những điều tốt đẹp sẽ đến với ta.

- Thực tế :

+ Nhiều người ở hiền đã gặp lành. Đó là một điều dễ hiểu, chính đáng. Bởi khi mình ăn ở tốt sẽ có nhiều người giúp đỡ khi cần thiết.

+ Tuy vậy, không hiếm người ở hiền nhưng cuộc sống vẫn khó khăn, vất vả trong khi có nhiều kẻ xấu lại sống sung sướng, đủ đầy vì xã hội còn nhiều phức tạp, những thế lực xấu vẫn tồn tại, gieo tai họa cho những người ở hiền.

Bài học :

+ Nên ở "hiền" vì đây là cách sống cao đẹp, có khả năng giáo dục kẻ xấu.

+ Nhưng không phải đối với ai ta cũng ở hiền. Đối với bọn xấu ta phải đấu tranh giáo dục, thậm chí trừng trị chúng. Đây là cách hướng thiện và đấu tranh kiên trì cho cái thiện.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 43).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích nhân vật văn học. Kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài và nghệ thuật xây dựng nhân vật, thí sinh có thể triển khai theo nhiều hướng khác nhau song cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

– A Phủ có một số phận đặc biệt : mồ côi cha mẹ, sống một mình, không người thân thích, nghèo khổ đến mức không lấy nổi vợ vì tục lệ cưới xin ngặt nghèo. Nhưng vượt lên mọi nỗi cơ cực, thử thách, A Phủ trở thành chàng trai Mông khoẻ mạnh, tháo vát.

– A Phủ là con người có cá tính : gan góc từ bé (bị bắt bán xuống vùng thấp nhưng lại bỏ trốn lên vùng cao,...) ; ngang tàng, sẵn sàng trừng trị kẻ xấu (đánh con quan) ; cố sức chịu đựng dẻo dai (bị đánh, bị trói,...).

– Nghệ thuật khắc hoạ tính cách nhân vật sinh động, chân thực.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết làm bài văn nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích nhân vật văn học. Kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững tác phẩm *Một người Hà Nội* của Nguyễn Khải và nghệ thuật xây dựng nhân vật, thí sinh có thể triển khai theo nhiều hướng khác nhau nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

– Bà Hiền là một người phụ nữ Hà thành truyền thống được khẳng định trước hết ở bản lĩnh của một con người luôn luôn dám là mình, luôn quyết định trước những công việc hệ trọng của bản thân (lấy chồng, sinh con,...).

– Là hiện thân của những nét văn hoá truyền thống của đất “kinh kì ngàn năm văn hiến” (thể hiện phong thái, cách sống, ứng xử trong cuộc sống hằng ngày).

Nhận xét khái quát về nhân vật.

– Bằng bút pháp hiện thực, tác giả xây dựng nhân vật sống động, phù hợp với thực tế.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

ĐỀ SỐ 6

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Năm Ất Dậu (1945) người dân Việt Nam lâm vào nạn đói chưa từng có trong lịch sử. Hơn hai triệu người chết đói. Xúc động và thấm thía trước cảnh ngộ này, nhà văn Kim Lân đã sáng tác truyện ngắn xuất sắc *Vợ nhặt*.

- *Vợ nhặt* có tiền thân là tiểu thuyết *Xóm ngụ cư* được Kim Lân viết sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công. Bối cảnh câu chuyện là nạn đói năm 1945. Tuy nhiên, tiểu thuyết *Xóm ngụ cư* chưa được hoàn thành vì bản thảo bị mất trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Sau khi hoà bình lập lại, tác giả đã dựa vào một phần cốt truyện để viết truyện ngắn này. Tác phẩm được in trong tập truyện *Con chó xấu xí*, xuất bản năm 1962.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 42).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kỹ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài làm có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

- Nội dung ý kiến : Nhấn mạnh mục đích của công việc, làm việc gì cũng phải có chủ đích, có ý chí và lòng kiên định.

– Suy nghĩ và liên hệ hành động của bản thân, phấn đấu tu dưỡng và rèn luyện để đạt được những mục đích lớn lao của cuộc đời.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 43).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Nguyễn Trung Thành và truyện ngắn *Rừng xà nu*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật hình tượng cây xà nu. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần nêu bật được những ý kiến sau :

– Cây xà nu là loài cây tiêu biểu của núi rừng Tây Nguyên, có sức sống dẻo dai, mạnh mẽ.

– Cây xà nu gắn bó với cuộc sống đồng bào Tây Nguyên, có mặt trong cuộc sống hằng ngày của người dân Xô Man, tham dự vào những sự kiện quan trọng của cuộc sống làng Xô Man và trở thành người bạn gần gũi thiết với cuộc sống của người dân Xô Man.

- Hình tượng cây xà nu là một sáng tạo độc đáo của Nguyễn Trung Thành, nó được dùng như một ẩn dụ gợi cho người đọc nghĩ đến những thế hệ con người Tây Nguyên có sức sống bất diệt, bất khuất, kiên định.

– Nghệ thuật kể chuyện lời cuốn, hấp dẫn tạo không khí sử thi hùng tráng, hình ảnh so sánh độc đáo, thủ pháp miêu tả tài tình,...

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Nguyễn Khải và truyện ngắn *Một người Hà Nội*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật hình tượng

nhân vật cháu bà Hiền – nhân vật "tôi". Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần nêu bật được những ý sau :

- Nhân vật "tôi" tiêu biểu cho nét đẹp văn hoá của người Hà Nội, hiểu biết, có tầm nhìn xa trông rộng.
- Có lối sống tinh tế, thanh lịch.
- Hoài nghi lo âu khi thấy Hà Nội đang giàu lên.
- Không tin lớp người đang hăm hở làm giàu kia biết giữ gìn vẻ đẹp của Hà Nội hào hoa, thanh lịch, vẻ đẹp của chốn kinh kì.
- “Tức và đau” vì gặp những người Hà Nội thiếu văn hóa.
- Là người có niềm tin vào giá trị văn hoá vững bền được lưu giữ.
- Phong cách nghệ thuật đặc sắc của Nguyễn Khải : lối kể chuyện linh hoạt, đa giọng điệu, giàu chất triết lí, triết luận.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

ĐỀ SỐ 7

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu 1. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu được các ý chính sau :

- M.Sô-lô-khốp (1905 -1984) sinh tại một thị trấn của vùng sông Đông.
- Là nhà văn Xô viết lỗi lạc, tham gia cách mạng khá sớm.
- Từng làm nhiều nghề để kiếm sống và luôn tự học.
- Ông vinh dự được nhận Giải thưởng Nô-ben về văn học năm 1965.
- Tác phẩm tiêu biểu : + *Sông Đông êm đềm*.
- + *Số phận con người*.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 42).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và lỗi ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu bật được các ý chính sau :

– Nội dung kiến thức : Nhấn mạnh và khẳng định phẩm chất tốt đẹp của con người là sự khiêm tốn và giản dị. Nó giúp con người tránh khỏi thói hợm hĩnh, kiêu ngạo để hoàn thiện mình.

– Con người nên học lối sống khiêm tốn và giản dị để hoà đồng với xã hội. Giản dị trong cách sống, trong hành động, ngôn ngữ,...

· Thí sinh suy nghĩ về hành động của bản thân, tu dưỡng đạo đức, có ý thức thái độ học tập tốt, cố sự hoà đồng với cộng đồng.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 43).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Kim Lân và truyện ngắn *Vợ nhặt*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật tâm trạng nhân vật người "vợ nhặt". Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần nêu bật được những ý chính sau :

– Có ngoại hình không ưa nhìn, tính cách bạo dạn, đến với Tràng chỉ vì bốn bát bánh đúc.

– Sự thay đổi sắc thái tâm trạng của người vợ từ bạo dạn đến ngạc nhiên, ngỡ ngàng, e thẹn rồi băn khoăn, tủi hổ,...

– Là người có tấm lòng vị tha, nhân hậu, yêu thương và khao khát mái ấm gia đình.

– Là người chăm chỉ, chịu khó, có một niềm tin, niềm hi vọng vào ngày mai tươi sáng.

– Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật,...

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Hoàng Phủ Ngọc Tường và bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông* ? thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật hình tượng sông Hương. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần nêu bật được những ý sau :

– *Vẻ đẹp thiên nhiên* “phóng khoáng và man dại”, “rầm rộ”, “mãnh liệt” – “một bản trường ca của rừng già” khi nó đi qua giữa lòng Trường Sơn.

– *Vẻ đẹp lịch sử* : Sông Hương từng chứng kiến bao cuộc khởi nghĩa, Cách mạng tháng Tám 1945, chiến dịch Mậu Thân 1968,...

– *Vẻ đẹp văn hóa xứ Huế* : Sông Hương gắn với âm nhạc cổ điển của Huế : ca Huế, nhã nhạc cung đình,...

– *Vẻ đẹp tâm hồn con người xứ Huế* : Sông Hương có vẻ đẹp “dịu dàng và trí tuệ”, vẻ đẹp biến ảo, “trầm mặc”.

– *Ai đã đặt tên cho dòng sông* ? thể hiện một phong cách bút kí độc đáo của Hoàng Phủ Ngọc Tường, qua đó thấy được cái tôi của tác giả say đắm với cảnh và người xứ Huế.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

ĐỀ SỐ 8

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu cách mạng Việt Bắc về Hà Nội, Người soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập* và đọc tại Quảng trường Ba Đình ngày 2 - 9 - 1945.

Đây là thời điểm đất nước vô cùng khó khăn. Bọn đế quốc, thực dân đang chuẩn bị chiếm lại nước ta. Quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc tiến vào từ phía Bắc, đằng sau là đế quốc Mỹ. Quân đội Anh tiến vào từ phía Nam, đằng sau là lính viễn chinh Pháp. Lúc này thực dân Pháp tuyên bố : Đông Dương là đất “bảo hộ” của người Pháp bị Nhật xâm chiếm, nay Nhật đã đầu hàng, vậy Đông Dương đương nhiên thuộc về người Pháp.

– Mục đích của bản *Tuyên ngôn Độc lập* :

+ Tuyên bố với nhân dân trong nước và thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam độc lập.

+ Đáp tan luận điệu xảo trá của thực dân Pháp trong việc chuẩn bị dư luận tái chiếm Việt Nam.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 42).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kỹ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài làm có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu bật được các ý chính sau :

– Vai trò của sách trong cuộc sống, sách không chỉ cung cấp tri thức giúp con người hiểu biết mà sách còn giúp cho con người hoàn thiện nhân cách, hướng cho

con người vươn tới cái chân – thiện – mỹ (nhấn mạnh chức năng giáo dục của sách đối với con người).

– Cần có ý thức yêu quý sách, hình thành thói quen đọc sách, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức để hoàn thiện mình.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 43).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm trữ tình : kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu được bài thơ *Tây Tiến* : những nét chính về tác giả, hoàn cảnh ra đời, giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, vị trí đoạn trích.... làm rõ sự cảm nhận (tức là sự hiểu biết và tình cảm, xúc cảm của bản thân) về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Có thể trình bày, sắp xếp theo nhiều cách, nhưng cần nêu được :

– Bằng cách sử dụng những từ ngữ, những hình ảnh táo bạo mà chính xác, bằng cách sử dụng phép điệp, cách phối thanh.... những câu thơ nói trên trước hết gợi lên sự hùng vĩ, hiểm trở và phần nào về thơ mộng của núi rừng Tây Bắc.

– Hình ảnh người lính ngang tàng rắn rỏi.

– Ấn tượng in đậm với người lính Tây Tiến về một miền Tây dữ dội hoang sơ, âm u và huyền bí.

– Qua cảnh tượng đó, người đọc có thể nhận thấy ít nhiều vẻ đẹp tâm hồn của người lính Tây Tiến : tình-tế trong việc cảm nhận thiên nhiên, lạc quan trong gian khổ....

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tâm trạng nhân vật trong thơ trữ tình ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Xuân Quỳnh và bài thơ *Sóng*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật tâm trạng nhân vật trữ tình. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được những ý sau :

- Nhân vật trữ tình *sóng* và *em* là quan hệ thống nhất, là một. *Sóng* là ẩn dụ, chỉ tâm trạng người phụ nữ đang yêu.
- Sự băn khoăn, trăn trở của đôi lứa yêu nhau muốn cắt nghĩa về tình yêu nhưng không sao thoả mãn được.
- Tình yêu luôn gắn liền với nỗi nhớ.
- Khát vọng tình yêu thủy chung vĩnh cửu, thiết tha mãnh liệt. Tình yêu lứa đôi trở thành một giá trị tinh thần cao quý của con người.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

ĐỀ SỐ 9

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu 1. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

- Lỗ Tấn (1881 - 1936) tên khai sinh là Chu Thụ Nhân, quê ở Chiết Giang, Trung Quốc.
- Ôm ấp nguyện vọng học nghề thuốc từ khi còn nhỏ và được sang Nhật học, nhưng Lỗ Tấn đã nhận thấy chữa bệnh thể xác không quan trọng bằng chữa bệnh tinh thần nên ông đã chuyển sang viết văn.
- Ông là nhà văn cách mạng có ảnh hưởng lớn trên văn đàn Trung Quốc thế kỉ XX.
- Các tác phẩm của Lỗ Tấn thường tập trung vào chủ đề : Phê phán căn bệnh tinh thần kìm hãm sự phát triển của đất nước Trung Hoa lúc bấy giờ, từ đó kêu gọi đồng bào kiếm tìm phương thuốc để cứu dân tộc.

– Tác phẩm tiêu biểu của Lỗ Tấn : các tập truyện ngắn *Gào thét, Bàng hoàng, Chuyện cũ viết lại,...* ; tập văn *Nấm mồ, Cỏ dại, Gió nóng,...*

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 42).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài làm có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

- Khẳng định vai trò và ý nghĩa của việc học tập không ngừng của con người.
- Con người cần phải biết vượt lên khó khăn, còn sống còn học tập.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 43).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích giá trị nghệ thuật trong tác phẩm văn xuôi ; diễn đạt lưu loát, kết cấu chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, phát hiện và phân tích những đặc sắc về nghệ thuật ; có thể triển khai theo nhiều hướng khác nhau nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

– Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn và linh động, biến hoá. Hai mạch truyện được lồng ghép vào nhau qua lời kể của một già làng tạo nên sức hấp dẫn hết sức đặc biệt, mang âm hưởng của sử thi hào hùng và tái hiện được những tình tiết, sự kiện, số phận của nhân vật, của cộng đồng.

– Nguyễn Trung Thành đã xây dựng được những hình tượng nghệ thuật đặc sắc, chân thực, sống động và mang tính khái quát cao : hình tượng cây xà nu, hình tượng cụ Mết, Tnú, Mai, Dít, bé Heng,...

– Ngôn ngữ, giọng điệu vừa trữ tình, sâu lắng vừa mạnh mẽ hào hùng.

– Ngôi bút sử thi lãng mạn, giàu chất suy tư trầm lắng.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích bút pháp nghệ thuật của thể loại phê bình văn học ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững tác phẩm *Một thời đại trong thi ca*, thí sinh có thể triển khai theo nhiều hướng khác nhau nhưng cần nêu được các ý chính :

– Lập luận chặt chẽ, hết sức lô gích, rõ ràng từ cách nêu vấn đề về sự thắng lợi của thơ mới, đến cách đưa ra tiêu chí so sánh.

– Các dẫn chứng xác đáng, giàu sức thuyết phục, có chọn lọc. Để chứng minh cho sự thắng lợi của thơ mới, Hoài Thanh – Hoài Chân đã nêu tám tác giả với các phong cách nghệ thuật độc đáo ; để thấy được bi kịch không lối thoát của *cái tôi*, tác giả cũng đã dẫn ra một loạt tác giả...

– Cách dùng từ chính xác, gợi tả tinh tế (*rộng mở* như Thế Lữ, *mơ màng* như Lưu Trọng Lư, *quê mùa* như Nguyễn Bính,...).

– Mạch lập luận thống nhất, cách chuyển ý hết sức khéo léo, giọng điệu thiết tha.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

ĐỀ SỐ 10

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Sáng sớm mùa thu, lão Hoa Thuyên, chủ quán trà đến pháp trường mua thuốc chữa bệnh lao cho con. Thuốc là chiếc bánh bao tẩm máu của người chiến sĩ cách mạng Hạ Du.

– Bà Hoa cho con ăn bánh với niềm tin chắc chắn con sẽ khỏi bệnh.

– Những người khách trong quán trà bàn về thuốc, về Hạ Du và cho anh là điên.

Buổi sáng thanh minh năm sau, bà Hoa và bà mẹ Hạ Du cùng đến thăm mộ con, họ đồng cảm và ngạc nhiên khi thấy vòng hoa trên mộ của Hạ Du.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 42).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài làm có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

Sự trưởng thành trong nhận thức, bài học về đức tính khiêm tốn của mỗi con người.

– Nhận thức cuộc sống theo chiều dài của sự chiêm nghiệm, càng trải nghiệm trong cuộc sống, con người càng chín chắn hơn trong nhận thức.

- Bài học về sự khiêm tốn, thận trọng và chín chắn, không nên chủ quan, phiến diện khi đánh giá con người và đời sống, luôn tu dưỡng rèn luyện để trở thành con người toàn vẹn.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 43).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận, vận dụng khả năng đọc – hiểu để phát biểu cảm nhận về hình tượng nghệ thuật trong bài thơ trữ tình. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về đoạn trích *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm, thí sinh nắm được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ. Thí sinh cần trình bày được những cảm xúc, ấn tượng riêng của mình về vẻ đẹp của hình tượng Đất Nước :

– Vẻ đẹp theo chiều dài thời gian ; chiều rộng của không gian ; chiều sâu của bề dày văn hoá, của sự gắn bó thiêng liêng và máu thịt,...

Vẻ đẹp gắn với những phong cảnh quê hương bình dị mà quen thuộc. Đó là hiện thân của dáng hình, lối sống, khát vọng của nhân dân.

– Vẻ đẹp bao trùm của hình tượng Đất Nước chính là vẻ đẹp hình tượng Đất Nước – Nhân Dân làm nên gương mặt giản dị thân thương mà sâu sắc.

Vẻ đẹp gắn với truyền thống yêu nước, gắn với những chiến công hiển hách, những sự hi sinh thầm lặng nhưng vĩ đại của biết bao thế hệ người dân.

– Tác giả đã sử dụng các chất liệu văn hoá dân gian, giọng điệu mượt mà sâu lắng làm cho hình ảnh Đất Nước vừa gần gũi vừa thiêng liêng.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phát biểu cảm nhận về đoạn thơ trữ tình. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về bài thơ *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên và những đặc sắc nghệ thuật của hai khổ thơ, thí sinh có thể triển khai vấn đề theo các cách khác nhau, nhưng cần nêu được những ý cơ bản sau :

– Giới thiệu chung về bài thơ và đoạn trích.

– Phân tích cụ thể :

+ Ý khái quát : Khúc hát lên đường sôi nổi, tin tưởng và say mê.

+ Tiếng gọi của đất nước, của nhân dân, của đời sống đã thành sự thôi thúc bên trong, thành lời giục giã của chính lòng mình, thành nỗi khao khát bồn chồn của nhà thơ.

+ Nỗi khao khát ấy thôi thúc tâm hồn nhà thơ về với những ngọn nguồn của hồn thơ, của cảm hứng sáng tạo.

+ Những năm tháng gian khổ, những hi sinh lớn lao, những đau thương chiến tranh, nay đã kết tinh thành “Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào” trên “Mặt đất nồng nhựa nóng cần lao”, thành “trái chín đầu xuân” đang mời gọi những tâm hồn thơ trở về với Tây Bắc.

+ Hình ảnh phong phú sáng tạo, những biểu tượng và ẩn dụ (hình ảnh con tàu, mùa nhân dân giăng lúa chín....) thật gợi cảm.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

ĐỀ SỐ 11

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật các ý chính sau :

Về nghệ thuật tạo tình huống truyện : nhân vật Việt rơi vào một tình huống đặc biệt (trong một trận đánh bị thương nặng phải nằm lại ở chiến trường, bị lạc đơn vị, nhiều lần ngất đi rồi tỉnh lại).

Về nghệ thuật trần thuật : theo cách người kể tự giấu mình, nhưng cách nhìn và lời kể lại theo ngôn ngữ, giọng điệu của nhân vật (lời nửa trực tiếp).

– Về nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật : miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo, đậm tính cách Nam Bộ.

– Ngôn ngữ phong phú, giàu giá trị tạo hình, góc cạnh và đậm chất Nam Bộ.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 42).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần chân thành, thiết thực, hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục. Có thể làm rõ vấn đề theo các nội dung cơ bản sau :

– Giải thích sơ lược “*Thời kì hội nhập của đất nước*” : thời hiện tại, đất nước ta đang trong quá trình hội nhập với thế giới (ví dụ sự kiện Việt Nam gia nhập WTO,...). Thời kì hội nhập mở ra cho nước ta nhiều cơ hội để phát triển nhưng cũng không ít khó khăn, thử thách.

– Chỉ ra một số cơ hội của thanh niên Việt Nam trong thời kì hội nhập : cơ hội học tập, mở mang kiến thức, phát huy được nhiều nhất khả năng sáng tạo và cống hiến,...

– Đề ra phương hướng, liên hệ, bài học cho bản thân: Làm thế nào để nắm bắt được những cơ hội quý giá đó ? (có thể kết hợp phê phán một bộ phận thanh niên không cố gắng hòa nhập với thời đại mới, đồng nghĩa với việc không nắm bắt được cơ hội cho mình).

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 43).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích tác phẩm nhằm làm sáng tỏ nhận định. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Kim Lân và truyện ngắn *Vợ nhặt*, thí sinh biết chọn phân tích những chi tiết đặc sắc để nổi bật nét độc đáo trong cảm nhận và thể hiện

đời sống của tác giả trong tác phẩm. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần nêu bật những nội dung sau:

– Giới thiệu sơ lược về tác giả Kim Lân, về tác phẩm *Vợ nhặt*.

– Giải thích sơ lược ý kiến : éo le – gợi tình huống “nhặt” vợ éo le của nhân vật Tràng; nhân hậu - gợi tấm lòng nhân hậu của chính nhà văn khi ông phát hiện và miêu tả sự cuu mang, đùm bọc lẫn nhau của các nhân vật trong truyện. Đó chính là nét độc đáo mang giá trị hiện thực sâu sắc và giá trị nhân đạo cao cả của tác phẩm.

– Chứng minh:

+ Việc Tràng – một thanh niên ngụ cư nghèo khó, “mặt hạn” có thân hình thô kệch, chưa bao giờ dám nghĩ đến chuyện lấy vợ, bỗng dung “nhặt” được vợ một cách dễ dàng giữa nạn đói khủng khiếp là một tình huống độc đáo vừa éo le vừa bi thảm. Tình huống được thể hiện bằng thái độ vừa mừng vui, vừa ngạc nhiên lại vừa lo lắng của các nhân vật trong truyện, gợi tả sinh động cảnh thống khổ của con người trong nạn đói 1945.

+ Trái tim nhân hậu của chính nhà văn : thể hiện qua thái độ đồng cảm, thương xót và cái nhìn phát hiện, trân trọng phẩm chất tốt đẹp của các nhân vật. Đó là sự cuu mang, đùm bọc lẫn nhau và niềm tin vào sự sống trong sự đe dọa của cái đói và cái chết (Tràng sẵn sàng đưa người đàn bà lạ về nhà mặc dù lúc đầu cũng “chợn” ; bà cụ Tứ chấp nhận người con dâu mới với lòng nhân hậu, với thái độ bao dung, thương xót...).

– Đánh giá: Nhận xét của nhà giáo Đỗ Kim Hồi khẳng định, nhấn mạnh giá trị hiện thực sâu sắc và giá trị nhân đạo cao cả trong tác phẩm của Kim Lân.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích chi tiết, khái quát chiều sâu tư tưởng và nét riêng độc đáo trong nghệ thuật của tác phẩm. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về Nguyễn Khải và *Một người Hà Nội*, thí sinh biết tập trung vào chi tiết để khái quát chiều sâu tư tưởng và nét riêng độc đáo

trong nghệ thuật của tác phẩm. Bài viết có thể trình bày những suy nghĩ riêng và lập luận theo nhiều cách khác nhau song cần hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục. Cần nêu bật được những ý chính sau :

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Khải và truyện ngắn *Một người Hà Nội*.

- Phân tích, bình luận chi tiết cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn bị bão đánh bật rễ rồi hồi sinh trong truyện :

+ Chi tiết xuất hiện trong lời kể của nhân vật cô Hiền. Khi nhân vật “tôi” thể hiện thái độ “tức và đau” vì phải chứng kiến những cư xử, nói năng thiếu văn hóa của một số người Hà Nội, cô Hiền không bình luận một lời nào mà kể câu chuyện cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh : Cây si đó nghiêng, một phần bộ rễ bật đất chống ngược lên trời sau một trận bão. Nhờ sự nỗ lực của chính quyền thành phố, sau một tháng, cây si lại sống, lại ra lá non.

+ Chuyện cây si cổ thụ bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh gợi nhiều suy nghĩ về lẽ đời, về quy luật bất diệt của sự sống :

Cây si ở đền Ngọc Sơn là biểu tượng cho nét cổ kính, linh thiêng của Hà Nội.

Cây si cổ thụ bị bão đánh đổ lại hồi sinh : gợi quy luật khắc nghiệt của tự nhiên, quy luật của sự vận động xã hội đồng thời là ẩn dụ về Hà Nội cổ kính, thanh bình, đẹp đẽ và bất diệt qua bao biến cố dữ dội suốt trường kì lịch sử. Đây chính là biểu tượng cho sự trường tồn của sức sống và vẻ đẹp truyền thống văn hoá Hà Nội dù trải qua bao thăng trầm.

Đánh giá chung :

- Thể hiện thái độ tin tưởng, tự hào về những giá trị bất biến của đất kinh kì, của người Hà Nội.

- Biểu hiện một nét phong cách quen thuộc của Nguyễn Khải : khắc hoạ hình ảnh không phải chỉ để miêu tả sự vật, kể lại sự việc, mà chủ yếu để triết luận về hiện thực.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo đề số 1, trang 44).

ĐỀ SỐ 12

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh cần nêu được các ý cơ bản sau :

– Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 có sự phân hóa phức tạp thành nhiều xu hướng :

+ Bộ phận văn học phát triển hợp pháp, chia thành hai xu hướng : xu hướng lãng mạn và hiện thực.

+ Bộ phận văn học phát triển bất hợp pháp : Văn thơ cách mạng thường lưu hành bí mật trong tù và nửa hợp pháp (văn thơ Đông Kinh nghĩa thực và văn thơ cách mạng thời kì dân chủ 1936 - 1939).

– Nguyên nhân dẫn đến sự phân hóa phức tạp này :

+ Sự khác nhau về quan điểm nghệ thuật và khuynh hướng thẩm mỹ.

+ Sự khác nhau tư tưởng hay về thái độ chính trị (đối với chủ nghĩa thực dân – trực tiếp hay không trực tiếp chống Pháp).

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 42).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận xã hội. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần chân thành, thiết thực, hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục. Cần thấy được nội dung chính của câu nói : thái độ sống chủ động, có ý chí và nghị lực ; lối sống trách nhiệm, biết gánh vác, không lẩn tránh, không cam chịu, nhẫn nhục, không an phận thủ thường... Có thể làm rõ vấn đề theo các nội dung cơ bản sau :

– Giải thích câu nói :

+ Quà tặng bất ngờ : những điều may mắn, bất ngờ, mang lại niềm vui, sự hào hứng... nhưng không phải lúc nào cũng có.

+ Nội dung ý nghĩa của câu nói : khuyên con người cần có thái độ sống chủ động, có ý chí và nghị lực.

– Chứng minh để khẳng định vấn đề.

– Bàn luận, nêu phương hướng :

+ Phê phán một số người thụ động, thiếu ý chí vươn lên, chỉ chờ đợi những quà tặng bất ngờ mà không tự mình làm nên cuộc sống.

+ Nêu phương hướng, liên hệ bản thân : phải chủ động trang bị kiến thức, rèn luyện cách sống bản lĩnh, có ý chí... để có thể đón nhận những quà tặng kì diệu của cuộc sống do chính bản thân mình làm nên.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 43).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích chi tiết, khái quát nét riêng độc đáo trong nghệ thuật thể hiện của tác phẩm. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Bài viết có thể được trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần làm rõ những ý chính sau :

– Giới thiệu sơ lược về tác giả Nguyễn Minh Châu, về tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa*.

– Sơ lược về vị trí, nội dung câu văn.

- Câu văn thể hiện suy nghĩ, tâm trạng của Đẩu ; cũng có thể hiểu là suy nghĩ, tâm trạng của nhân vật nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng sau khi đã trực tiếp chứng kiến cảnh bạo hành trong gia đình hàng chài và câu chuyện của người đàn bà ở tòa án huyện. Nhận thức mới xuất hiện trong tâm trí chánh án Đẩu - con người tốt bụng, chính trực (vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển), tạo nên đáng về suy tư, trầm trồ (trông Đẩu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ).

– Suy nghĩ về tình huống nhận thức trong tác phẩm :

Câu văn có mối liên hệ với tình huống nhận thức trong tác phẩm. Có thể hiểu đây là kết quả của quá trình thay đổi nhận thức : từ lầm lẫn, ngộ nhận đến thấu hiểu, cảm thông... Cả Phùng, Đẩu đã hiểu ra được nhiều điều : hiểu được cuộc sống từ cảnh ngộ đến tâm tư của những người dân hàng chài, thông cảm với họ, trân trọng phẩm chất tốt đẹp của họ và hiểu cả chính mình ; hiểu được mối quan hệ phức tạp, đa chiều của đời sống...

– Đánh giá chung : Tình huống nhận thức trong truyện có một vai trò quan trọng trong việc thể hiện tư tưởng, chủ đề tác phẩm. Qua đó, nhà văn gửi gắm thông điệp : đừng nhìn cuộc sống, con người dễ dãi, một chiều ; hãy đổi ánh nhìn trăn trăn yêu thương về phía cuộc sống, con người để thấu hiểu, cảm thông, trân trọng...

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

Câu IIIb. Theo chương trình Năng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận về một ý kiến văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu tác phẩm để phân tích làm rõ ý kiến. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết chắc chắn về tác giả Nguyễn Tuân (đặc biệt là phong cách của nhà văn), về tùy bút *Người lái đò Sông Đà*, thí sinh có thể trình bày bài viết của mình bằng những cách khác nhau, nhưng cần làm bật lên một số ý cơ bản :

– Giới thiệu sơ lược những đặc điểm phong cách của Nguyễn Tuân : nhà văn có phong cách hết sức độc đáo (nổi bật là sự tài hoa, uyên bác). Sau Cách mạng tháng Tám, phong cách của Nguyễn Tuân có những thay đổi quan trọng tuy vẫn có sự kế thừa những nét phong cách ở giai đoạn trước Cách mạng. Ông không còn đối lập giữa xưa và nay, giọng văn không kiêu bạc mà trở nên tin yêu, đôn hậu, hướng về vẻ đẹp bình dị, đời thường của con người, thiên nhiên đất nước...

– Phân tích tùy bút *Người lái đò Sông Đà* để chứng minh sự kế thừa và biến đổi phong cách của nhà văn ở giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám 1945.

Kế thừa :

– Con sông Đà (với dòng chảy đặc biệt, với thác ghềnh dữ dội, với vẻ đẹp trữ tình) được chọn làm đối tượng miêu tả thể hiện cảm hứng của nhà văn trước thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ mà nên thơ. Nhà văn miêu tả dòng sông với hai nét tính cách

trái ngược nhau nhằm làm bật lên vẻ đẹp của công trình nghệ thuật tuyệt vời của tạo hoá. Người lái đò được miêu tả vừa có phẩm chất của anh hùng, trí dũng vừa có phong thái nghệ sĩ tài hoa.

– Vận dụng rất nhiều kiến thức của những ngành khoa học – nghệ thuật khác nhau (điêu khắc, quân sự, lịch sử, địa lí...) khiến cho tùy bút như một công trình nghệ thuật, công trình khảo cứu công phu.

– Thế tùy bút với những sáng tạo trong cách đặt câu, dùng từ, sử dụng hình ảnh (câu văn biến hoá, từ ngữ sinh động, hình ảnh liên tưởng độc đáo, bất ngờ...).

Biến đổi :

Chủ yếu thể hiện qua đối tượng miêu tả (con sông Đà, người lái đò). Vẻ đẹp của con sông Đà, của người lái đò trong tùy bút là vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên, con người lao động bình dị mà anh hùng trong công cuộc xây dựng mới của đất nước. Nhà văn tìm thấy chất tài hoa nghệ sĩ không phải ở những nhân vật đặc tuyển như trước đây mà tìm thấy ở nhân dân đại chúng, tiêu biểu là ông lái đò.

Thế tùy bút vẫn được nhà văn sử dụng như một lối văn yêu thích và phù hợp nhất nhưng mang đậm chất kí.

– Đánh giá chung :

+ Tùy bút *Người lái đò Sông Đà* là một trong những tác phẩm thể hiện sự kế thừa và biến đổi phong cách của Nguyễn Tuân ở giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám 1945.

+ Nguyên nhân chính của sự biến đổi phong cách ấy chính là sự chuyển biến trong tư tưởng, tình cảm của một nhà văn đang gắn bó, say mê với công cuộc xây dựng mới của đất nước.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 44).

B. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM ĐỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

ĐỀ SỐ 1

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Nam Cao là nhà văn lớn của dân tộc. Ông có sáng tác đăng báo từ năm 1936 nhưng sự nghiệp chỉ thực sự bắt đầu từ truyện ngắn *Chí Phèo*, xuất bản năm 1941.

– Sự nghiệp văn học của Nam Cao được chia làm hai giai đoạn sáng tác : trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

+ Sáng tác của Nam Cao trước Cách mạng : tập trung vào hai đề tài chính, đó là cuộc sống bế tắc của người trí thức tiểu tư sản nghèo và cuộc sống tối tăm bi thảm của người nông dân nghèo dưới chế độ thuộc địa phong kiến (*Lão Hạc*, *Chí Phèo*,...).

+ Sáng tác của Nam Cao sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 tập trung vào đề tài kháng chiến (nhật kí *Ở rừng*, *Chuyện biên giới*,...).

Truyện ngắn *Đôi mắt* được xem là tuyên ngôn nghệ thuật của văn nghệ sĩ thời kì đầu kháng chiến chống thực dân Pháp.

– Phong cách sáng tác của Nam Cao :

+ Ngôi bút Nam Cao lạnh lùng, tỉnh táo, sắc lạnh và nặng trĩu suy tư, đậm thấm yêu thương.

+ Nam Cao là một trong những nhà văn hiện thực tiêu biểu, xứng đáng là nhà văn hiện thực xuất sắc, nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.

b) Cách cho điểm (*)

– Điểm 2 : Đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên, có thể còn mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt.

– Điểm 1 : Trình bày được nửa yêu cầu trên, còn mắc một số lỗi diễn đạt.

– Điểm 0 : Hoàn toàn lạc đề.

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài làm có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

– Bệnh thành tích là căn bệnh hết sức nguy hiểm có tác hại ghê gớm, đặc biệt là đối với giáo dục. Nó làm cho con người dễ tiến đến thói kiêu ngạo, hợm hĩnh, thích khoe khoang nhưng thực chất lại rỗng tuếch.

– Thí sinh cần nêu lên các biểu hiện và tìm cách chống lại bệnh thành tích ; tích cực tu dưỡng phấn đấu hoàn thiện mình.

– Rút ra bài học cho bản thân..

c) Cách cho điểm (*)

– Điểm 3 : Đáp ứng được các yêu cầu trên, có thể còn mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt.

– Điểm 2 : Trình bày được nửa các yêu cầu trên, còn mắc một số lỗi về diễn đạt.

– Điểm 1 : Nội dung sơ sài, diễn đạt yếu.

– Điểm 0 : Hoàn toàn lạc đề.

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học, cảm nhận được hình tượng người lính trong tác phẩm trữ tình ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Quang Dũng và bài thơ *Tây Tiến*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật hình tượng người lính. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được những ý sau :

– Hình tượng người lính hiện lên trong bài thơ với dáng vẻ : ngang tàng, mạnh mẽ.

– Có phẩm chất anh hùng, khí phách hiên ngang, sẵn sàng đối diện với hiểm nguy gian khó, thể hiện qua sự đối lập giữa cuộc sống thiếu thốn với bản lĩnh cứng cỏi.

– Là những con người giàu lí tưởng : Người lính Tây Tiến chiến đấu vì lí tưởng cao cả, sẵn sàng xả thân vì nghĩa lớn (“Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”).

– Hào hoa, lãng mạn, giàu tình cảm : gian khổ mà không dập tắt được những mơ mộng, những khát khao thầm kín.

– Hình tượng người lính được phác hoạ qua bút pháp lãng mạn tài hoa kết hợp với cảm hứng hiện thực của nhà thơ Quang Dũng.

c) Cách cho điểm (*)

– Điểm 5 : Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, có thể còn mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt.

Điểm 3 : Trình bày được nửa các yêu cầu trên, còn mắc một số lỗi diễn đạt.

– Điểm 1 : Phân tích quá sơ sài, diễn đạt còn yếu.

– Điểm 0 : Hoàn toàn lạc đề.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích giá trị nghệ thuật trong tác phẩm chính luận ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Hồ Chí Minh và bản *Tuyên ngôn Độc lập*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật phong cách chính luận. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được những ý sau :

– Kết cấu chặt chẽ : ba phần bổ sung, liên kết vững chắc với nhau để đi đến khẳng định chân lí “nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập”.

– Hệ thống luận điểm lô gíc, sắc sảo : mỗi ý lớn là sự hợp thành nhiều ý nhỏ liên kết với nhau.

– Lập luận vừa khéo léo cương quyết, đẩy sức thuyết phục (khéo léo từ cơ sở pháp lí đến sự khẳng định nền độc lập của dân tộc Việt Nam).

– Giọng văn linh hoạt hùng hồn, đanh thép.

– Ngôn ngữ chuẩn mực, chính xác, giàu tình cảm.

– Biện pháp tu từ được sử dụng tinh tế, hợp lí, chân thực, xúc động.

c) Cách cho điểm (*)

– Điểm 5 : Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, có thể còn mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt.

– Điểm 3 : Trình bày được nửa các yêu cầu trên, còn mắc một số lỗi diễn đạt.

– Điểm 1 : Phân tích quá sơ sài, diễn đạt yếu.

– Điểm 0 : Hoàn toàn lạc đề.

ĐỀ SỐ 2

I. PHÂN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– *Sóng* là bài thơ nói về tình yêu và khát vọng hạnh phúc muôn đời của con người ; qua đó, thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ : sôi nổi, trẻ trung, chân thành,...

– Để bày tỏ trực tiếp những rung động tình yêu vừa hồn nhiên chân thật, vừa thiết tha sôi nổi của trái tim phụ nữ, Xuân Quỳnh đã sử dụng phương thức diễn đạt ẩn dụ có ý nghĩa biểu trưng, đó là hình ảnh *con sóng*.

– *Sóng* và *em* tuy hai nhưng lại là một, đều là nỗi lòng của người phụ nữ đang yêu, là sự phân thân và hoá thân của *cái tôi* trữ tình, từ đó diễn tả những cung bậc tình cảm mãnh liệt trong trạng thái yêu đương của người phụ nữ.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75).

(*) Từ Đề số 2 đến Đề số 20 (Ôn luyện thi ĐH, CĐ) tham khảo cách cho điểm ở Đề số 1.

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

– Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần nêu bật được các ý chính sau :

– Tình trạng học đối phó, học lệch, quay cóp trong các trường học, lớp học vẫn còn tồn tại, đó là hiện tượng cần phải thay đổi, phê phán.

– Việc học đối phó, học lệch, quay cóp sẽ tạo ra những kết quả ảo không phản ánh đúng thực chất năng lực của học sinh.

– Học sinh suy nghĩ hành động của bản thân, tu dưỡng đạo đức, có ý thức, thái độ học tập tốt, có thái độ đấu tranh chống lại những hiện tượng tiêu cực trong học tập và thi cử.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76).

II. PHÂN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Nam Cao và truyện ngắn *Chí Phèo*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật diễn biến tâm trạng của nhân vật Chí Phèo từ buổi sáng sau khi gặp thị Nở đến khi kết thúc cuộc đời. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được những ý cơ bản sau :

– Sau khi triển miên trong những cơn say, Chí Phèo đã thức tỉnh. Chí cảm nhận được cuộc sống xung quanh, ý thức được cuộc đời mình. Chí cảm động trước tình người khi được thị Nở cho ăn cháo hành.

– Chí Phèo ước mơ được trở lại cuộc sống lương thiện. Cần thấy rằng, khát khao lương thiện này là biểu hiện rõ nhất của nhân tính trong Chí Phèo.

– Chí thất vọng và đau đớn khi bị thị Nở từ chối.

– Cuối cùng là sự phẫn uất và tuyệt vọng, Chí Phèo lại tìm đến rượu. Lần này càng uống, Chí càng tỉnh, Chí đã nhận thức rõ tình thế bi kịch của cuộc đời mình. Chí đã xách dao đến nhà bá Kiến, giết hấn và kết thúc cuộc đời mình.

– Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, khắc hoạ thành công tính cách nhân vật ; giọng văn lạnh lùng, khách quan, ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, chân thực,...

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Nguyễn Tuân và tuỳ bút *Người lái đò Sông Đà*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật tính cách hình tượng nhân vật ông lái đò sông Đà. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được những ý cơ bản sau :

Ông lái đò có ngoại hình và tố chất đặc biệt được tạo nên bởi nét đặc thù của môi trường lao động trên sông nước.

– Ông là người tài trí, có phong thái ung dung pha chất nghệ sĩ, ông nắm chắc binh pháp của sông Đà, là người chỉ huy các cuộc vượt thác một cách tài tình, khôn ngoan...

– Ông lái đò rất dũng cảm trong trận thuỷ chiến hết sức cam go, ông đã chiến thắng thác dữ bằng sự mưu trí, bằng những hành động táo bạo, quyết liệt, kiên cường nén chịu nỗi đau đớn thể xác.

– Ông lái đò là một hình tượng đẹp về người lao động mới – Người anh hùng trong cuộc sống lao động thường ngày. Qua hình tượng nhân vật này, Nguyễn Tuân cũng đã nêu ra quan điểm mới mẻ tiến bộ của mình : sự trân trọng, ngợi ca những con người lao động bình dị nhưng rất mực tài hoa...

– Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ tài hoa, cách xây dựng tình huống truyện hấp dẫn, lối nhân hoá độc đáo và những ví von bất ngờ nhưng vô cùng chính xác....

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

ĐỀ SỐ 3

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

- Trước hết đó là quan điểm nghệ thuật vị nhân sinh. Văn chương phải phản ánh chân thực đời sống, phục vụ cho đời sống xã hội.

- Quan điểm nghệ thuật của Nam Cao là quan điểm hiện thực và nhân đạo. Các tác phẩm văn học phải ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bằng, làm cho người gần người hơn.

- Nam Cao coi công việc viết văn là hoạt động nghiêm túc, công phu. Người viết văn phải sáng tạo, phải có lương tâm nghề nghiệp.

- Quan điểm nghệ thuật của Nam Cao là quan điểm tiến bộ và có ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kỹ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần nêu bật được các ý chính sau :

- Mượn lời dạy của đức Phật để nêu lên vai trò của cá nhân và tập thể.

- Hiểu được hai hình ảnh đối lập : Giọt nước và biển cả, giọt nước nhỏ bé kia rất dễ bị khô cạn khi tồn tại đơn lẻ một mình, chỉ khi hoà mình vào biển rộng mới không bị khô cạn.

- Sự tồn tại của cá nhân chỉ thực sự có ý nghĩa khi hoà nhập vào cộng đồng... Mỗi người phải hoà đồng vào tập thể, chia sẻ trách nhiệm, cùng chung vai, góp sức.

- Rút ra bài học sâu sắc về mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, tự liên hệ bản thân.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kỹ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về tác giả Nguyễn Tuân và truyện ngắn *Chữ người tử tù*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật hình tượng nhân vật Huấn Cao. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được những ý sau :

– Vẻ đẹp của con người nghệ sĩ tài hoa : Tài viết chữ rất nhanh và đẹp, có được chữ Huấn Cao là có một báu vật trên đời. Để có được chữ của Huấn Cao, viên quản ngục không những phải dụng công, phải nhẫn nhục mà còn phải liều mạng.

– Huấn Cao mang vẻ đẹp của khí phách hiên ngang, bất khuất : dám chống lại triều đình, bị dẫn vào huyện ngục mà không hề run sợ, vẫn ung dung, đường hoàng (tìm và phân tích dẫn chứng trong văn bản qua lời nói, thái độ, hành động).

– Huấn Cao là người có thiên lương trong sáng, cao đẹp : Thể hiện ở ý thức của ông trong việc sử dụng cái tài của mình, ông không bao giờ ép mình cho chữ vì vàng ngọc hay quyền thế,...

– Vẻ đẹp của Huấn Cao ngời sáng qua cảnh cho chữ : Hình tượng Huấn Cao trở thành biểu tượng cho sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái cao cả đối với cái phàm tục, dơ bẩn, của khí phách ngang tàng đối với thói quen nô lệ.

– Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo, nghệ thuật tương phản, đối lập, bút pháp lãng mạn, ngôn ngữ giàu chất tạo hình,...

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết làm bài văn nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu nêu những cảm nhận về vẻ đẹp của đoạn thơ trữ tình. Kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh cảm nhận được chất thơ ở những hình ảnh gần gũi quen thuộc qua cách cảm nhận độc đáo của Xuân Diệu. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần nêu được các ý cơ bản sau :

- Nét quyến rũ, kì thú của một thiên đường trên mặt đất – một vườn xuân nồng nàn, rạo rực, mơn mớn đầy sắc màu, hình ảnh, hương vị.

- Niềm reo vui đầy háo hức của nhà thơ qua điệp từ “này”.

- Quan điểm mỹ học mới mẻ của thi nhân : lấy chuẩn mực của con người làm chuẩn mực cho vẻ đẹp thiên nhiên.

- Nghệ thuật liệt kê, điệp từ, so sánh, ẩn dụ, năng lực quan sát tinh tế của tác giả, năng lực sáng tạo cái đẹp, sự mẫn cảm ngôn ngữ cùng tình yêu cuộc sống của Xuân Diệu.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

ĐỀ SỐ 4

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

- Lúc đầu có tên là *Cái lò gạch cũ* : Nhấn mạnh sự xuất hiện của Chí Phèo trong cuộc đời, cách gọi này dựa vào hình ảnh cái lò gạch bỏ không ở phần đầu và được lập lại ở câu kết của tác phẩm, điều đó có ý nghĩa nhấn mạnh tính chất quy luật của hiện tượng Chí Phèo, tạo ra ám ảnh trong tâm trí người đọc. Tuy nhiên, nhan đề này đã thể hiện cái nhìn bi quan của tác giả về số phận của người nông dân.

– Sau đó nhà xuất bản đổi tên là *Đôi lứa xứng đôi* : Nhan đề này dựa vào mối tình Chí Phèo – thị Nở gợi sự tò mò của độc giả. Tuy nhiên, nhan đề này cũng chưa khái quát được ý nghĩa của tác phẩm.

– Cuối cùng tác phẩm có tên là *Chí Phèo* : Cách gọi này đã thể hiện được đầy đủ chủ đề và ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

– Giải thích khái niệm :

+ Học tập : học và luyện tập để có hiểu biết, có kĩ năng.

+ Cuốn vở : ghi chép những kiến thức hiểu biết trong quá trình học tập. Học tập là công việc suốt đời, không ngừng nghỉ.

– Con người từ chỗ không hiểu biết gì, nhờ quá trình học tập, tích lũy mà hiểu biết kiến thức để từ đó áp dụng trong cuộc sống.

– Biện học vô cùng, không ai có thể khẳng định mình đã nắm chắc mọi thứ, vì vậy cần phải liên tục học tập.

– Học bằng nhiều hình thức, sao cho phù hợp với khả năng của bản thân, nhất là phải rèn luyện năng lực tự học.

– Tận dụng mọi điều kiện để chủ động học tập một cách có hiệu quả nhất.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết làm bài văn nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích tác phẩm trữ tình. Kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần nêu bật được các ý chính sau :

- Hai câu thơ đầu thể hiện tình cảm yêu mến thiết tha và thái độ đồng cảm, chia sẻ của Hồ Chí Minh với tạo vật, thiên nhiên vùng sơn cước lúc chiều buông. Cánh chim mỏi mệt (*quyện điếu*) và chòm mây lẻ loi (*có vân*) vừa là đối tượng của niềm thương cảm, vừa chính là biểu hiện bên ngoài của nỗi buồn trong lòng người tù trên con đường đầy ải.

Sự chuyển cánh ở nửa sau bài thơ cho thấy lòng yêu con người, yêu cuộc sống đặc biệt sâu sắc của Hồ Chí Minh. Người đã nói về hình ảnh cô gái xóm núi xây ngô với biết bao cảm xúc trù mến. Hồ Chí Minh hiểu nỗi nhọc nhằn vất vả của người lao động (cụm từ *ma bao túc* được lặp lại theo trật tự đảo ngược ở câu 3 và 4 góp phần biểu đạt ý này) nhưng đồng thời cũng nhìn thấy nét đẹp riêng, chất thơ riêng ở những cảnh đời bình dị (điều ít gặp trong thơ cổ điển).

Ánh hồng của lò than được nhắc tới ở cuối bài cho thấy tâm trạng Hồ Chí Minh đang chuyển biến từ buồn sang vui giúp ta hiểu được niềm lạc quan đáng quý của nhà cách mạng. Rõ ràng trong hoàn cảnh nào Người cũng hướng tới phần tươi sáng của cuộc đời.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết làm bài văn nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để trình bày những cảm nhận về tác phẩm trữ tình. Kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về tác giả Chế Lan Viên và bài thơ *Tiếng hát con tàu*, thí sinh cần trình bày được những nội dung cơ bản sau :

Về nội dung :

+ Sự trần trụi và lời mời gọi lên đường : biểu hiện qua hình ảnh con tàu chờ khát vọng đi xa theo tiếng gọi của tâm hồn, của nghệ thuật.

+ Cảm hứng nghệ thuật chỉ có thể có được khi tâm hồn hướng về Tây Bắc – vùng đất thiêng liêng, anh hùng...

– Về nghệ thuật :

+ Sử dụng hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng và câu hỏi tu từ...

+ Giọng điệu : giục giã, thiết tha...

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

ĐỀ SỐ 5

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu 1. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Việt và chị gái là Chiến ; cả hai chị em cùng đi bộ đội.

– Trong một trận đánh lớn, Việt dùng thủ pháo diệt một xe bọc thép Mĩ, bị thương và lạc đơn vị ba ngày đêm.

– Anh bị mê sảng và nhớ về kỉ niệm vui, buồn tuổi thơ.

– Anh Tánh dẫn đội của Việt đi tìm được Việt và đưa về bệnh viện.

– Khi vết thương sắp lành, anh Tánh nhắc Việt viết thư cho chị Chiến.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

– Trong cuộc đời mỗi con người, ai cũng có ước mơ, cũng có khát vọng mong muốn ước mơ của bản thân trở thành hiện thực.

– Nhưng để đưa ước mơ trở thành hiện thực, con người phải có sự đầu tư công sức, trí tuệ và phải có ý chí để thực hiện ước mơ trong tâm tưởng, nếu không mơ ước sẽ chỉ là "một con đường chưa có".

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm trữ tình ; diễn đạt lưu loát, kết cấu chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được các ý cơ bản sau :

Trên cơ sở những hiểu biết về bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu, thí sinh cảm nhận được tâm trạng của nhân vật trữ tình và thấy rõ đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, song cần làm rõ những ý chính sau :

– Cảm thức về thời gian : mỗi giây phút cuộc đời là vô cùng quý giá, nhân vật trữ tình cảm thấy thời gian đang chảy trôi vùn vụt trong mùa xuân của đất trời.

– Trước bước đi của thời gian kéo theo sự phai tàn của tuổi trẻ, Xuân Diệu cảm nhận sâu sắc và có phần đau đớn về sự một đi không trở lại của tuổi xuân và thi nhân thấy nuối tiếc nếu con người không biết trân trọng những giây phút của cuộc đời, tuổi trẻ.

– Nghệ thuật : Cách sử dụng phép điệp, phép đối trong cấu trúc thơ làm tăng sức biểu hiện : cách dùng từ ngữ mới mẻ, độc đáo.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Nguyễn Trung Thành và tác phẩm *Rừng xà nu*, thí sinh biết chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật hình tượng nhân vật. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được những ý sau :

– Ngoại hình cụ Mết : quắc thước, sáu mươi tuổi mà tiếng nói vẫn ồ ồ dội vang trong lồng ngực, mắt sáng, ngực căng như một cây xà nu lớn.

– Tính cách của cụ tiêu biểu cho tính cách quật cường, bất khuất của dân tộc ta. Cụ Mết mang dáng dấp của các nhân vật anh hùng.

– Cụ Mết là linh hồn của dân làng Xô Man, lưu giữ, kể lại lịch sử đấu tranh dân tộc, đồng thời là người phát ngôn cho chân lí về con đường giải phóng của nhân dân. Cụ chính là nhân vật tượng trưng cho lịch sử, cho sức sống bền bỉ của dân làng Xô Man.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

ĐỀ SỐ 6

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Giới thiệu chung về tác phẩm *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng : cảm hứng phê phán, ngòi bút trào phúng,...

– *Hạnh phúc của một tang gia* thuộc chương XV của tiểu thuyết *Số đỏ*. Đây là chương nổi bật, có giá trị châm biếm sắc sảo (nhất là từ tình huống truyện đến các tình tiết, chân dung nhân vật).

– Nhan đề của đoạn trích đã nói lên bộ mặt đạo đức giả, bất hiếu, háms lợi của tầng lớp thượng lưu thành thị lúc bấy giờ.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

– Nhận thức được vai trò quan trọng của việc học hành đối với mỗi con người.

Quá trình học tập đối với bất kì ai cũng đều có những khó khăn, gian nan, vất vả nhưng trong học tập chúng ta sẽ gặt hái được thành công như ông cha ta đã nói : “Có công mài sắt có ngày nên kim”.

– Suy nghĩ và liên hệ hành động của bản thân, phấn đấu tu dưỡng và rèn luyện để đạt được những mục đích lớn lao của cuộc đời.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76).

II. PHÂN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học ; vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích hình tượng nhân vật trữ tình ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về tác phẩm *Đàn ghi ta của Lor-ca* của Thanh Thảo, thí sinh chọn phân tích những nét tiêu biểu để làm rõ vẻ đẹp của hình tượng nhân vật. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần làm rõ một số ý chính sau :

- Lor-ca là một người nghệ sĩ tự do và cô đơn.
- Là con người say mê nghệ thuật.
- Một cái chết oan khốc bởi sự tàn bạo của thế lực độc ác.
- Là con người có tâm hồn, có sức sống bất diệt.
- Hình tượng bi tráng về người nghệ sĩ chân chính nhưng không gặp môi trường thuận lợi để phát triển tài năng.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm trữ tình, diễn đạt lưu loát, kết cấu chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về Tố Hữu và bài thơ *Từ ấy*, thí sinh cảm nhận được tâm trạng của nhân vật trữ tình và thấy rõ được đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, song cần làm rõ các ý chính sau :

- Giới thiệu sơ lược về tác giả và hoàn cảnh ra đời, xuất xứ của bài thơ.
- Niềm vui sướng của nhân vật trữ tình khi bắt gặp lí tưởng cộng sản.

– Sự nhận thức của nhân vật trữ tình về con đường cách mạng mà mình đã lựa chọn. Đó là sự thức tỉnh về mối quan hệ tình cảm cách mạng, tình cảm dân tộc. Ý thức rõ về trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, dân tộc.

– Nghệ thuật của bài thơ : Giọng điệu vui tươi, dứt khoát, hào hứng say mê và tràn đầy quyết tâm.

– Bài thơ *Từ ấy* là tuyên ngôn về lẽ sống của một chiến sĩ cách mạng đồng thời cũng là tuyên ngôn nghệ thuật của một nhà thơ cách mạng, là bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ Tố Hữu.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

ĐỀ SỐ 7

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Bài thơ được sáng tác vào mùa thu năm 1939, in lần đầu trong tập *Lửa thiêng* (1940), được coi là một trong những bài thơ hay nhất của Huy Cận thuộc số các sáng tác trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Ngay nhan đề *Tràng giang* và câu thơ đề từ đã cho thấy cảm hứng chủ đạo của bài thơ : không gian mênh mông của đất trời gợi trong sâu thẳm lòng người nỗi bâng khuâng trước cảnh sông dài trời rộng.

– Bài thơ gồm bốn khổ giống như bốn bài tứ tuyệt Đường thi. Tuy cảnh được miêu tả ở mỗi khổ khác nhau nhưng đều có điểm chung đó là cảnh sông nước mênh mang và tâm trạng sầu buồn, cô đơn của chủ thể cảm xúc.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

– Trong mỗi con người, ai cũng có những thế mạnh và điểm yếu.

Khi ai đó biết được điểm yếu của mình, tự nhận thấy điểm yếu đó và không ngần ngại công nhận nó đã là dám đối diện và vượt lên chính mình.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm trữ tình ; diễn đạt lưu loát, kết cấu chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về Hồ Chí Minh và bài thơ *Chiều tối*, thí sinh cảm nhận được tâm trạng nhân vật trữ tình và thấy rõ những đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ các ý chính sau :

– Giới thiệu về tác giả Hồ Chí Minh và tập thơ *Nhật kí trong tù*.

– Bức tranh thiên nhiên xóm núi vào buổi chiều tà được phác hoạ và cảm nhận bằng tâm trạng nhạy cảm, sự bình thản tự tin của nhà thơ – chiến sĩ Hồ Chí Minh.

– Bức tranh thiên nhiên rừng núi lúc chiều tối đã trở nên bừng sáng khi có hình ảnh người lao động xuất hiện cùng với ánh lửa hồng.

- Nghệ thuật của bài thơ :

+ Ngôn ngữ thơ hàm súc, vừa cổ điển vừa hiện đại.

+ Sự vận động của mạch cảm xúc, của hình tượng thơ hướng về sự sống, về ánh sáng.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về tác phẩm *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam, thí sinh chọn phân tích những ý cơ bản để làm rõ giá trị hiện thực và nhân đạo của truyện ngắn.

Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ một số ý chính sau :

- Ngôi bút của Thạch Lam đã miêu tả đời sống phố huyện nghèo với nhiều chi tiết chân thực, đầy cảm xúc và thấm đượm chất thơ : phố huyện với dấu ấn của sự nghèo nàn trong cảnh ngày tàn, cảnh chợ tàn, đêm tối tràn về.

Hình ảnh những con người nghèo khổ lam lũ của phố huyện nhỏ : những kiếp người tàn trong cảnh chiều về, đêm xuống.

- Miêu tả những số phận đó, Thạch Lam đã bộc lộ một sự đồng cảm sâu sắc, thái độ trân trọng đối với những kiếp người nhỏ bé trong xã hội với khát vọng được thay đổi cuộc sống.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

ĐỀ SỐ 8

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

- Sự nghiệp thơ văn của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 :

+ Những chủ đề chính của thơ Xuân Diệu, phong cách nghệ thuật tiêu biểu.

+ Đóng góp của Xuân Diệu cho mảng văn xuôi trước Cách mạng : đề tài, bút pháp nghệ thuật.

+ Những tác phẩm tiêu biểu ở thời kì trước Cách mạng. (Kể tên một số tác phẩm).

- Sự nghiệp thơ văn của Xuân Diệu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 :

+ Xuân Diệu vẫn tiếp tục sáng tác thơ trên cơ sở những đề tài cũ và có thêm những mạch nguồn cảm xúc mới.

+ Ngoài ra Xuân Diệu còn viết nhiều thể loại khác như truyện ngắn, tùy bút, nghiên cứu phê bình văn học, dịch thơ,... (kể tên một số tác phẩm).

- Đánh giá chung về đóng góp của Xuân Diệu cho sự nghiệp văn học nước nhà.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, bài làm có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

- Nhận thức được vai trò của học vấn đối với con người trong cuộc sống : không có học vấn con người sẽ không đi được đến cái đích của cuộc đời.

- Thể hiện thái độ, ý thức của bản thân trong hành trình học tập, trau dồi kiến thức để trở thành những con người có học vấn.

- Có biểu hiện tích cực trong học tập : tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu không ngừng.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm văn xuôi : kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về Thạch Lam và tác phẩm *Hai đứa trẻ*, thí sinh chọn những chi tiết tiêu biểu để phân tích làm rõ yêu cầu của đề. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ một số ý chính sau :

– Bức tranh đời sống phố huyện hiện lên qua quan sát, cảm nhận của một tâm hồn nhạy cảm ở nhân vật Liên với hai thời điểm : lúc chiều xuống, khi đêm về.

+ Khi chiều xuống cảnh phố huyện hiện ra với hình ảnh phiên chợ tàn, ngày tàn : sự hiu quạnh, cảnh nghèo nàn.

+ Trong khung cảnh tiêu điều, buồn bã đó, hình ảnh những con người nghèo khổ, lam lũ, nhếch nhác của phố huyện hiện dần ra : mấy mẹ con chị Tí, gia đình bác Xẩm, bà cụ Thi điên. Cuộc sống của những con người này thật đơn điệu, quẩn quanh, tù túng.

– Qua cái nhìn của Liên, phố huyện tuy nghèo nàn và hiu quạnh nhưng vẫn có gì rất gần gũi, thân thương.

– Giọng văn nhẹ nhàng, thấm đẫm tình cảm gắn bó với quê hương, con người xứ sở của Thạch Lam.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm trữ tình, diễn đạt lưu loát, kết cấu chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về Hàn Mặc Tử và bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ*, thí sinh chọn và phân tích những giá trị đặc sắc của bài thơ. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ một số ý chính sau :

– Hoàn cảnh riêng của nhà thơ và sự ra đời của bài thơ.

– Bài thơ *Đầy thôn Vĩ Dạ* là bức tranh phong cảnh về thôn Vĩ Dạ và xứ Huế với cảnh đẹp thơ mộng, tượng trưng cho cuộc sống tinh khôi, tươi mát.

– Bài thơ thể hiện niềm gắn bó tha thiết, tình người sâu đậm của một hồn thơ yêu đa diết con người và cuộc sống dù đang phải chịu đựng những đớn đau bệnh tật và hơn hết là sự cách biệt với cuộc sống trần thế.

– Nghệ thuật của bài thơ :

+ Lối chuyển đổi đột ngột của mạch thơ và dòng cảm xúc.

+ Những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

ĐỀ SỐ 9

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu 1. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Vở kịch *Vũ Như Tô* được Nguyễn Huy Tưởng viết năm 1941, đã đăng báo trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, sau này in trong tập *Kịch Nguyễn Huy Tưởng* (1963).

– Nội dung vở kịch *Vũ Như Tô* dựa vào những sự kiện lịch sử có thật thời Lê – Trịnh diễn ra vào khoảng những năm 1516 - 1517.

– Tác phẩm thể hiện tấn bi kịch lớn của người nghệ sĩ trong xã hội phong kiến khi họ không thể giải quyết đúng đắn được mối quan hệ giữa tư cách người nghệ sĩ và tư cách người công dân, giữa khát vọng nghệ thuật chân chính với thực tế xã hội đen tối.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

– Giải thích được khái niệm “sống đẹp” : Sống có ý nghĩa, có mục đích cao cả, biết hi sinh, cống hiến. Sống đẹp thực chất là sống tốt, hướng về chân thiện, mỹ, được thể hiện bằng hành động.

– Thái độ của bản thân về quan niệm “sống đẹp”.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm trữ tình, diễn đạt lưu loát, kết cấu chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Huy Cận và bài thơ *Tràng giang*, thí sinh cảm nhận được tâm trạng của nhân vật trữ tình. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được các ý sau :

– Nỗi sầu buồn triền miên được gợi lên từ hình ảnh con thuyền xuôi theo dòng nước ; bốn dòng thơ đầu mang âm điệu của Đường thi nhưng câu thơ cuối đem đến một cái nhìn mới lạ : hình ảnh cảnh cúi khò.

Không gian dường như được mở rộng theo những chiều bát ngát, sâu thẳm và bao trùm lên toàn bộ cảnh vật vẫn là một nỗi buồn, một tâm trạng cô đơn của con người.

– Nghệ thuật : phép đối, phép điệp được sử dụng hiệu quả làm tăng sức gợi của hình ảnh thơ, tạo âm vang trong dòng thơ ; cách sử dụng từ láy ; ý vị cổ điển và hiện đại đan cài vào nhau.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm văn xuôi. Bài làm có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về Vũ Trọng Phụng và tác phẩm, thí sinh phân tích nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần nêu bật những ý chính sau :

– *Số đỏ* là cuốn tiểu thuyết hiện thực – trào phúng xuất sắc của Vũ Trọng Phụng trong đó với một màn hài kịch ngắn (chương XV) đã cho thấy sức công phá của tiếng cười Vũ Trọng Phụng.

Bằng ngòi bút tài tình các bức chân dung biếm hoạ đã hiện lên rõ nét dưới bàn tay tài hoa của người nghệ sĩ đều là những kẻ mang bản chất xấu xa : đạo đức giả, bất hiếu, hám lợi, háo danh, tàn nhẫn.

– Với nhãn quan trào phúng sắc sảo, Vũ Trọng Phụng đã phê phán mạnh mẽ bản chất giả dối, đồi bại của tầng lớp thượng lưu thành thị những năm trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

ĐỀ SỐ 10

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Nguyễn Tuân là một nhà văn lớn của văn học Việt Nam. Sự nghiệp của ông trải ra trên hai chặng đường, trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 :

+ Trước Cách mạng, sáng tác của Nguyễn Tuân xoay quanh các đề tài chính : "chủ nghĩa xê dịch" (*Một chuyến đi, Thiếu quê hương,...*) ; vẻ đẹp "vang bóng một thời" (*Vang bóng một thời,...*) ; đời sống truy lạc (*Chiếc lư đồng mắt cua, Ngọn đèn dầu lạc,...*).

+ Sau Cách mạng, sáng tác Nguyễn Tuân tập trung phản ánh hai cuộc kháng chiến của dân tộc, khám phá vẻ đẹp của người Việt Nam vừa anh dũng vừa tài hoa (*Tình chiến dịch, Đường vui, Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi, Sông Đà, Kí Nguyễn Tuân,...*).

Nguyễn Tuân là nhà văn suốt đời tìm kiếm và khẳng định những giá trị nhân văn cao quý, với những nét phong cách nổi bật : tài hoa, uyên bác, hiện đại mà cổ điển,... Ông có nhiều đóng góp cho sự phát triển của thể tùy bút và tiếng Việt...

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

– Giải thích vấn đề nội dung nhận định của Lét-xinh : Giá trị và ý nghĩa của đời sống con người không phải ở sự ngộ nhận về những điều sẵn có mà ở quá trình nỗ lực, cố gắng không ngừng để vươn tới sự hiểu biết hoàn thiện.

– Con người không được bằng lòng, ngủ quên trên những gì sẵn có, không được chấp nhận lối mòn. Trên quá trình sáng tạo, tìm kiếm chân lí, có thể chưa gặt hái được thành công, hoặc nếu có được thành công cũng chưa thể xem là vĩnh viễn...

– Cần luôn nỗ lực phấn đấu rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76). -

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách phân tích một đoạn thơ trữ tình. Biết cách làm bài nghị luận văn học, bố cục chặt chẽ, diễn đạt tốt (không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, dùng từ).

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở có những hiểu biết nhất định về tác giả Huy Cận và bài thơ *Tràng giang*, phân tích để làm nổi bật giá trị của đoạn thơ này.

– Giới thiệu vài nét về nhà thơ Huy Cận, giá trị bao trùm của bài thơ *Tràng giang*, vị trí của đoạn thơ trích trong bài thơ.

– Đoạn thơ miêu tả bức tranh thiên nhiên tráng lệ, hùng vĩ nhưng buồn xa vắng (những đám mây trắng, những cánh chim, dòng sông gợn sóng,... trong buổi chiều muộn). Từ đó, thể hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình : buồn sầu, cô đơn và khát khao hòa nhập với con người và cuộc đời.

– Nghệ thuật : chọn hình ảnh, chi tiết đặc sắc, gợi cảm, nghệ thuật đối lập (giữa cánh chim nhỏ bé và vũ trụ bao la, rộng lớn), cách sử dụng sáng tạo từ thơ của người xưa khiến cho khổ thơ vừa vẻ đẹp cổ điển vừa có chất hiện đại (hai câu cuối).

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về tác phẩm *Rừng xà nu*, thí sinh có thể triển khai vấn đề theo nhiều hướng khác nhau, nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

– Phân tích các nhân vật tiêu biểu cho những thế hệ con người Tây Nguyên : cụ Mết, Trú, Dít, bé Heng.

– Khái quát chung : đặc điểm của con người Tây Nguyên là yêu nước, căm thù giặc, đoàn kết đấu tranh, kiên cường bất khuất, giàu yêu thương. Nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình, đậm chất sử thi.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

ĐỀ SỐ 11

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

Quá trình sáng tác của Nam Cao gồm hai thời kì, trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 :

- Trước Cách mạng, Nam Cao tập trung sáng tác hai mảng đề tài :
 - + Đề tài về người trí thức tiểu tư sản : *Đời thừa, Trăng sáng, Sống mòn...*
 - + Đề tài về người nông dân : *Chí Phèo, Lão Hạc, Một bữa no...*

Cả hai đề tài đều thể hiện về cuộc đời, số phận của những con người bị xói mòn về nhân phẩm, hủy diệt về nhân tính trong xã hội phi nhân đạo đương thời. Nhưng ở bất kì tác phẩm nào ta cũng thấy được tấm lòng nhân đạo của Nam Cao.

Sau Cách mạng, ông tập trung vào đề tài kháng chiến : nhật kí *Ở rừng, Chuyện biên giới...*

Truyện ngắn *Đôi mắt* được xem là tuyên ngôn nghệ thuật của văn nghệ sĩ thời kì đấu kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Phong cách nghệ thuật độc đáo.

+ Ngòi bút của Nam Cao vừa tỉnh táo, sắc lạnh, vừa nặng trĩu suy nghĩ và đậm thấm yêu thương. Vì vậy, văn chương của ông chân thực mà giàu ý vị triết lí và trữ tình.

+ Ông đặc biệt đi sâu phát hiện và miêu tả quá trình phát triển tâm lí sâu sắc của nhân vật.

+ Ngôn ngữ sống động, phong phú, tinh tế gắn với ngôn ngữ đời sống.

Nam Cao là nhà văn hiện thực tiêu biểu, tài năng lớn giàu sức sáng tạo góp phần quan trọng vào việc cách tân nền văn xuôi Việt Nam theo hướng hiện đại hóa, xứng đáng là nhà văn hiện thực xuất sắc, một nhà nhân đạo chủ nghĩa.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

+ Giải thích đúng cách diễn đạt : “khách qua đường” là người đến rồi đi ngay, không có quan hệ mật thiết với ta ; “người bạn thân ở chung nhà” là người gần gũi thường xuyên gắn bó với ta ; “ông chủ nhà khó tính” là người buộc ta phải lệ thuộc và thường đòi hỏi ta một cách quá đáng.

Từ đó, thấy được nội dung cốt lõi của ý kiến : Quá trình hình thành và phát triển của những thói hư, tật xấu theo thời gian, mức độ tiềm ẩn có thể ngày càng nặng nề hơn.

+ Mỗi con người cần tránh những thói hư tật xấu ; khi mắc thói hư, tật xấu phải nhanh chóng sửa chữa.

c) Cách cho điểm (*)

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm trữ tình ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về bài thơ *Tây Tiến*, thí sinh phát hiện và phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật để làm nổi bật giá trị về nội dung của đoạn trích. Có thể triển khai bằng nhiều cách nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

- Vị trí đoạn trích.
- Những kỉ niệm về tình quân dân thắm thiết trong đêm liên hoan văn nghệ nơi bản làng mà đoàn quân Tây Tiến dừng chân nghỉ.
- Cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.
- Tâm hồn lạc quan, yêu đời của người lính Tây Tiến.
- Nghệ thuật : bút pháp lãng mạn, tài hoa.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích một đoạn thơ ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về đoạn trích *Đất Nước* cũng như trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm, thí sinh phát hiện và phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật để làm nổi bật giá trị nội dung của đoạn thơ. Có thể triển khai bằng nhiều cách nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

- Nhân dân sáng tạo nên mọi giá trị vật chất và tinh thần cho đất nước, đó là công lao vĩ đại của nhân dân. Tác giả đã sử dụng những hình ảnh cụ thể và giàu sức gợi cảm : *hạt lúa, ngọn lửa, giọng nói, tên làng, tên xã*,... để khẳng định vai trò của nhân dân, khẳng định công sức, trí tuệ, tâm huyết của bao thế hệ con người Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước.
- Nhân dân đóng vai trò chủ thể trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước tạo nên ruộng đồng, bờ bãi phì nhiêu cho thế hệ sau “trồng cây hái trái”,... Họ đánh đuổi giặc ngoại xâm để giữ gìn độc lập, tự do cho quê hương, đất nước.
- Nghệ thuật thể hiện qua giọng thơ trữ tình – chính luận sâu lắng, sử dụng từ ngữ gần gũi với đời sống...
- Đoạn thơ là bức tượng đài kì vĩ khẳng định, ca ngợi vai trò chủ thể của nhân dân trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

ĐỀ SỐ 12

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Lor-ca (1898 - 1936) là một trong những tài năng sáng chói của văn học hiện đại Tây Ban Nha. Từ nhỏ, ông được coi là thần đồng với năng khiếu thiên bẩm trên nhiều lĩnh vực của nghệ thuật : thơ ca, hội họa, âm nhạc, sân khấu.... Tốt nghiệp Đại học Luật, ông lên thủ đô tham gia vào đời sống nghệ thuật, vừa khởi xướng và thúc đẩy mạnh mẽ những cách tân trong các lĩnh vực nghệ thuật.

– Sự xuất hiện của Lor-ca và nhiều tài năng khác cùng hoạt động nghệ thuật nhân đạo của họ lúc bấy giờ đã khiến cho đời sống tinh thần của Tây Ban Nha và cả một vùng rộng lớn thuộc khu vực Tây Âu trở nên sôi động. Đây là nguyên nhân khiến ông bị bắt và bị giết bởi chế độ phát xít Phorancô Tây Ban Nha. Cái chết của Lor-ca đã làm dâng lên một làn sóng mạnh mẽ trên thế giới phản đối chế độ cai trị độc tài lúc bấy giờ. Tên tuổi của ông trở thành một biểu tượng, thành ngọn cờ tập hợp các nhà văn hóa Tây Ban Nha và thế giới chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ văn hóa dân tộc và văn minh nhân loại.

– Nhà thơ Thanh Thảo là một trong số rất nhiều người tri âm, đồng điệu và ngưỡng mộ tài năng của Lor-ca. Bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* là sự xót xa tiếc nuối của Thanh Thảo đối với thiên tài Lor-ca, đồng thời tái hiện vẻ đẹp bi tráng của nhân vật trữ tình Lor-ca.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75)

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; bài làm có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

- Giới thiệu về Khổng Tử (551 - 479 TCN) : nhà tư tưởng, nhà triết học và là người sáng lập ra học thuyết Nho giáo của Trung Quốc, có rất nhiều học trò theo học.

Lời đáp của Khổng Tử cho thấy sự lượng thứ, khoan dung chính là cách ứng xử độ lượng, vị tha, biết hi sinh, nhường nhịn đối với người khác, biết bỏ qua những lỗi lầm của người khác gây ra cho mình hoặc cho xã hội (đưa ra một số ví dụ minh hoạ).

- Đối với học sinh, lượng thứ, khoan dung là một phẩm chất cao đẹp, một ứng xử cao thượng cần được thực hiện và ca ngợi. Nhờ có lượng thứ, khoan dung làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp, con người sống gần gũi đáng yêu hơn.

- Song lượng thứ, khoan dung cũng không phải là sự đồng nhất với nhu nhược hoặc bao che, dung túng, đồng tình với những khuyết điểm của người khác.

- Trong cuộc sống xã hội hiện đại nay, nhiều người trở nên vô cảm, dửng dưng thiếu trách nhiệm và quên đi những truyền thống đạo lí tốt đẹp. Những con người ấy cần bị lên án.

- Mỗi học sinh cần phải không ngừng học tập để nâng cao trình độ văn hoá, tri thức để có sự hiểu biết phong phú, biết sống vị tha, bao dung hơn. Tích cực thực hành và bồi đắp lễ sống khoan dung, sự lượng thứ từ những việc nhỏ xung quanh mình, với những người thân của mình, tích cực tham gia các hoạt động của cộng đồng, xã hội...

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76)

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học ; phân tích ý kiến bàn về văn học ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững tác phẩm *Vợ nhặt* của Kim Lân, *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài, nghệ thuật xây dựng nhân vật, thí sinh có thể triển khai theo nhiều hướng khác nhau nhưng cần nêu được các nội dung cơ bản sau :

- Giới thiệu về tác giả Kim Lân, Tô Hoài cùng hai tác phẩm *Vợ nhặt*, *Vợ chồng A Phủ*. Đây là những tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại.

-- Sáng tác của họ không chỉ dừng lại ở việc khơi sâu những nỗi đau, bi kịch của một kiếp người mà còn mở ra cho họ thấy con đường sáng của tương lai phía trước, dưới ngọn cờ của Đảng.

- Ở mỗi tác phẩm ta đều thấy toát lên sự thấm thía xót xa trước những mảnh đời ngang trái.

+ *Vợ nhặt* phản ánh cuộc sống quay quắt của những người dân xóm ngụ cư nói riêng và người dân Việt Nam nói chung trong nạn đói khủng khiếp 1945. Đặc biệt ấn tượng là hình ảnh bà cụ Tứ. Bà đã trải qua một cuộc đời cực khổ đắng dặc. Đó là một bà mẹ nghèo nhưng tấm lòng nhân hậu, thương yêu các con hết lòng. Tác phẩm có âm hưởng rất lạc quan bởi ở phần kết, đằng sau những nỗi đau khổ vì đói khát, những nhân vật trong tác phẩm đã nhìn thấy con đường phía trước, đã thấy được ánh sáng của tương lai dưới ngọn cờ của Đảng (Bà cụ Tứ nghe người con dâu kể “trên mạn Thái Nguyên”, người ta phá kho thóc của Nhật chia cho dân nghèo, còn trong đầu Tràng hiện lên rõ mồn một hình ảnh đoàn người và lá cờ đỏ sao vàng tung bay trên đê Sộp).

+ *Vợ chồng A Phủ* tuy là một truyện ngắn nhưng nó có tầm vóc như một cuốn tiểu thuyết, vừa phản ánh nỗi thống khổ của người dân miền núi Tây Bắc dưới ách áp bức của bọn chúa đất phong kiến vừa phản ánh sự đổi đời của họ trên mảnh đất cách mạng tự do. Chủ đề ấy được thể hiện xuất sắc qua nhân vật Mị. Đó là một cô gái xinh đẹp, đầy sức sống nhưng từ khi phải về làm dâu gạt nợ cho nhà thống lí. Mị chỉ sống như vật nuôi trong nhà, “lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa” gần như mất hết ý thức về quyền sống của con người, nhưng Mị có nhân cách cao đẹp. Trong cô luôn âm ỉ một sức sống tiềm tàng, một khát vọng tự do và hạnh phúc mãnh liệt. Khi được giác ngộ, cô đã thấy được con đường sáng phía trước, dưới ngọn cờ của Đảng, hết lòng đi theo Đảng, theo người cách mạng.

- Nhận xét chung : có thể nói mỗi con người, mỗi cuộc đời, mỗi số phận và quá trình đổi thay số phận của họ đều gắn với quá trình đổi thay của đất nước và

quá trình phát triển của cách mạng. Vợ nhặt và Vợ chồng A Phủ không chỉ phơi bày hiện thực cuộc sống của con người trong thời kì đen tối nhất của cách mạng Việt Nam mà Kim Lân và Tô Hoài đã chỉ cho họ thấy được con đường giải thoát. Đó là tìm đến với cách mạng, dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng. Chính vì vậy mà cả hai tác phẩm đều có âm hưởng rất lạc quan, khẳng định sức sống mãnh liệt của con người trong mọi hoàn cảnh.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học, biết vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích, cảm nhận về hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn xuôi. Kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về đoạn trích *Người lái đò Sông Đà* và nghệ thuật miêu tả hình tượng con sông Đà của Nguyễn Tuân, thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được các nội dung cơ bản sau :

– Con sông Đà hiện ra dưới ngòi bút của Nguyễn Tuân không phải như một cảnh trí thiên nhiên thông thường mà là một sinh thể sống động, có cá tính, có tâm trạng,... với hai nét tính cách cơ bản :

+ Hình ảnh con sông Đà hung bạo, có tâm địa của một thứ kẻ thù số một của con người : thác, đá, gió, sóng đều dữ ác và đối nghịch với cuộc mưu sinh của con người trên sông nước.

+ Hình ảnh con sông Đà trữ tình, thơ mộng, gần gũi, thân thiết với con người. Sông Đà được nhìn như một cố nhân...

Hai nét tính cách tương phản đan xen hài hoà tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt cho hình tượng sông Đà.

– Nghệ thuật : hình ảnh sông Đà được khai thác từ phương diện thẩm mỹ – văn hoá qua cách miêu tả sinh động, sử dụng ngôn ngữ điêu luyện,...

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78)

ĐỀ SỐ 13

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

Tác phẩm là sự ngợi ca niềm khao khát sống, khao khát hạnh phúc mãnh liệt và tin tưởng vào tương lai của con người ngay trong hoàn cảnh túng quẫn, đói khát nhất. Đó cũng là bài ca về tình người của những con người nghèo khổ.

– Nhan đề gây cho người đọc một sự chú ý đặc biệt : người ta thường chỉ nhặt được vật này vật khác chứ không ai nói “nhặt” được vợ hay chồng. Hơn nữa, việc lấy vợ lấy chồng là một việc hệ trọng của cả cuộc đời nhưng ở đây nhân vật Tràng “nhặt” được vợ rất nhanh chóng, dễ dàng. Nhan đề của tác phẩm gợi ra những ý vị chua chát về thân phận con người bị rẻ rúng trong xã hội cũ vào năm đói Ất Dậu 1945. Qua đó, nhà văn muốn lên án chế độ thực dân phong kiến, ca ngợi khát vọng sống và niềm tin của con người.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75)

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần khẳng định được vai trò của người mẹ với mỗi con người. .

– Tình mẫu tử là tình cảm mẹ con sâu nặng, tha thiết, tự nhiên, cao cả, đồng hành suốt cả cuộc đời của mỗi con người. Tình mẫu tử có một ý nghĩa và một vị trí rất đặc biệt.

Con người sẽ hạnh phúc và có những cảm xúc ngọt ngào khi được sống trong tình yêu thương, đùm bọc, chở che của người mẹ. Ngược lại, con người sẽ thật bất hạnh và thiệt thòi khi không được hưởng tình cảm đó...

-- Cuộc sống hôm nay với biết bao đổi thay làm cho con người dễ dàng quên đi những tình cảm thiêng liêng, cao quý. Ở đâu đó vẫn còn có những hành động ngược đãi cha mẹ, những con người ấy, những hành động ấy cần bị lên án.

– Mỗi chúng ta phải luôn trân trọng, nâng niu, giữ gìn tình cảm thiêng liêng bởi vì tình mẫu tử từ xưa tới nay và cho đến mai sau vẫn là thứ tình cảm đẹp nhất trong mỗi con người.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76)

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Nguyễn Thi và truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật tính cách của các nhân vật. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được những ý kiến sau :

– Chị Chiến : giống má, tỏ ra mạnh mẽ, cứng cỏi, trưởng thành (bắp tay tròn vo, thân người to và chắc nịch, nhắc bỗng một đầu bàn thờ má lên) và cũng rất nữ tính (thể hiện ở sự lo toan chu đáo, nhường nhịn em,...).

– Nhân vật Việt :

+ Có lòng yêu nước, quyết tâm đánh giặc trả thù cho ba má.

+ Có lòng căm thù giặc sâu sắc : từ nhỏ đã nung nấu lòng căm thù, lúc khiêng bàn thờ má, Việt càng cảm nhận rõ “mối thù thằng Mĩ thì có thể sờ thấy được, vì nó đang đè nặng ở trên vai”.

+ Là người giàu tình cảm : thương yêu ba mẹ, chị gái và các em : lúc sắp xa chị Chiến, Việt thấy thương chị nhiều hơn.

+ Việt ý thức rõ mục đích đi bộ đội của mình, có niềm lạc quan tin tưởng vào ngày mai tươi sáng “chúng con đi đánh giặc trả thù cho ba má, đến chừng nước nhà độc lập con lại đưa má về”.

+ Việt cũng thể hiện tính cách của một chàng trai mới lớn : vô tư, hồn nhiên, bộc trực,...

– Lối kể chuyện của tác giả hấp dẫn, các chi tiết tiêu biểu, nghệ thuật phân tích tâm lí sắc sảo, ngôn ngữ góc cạnh và đậm chất Nam Bộ,...

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích một đoạn thơ trong tác phẩm trữ tình ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về đoạn trích *Đất Nước* trong trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm, thí sinh cần phát hiện và phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật để làm nổi bật giá trị nội dung của đoạn thơ. Bài viết có thể triển khai theo nhiều hướng khác nhau nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

– Đất nước được hình thành qua những gì hết sức giản dị, gần gũi và thân thương (tác giả sử dụng những hình ảnh cụ thể, giàu sức gợi cảm) để khẳng định sự gắn bó của đất nước trong mỗi con người.

– Đất nước gắn với không gian địa lí mênh mông, gắn với chiều dài của thời gian lịch sử, gắn với huyền thoại về Mẹ Âu Cơ và Cha Lạc Long Quân.

– Nhân dân đóng vai trò chủ thể trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đất nước hiện hữu trong sức mạnh đoàn kết dân tộc.

– Nghệ thuật thể hiện qua giọng thơ trữ tình – chính luận sâu lắng, cách dùng từ ngữ, xây dựng hình ảnh,....

– Đoạn thơ là những định nghĩa sâu sắc và hoàn chỉnh về đất nước, sự gắn bó của mỗi con người với đất nước.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

ĐỀ SỐ 14

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

a) Đặc điểm con người Nguyễn Tuân

Nguyễn Tuân là một trí thức giàu lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Lòng yêu nước của ông gắn liền với những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc.

– Ở Nguyễn Tuân ý thức cá nhân phát triển cao. Ông ưa lối sống tự do phóng túng nên tự gán cho mình chứng bệnh gọi là “chủ nghĩa xê dịch”.

– Nguyễn Tuân là nhà văn biết quý trọng thật sự nghề nghiệp của mình. Với ông, nghệ thuật là một hình thái lao động nghiêm túc thậm chí “khổ hạnh”.

b) Phong cách nghệ thuật

– Nguyễn Tuân là một ngòi bút rất mực tài hoa và uyên bác. Ông thường tiếp cận thiên nhiên, sự vật ở phương diện mỹ thuật, tiếp cận con người ở phương diện tài hoa nghệ sĩ. Ông quan sát và thể hiện sự vật bằng con mắt của nhiều lĩnh vực khác nhau như: hội họa, điện ảnh, sử học, địa lí, quân sự...

– Ông rất nhạy cảm với hiện tượng mới lạ, độc đáo, đập mạnh vào giác quan của người nghệ sĩ.

– Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám về cơ bản là thống nhất nhưng cũng có những biến đổi rõ rệt :

Trước Cách mạng, Nguyễn Tuân quan niệm cái đẹp chỉ có trong quá khứ “vang bóng một thời” và ông đối lập quá khứ với hiện tại về mặt thẩm mỹ. Sau Cách mạng, ông còn tìm thấy vẻ đẹp trong hiện tại và tương lai, nhận thấy sự hòa hợp giữa quá khứ và hiện tại về mặt thẩm mỹ.

Nếu như trước Cách mạng, Nguyễn Tuân quan niệm tài hoa nghệ sĩ chỉ có ở những con người kiệt xuất thì sau Cách mạng, ông đã tìm thấy nét đẹp ấy ngay ở nhân dân lao động bình thường, anh bộ đội, chị dân quân, ông lái đò...

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75)

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội : kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được những ý chính sau :

- Trong cuộc đời mỗi con người ai cũng đã có lần thất bại trong công việc, nhưng đừng vì thất bại (dù có tới vài lần liên tiếp) mà nản lòng.

- Có thất bại rồi mới có kinh nghiệm và rút ra bài học sau mỗi lần thất bại để sửa đổi lại lối suy nghĩ, cách làm việc và từ đó giúp ta tiến gần đến sự thành công.

- Có được những thành công trong cuộc sống chính là biết đi lên từ những thất bại (có thể lấy dẫn chứng từ cuộc đời của các nhà khoa học, các nhân vật trong tác phẩm văn học...).

- Ý kiến riêng của cá nhân về ý nghĩa của câu nói (Thí sinh có sự lí giải khác nhau nhưng cần lô gích và có sức thuyết phục).

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76)

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm trữ tình ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu được bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* : những nét chính về tác giả, hoàn cảnh ra đời, giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, vị trí đoạn trích,... làm rõ sự cảm nhận (tức là sự hiểu biết và tình cảm, xúc cảm của bản thân) về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Có thể trình bày, sắp xếp theo nhiều cách, nhưng cần nêu được :

- Niềm tiếc thương cho giá trị nghệ thuật đích thực (*không ai chôn cất tiếng đàn*)

- Cái hữu hạn trong cái vô hạn.
- Niềm tin mãnh liệt vào sự bất tử của tiếng đàn của Lor-ca.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học theo đặc trưng thể loại kịch ; diễn đạt lưu loát, kết cấu chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ, phát hiện và phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật kịch, qua đó làm nổi bật những nét tính cách và sự thay đổi của nhân vật Trương Ba ; đồng thời nêu lên những cảm nhận riêng :

– Sự đau khổ của Hồn Trương Ba khi phải sống trong hoàn cảnh trở trêu, có những thay đổi đặc biệt (hoàn cảnh đặc biệt của Trương Ba). Nỗi đau đớn của Hồn Trương Ba khi phải sống không được là chính mình, ở trong gia đình của mình mà như giữa người xa lạ.

– Trương Ba đã đấu tranh với hoàn cảnh trở trêu của chính mình và đã quyết định : không sống nhờ vào thân xác người khác “bên trong một đằng bên ngoài một nẻo”. Trương Ba không thể chịu nổi tình trạng bi hài này (sự “lệch pha” giữa hồn và xác).

– Điều này khẳng định triết lí : Con người là một thể thống nhất, hồn và xác phải hài hoà, không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác phàm tục, tội lỗi. Sống thực sự cho ra con người quả không hề dễ dàng, đơn giản. Khi sống nhờ, sống gửi, sống chấp vá, khi không được là mình thì cuộc sống ấy thật vô nghĩa.

– Vở kịch phản ánh tài năng sáng tác độc đáo, tài ba của Lưu Quang Vũ.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78)

ĐỀ SỐ 15

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Nhan đề *Những đứa con trong gia đình* không chỉ có giá trị thông báo về vị trí thế hệ của hai nhân vật chính mà còn gợi nhiều ý nghĩa :

+ Đó là những con người được nuôi dưỡng và trưởng thành trong gia đình có truyền thống tốt đẹp, đáng tự hào.

+ Họ là những con người đã tiếp nối xứng đáng truyền thống cách mạng của gia đình.

– Khẳng định, ngợi ca mối liên hệ bền chặt, thiêng liêng giữa các thế hệ trong gia đình, giữa con người với gia đình.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, bài làm có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau :

– Việc đỗ – trượt là điều thường xảy ra trong thi cử. Trượt là điều đau khổ, đổ đem lại hạnh phúc cho học trò và những người thân trong gia đình.

- Đỗ cao trong thi cử là biểu hiện của sự thông minh, tài năng và thành đạt ; là niềm hạnh phúc của cá nhân và mọi người. Tuy vậy không nên nghĩ rằng, đó là con đường duy nhất để có chìa khoá mở cửa tương lai.

– Nếu bị trượt cũng đừng nên bi quan thất vọng mà cần biết rút kinh nghiệm sửa chữa, vươn lên.

– Thí sinh cần trình bày suy nghĩ riêng của bản thân : phải cần luôn nỗ lực phấn đấu trong học tập (học qua nhà trường, sách vở, xã hội) để nâng cao tri thức và sử dụng kiến thức đó vào thực tiễn một cách hiệu quả nhất.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76)

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm trữ tình ; diễn đạt lưu loát, kết cấu chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh, biết phát hiện và phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật để làm nổi bật giá trị nội dung :

– Những tính cách trái ngược : con sóng không bình yên, không tự bằng lòng với khuôn khổ chật hẹp, nó “tìm ra tận bề” để được biểu hiện mình, để được hiểu đúng với tâm vóc, bản chất của mình (giống như bản lĩnh chủ động, tính cách kiêu hãnh của người phụ nữ khi yêu). Sóng thể hiện những tâm trạng phong phú, phức tạp của người phụ nữ – một tâm hồn nhạy cảm.

– Mượn hình tượng sóng để nói và suy nghĩ về tình yêu, nhà thơ đã bộc lộ khát vọng được yêu, được sống hết mình trong tình yêu.

– Ý khái quát : Về đẹp tâm hồn của người phụ nữ khi yêu.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận về văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để trình bày những cảm nhận về bài thơ trữ tình. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Tổ Hữu và bài thơ *Viết Bắc*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật nét đặc sắc về phong cách nghệ thuật (phong vị dân gian) của bài thơ. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần nêu bật được những ý sau :

- Kháng định ý kiến đó là hoàn toàn đúng đắn.
- Bài thơ có kết cấu theo thể thơ lục bát, một thể thơ rất dễ quen thuộc.
- Kết cấu đối đáp theo lối giao duyên rất hợp với khung cảnh chia tay giữa kẻ ở và người đi – đây là mô típ thường thấy trong ca dao, dân ca.
- Cách xưng hô *minh, ta* và cấu trúc hỏi đáp được lặp nhiều lần trong bài thơ.
- Những hình ảnh ước lệ quen thuộc như : *mái đình, cây đa, mưa nguồn, suối lũ,...*
- Âm điệu tha thiết, mạch thơ giàu cảm xúc.
- Bài thơ đề cao ân tình, ân nghĩa. Đó chính là nét đẹp truyền thống trong tình cảm của người dân Việt Nam.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78)

ĐỀ SỐ 16

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

- Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943 ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế.
- Ông sinh trưởng trong một gia đình trí thức cách mạng.
- Ông thuộc thế hệ nhà thơ chống Mĩ cứu nước. Thơ ông giàu chất suy tư chính luận.
- Ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học và nghệ thuật năm 2000.
- Trường ca *Mặt đường khát vọng* được hoàn thành năm 1971 ở chiến khu Trị – Thiên. *Đất Nước* thuộc chương V của bản trường ca và cũng chính là chương đặc sắc nhất bộc lộ tư tưởng cốt lõi của tác phẩm : tư tưởng *Đất Nước của Nhân Dân*.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội ; kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và lỗi ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu bật được các ý chính sau :

Nội dung kiến thức :

Nêu *tác hại, hậu quả* của thái độ phủ nhận, quay lưng lại với quá khứ.

– Nhân mạnh sự tiếp nối truyền thống, ý nghĩa của lòng biết ơn. Ngày mai bắt đầu từ ngày hôm nay.

– Thí sinh suy nghĩ về hành động của bản thân, tu dưỡng đạo đức, có ý thức nhớ về cội nguồn, có trách nhiệm với cộng đồng và bản thân.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số I, trang 76)

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm trữ tình ; diễn đạt lưu loát, kết cấu chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, phát hiện và phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật để làm nổi bật giá trị nội dung, thí sinh có thể triển khai bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu bật được những ý cơ bản sau :

– Hai câu thơ đầu khái quát về tình cảm, cảm xúc của người ra đi nhớ về những kỉ niệm của cuộc sống gian khổ, vất vả nhưng đầy niềm vui, hạnh phúc trong kháng chiến.

– Những câu thơ tiếp theo là sự cụ thể hoá nỗi nhớ :

+ Nhớ những lao động gian khổ của đồng bào Việt Bắc : hình ảnh bà mẹ và đứa con đầy xúc động.

+ Nhớ những ngày diệt *giặc đói* đáng nhớ và tràn đầy niềm vui : hình ảnh lớp học, những giờ liên hoan,...

+ Nhớ những ngày công tác với tinh thần lạc quan cách mạng, vượt qua khó khăn gian khổ.

+ Nhớ những âm thanh quen thuộc, bình dị của cuộc sống thanh bình nơi chiến khu Việt Bắc.

– Nghệ thuật sử dụng phép điệp từ (*nhớ, nhớ sao*), thể thơ lục bát, cách nói giản dị gần gũi, cấu trúc đối,... để diễn tả tình cảm sâu đậm thủy chung trong tình cảm của người ra đi.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích bút pháp nghệ thuật của thể loại phê bình văn học ; kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững tác phẩm *Một thời đại trong thi ca*, thí sinh có thể triển khai theo nhiều hướng khác nhau nhưng cần nêu được các ý chính :

Giới thiệu sơ lược về tác phẩm.

– Phân tích về nhận định của Hoài Thanh về mặt tích cực và bi kịch của cái Tôi trong thơ Mới.

+ Tích cực: Sự giải phóng của cái Tôi trong thơ Mới.

Trước đây xã hội Việt Nam chỉ có cái Ta đoàn thể, đến thơ Mới xuất hiện một quan niệm chưa từng thấy: quan niệm về cái Tôi cá nhân.

Các nhà thơ Mới dùng chữ Tôi để “tuyên ngôn”, để chuyển tải nhiều thông điệp của cá nhân.

+ Tiêu cực: Bi kịch của cái Tôi.

Cái Tôi đem đến cho các nhà thơ nỗi buồn lạnh, bơ vơ, sầu thương nuối tiếc (Lấy dẫn chứng để chứng minh).

Họ chuyển cái bi kịch đó vào tiếng Việt để tạo ra những áng thơ bất hủ.

Nhận định của Hoài Thanh sắc sảo, chính xác và hết sức tinh tế.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78)

ĐỀ SỐ 17

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Bài làm của thí sinh cần nêu được các ý sau :

– Thơ Tố Hữu đã là tấm gương trong sáng phản chiếu tâm hồn một người chiến sĩ cách mạng suốt đời phấn đấu hi sinh vì tương lai tươi đẹp của dân tộc, cuộc sống hạnh phúc của con người. Điều đó, thể hiện qua tập thơ *Từ ấy* (1937 - 1946) : chặng đường đầu tiên của đời thơ Tố Hữu đánh dấu bước trưởng thành của người thanh niên quyết tâm đi theo ngọn cờ của Đảng. Đó là một tâm hồn sáng ngời lí tưởng cách mạng, lí tưởng dân tộc, tha thiết yêu đời, khao khát tự do, kiên cường chiến đấu và phơi phới niềm tin vào tương lai, vào con đường mình đã chọn. Cho đến những năm cuối đời, với hai tập thơ *Một tiếng dờn* (1992) và *Ta với ta* (1999) vượt lên bao biến động thăng trầm, thơ Tố Hữu vẫn kiên định niềm tin vào lí tưởng vào con đường cách mạng, tin vào chữ *nhân* luôn toả sáng ở mỗi hồn người.

– Thơ Tố Hữu cũng là tấm gương phản chiếu tâm hồn dân tộc, đời sống dân tộc trên con đường lớn của cách mạng. Tập thơ *Việt Bắc* (1946 - 1954), *Gió lộng* (1955 - 1965), *Ra trận* (1962 - 1971), *Máu và hoa* (1972 - 1975) thể hiện hình ảnh con người Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ vĩ đại, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là những con người lao động bình thường mà cũng rất anh hùng, thủy chung, tình nghĩa,...

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75)

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần chân thành, hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục.

– Giải thích ý nghĩa câu phương ngôn : *Hoa hồng* biểu tượng cho tình yêu, hạnh phúc, những điều tốt đẹp. *Mùi hương* là những dư vị còn đọng lại, biểu tượng cho sự thanh thản trong tâm hồn, niềm vui sướng hân hoan của con người sau khi làm được một điều tốt đẹp cho người khác.

– Nội dung chính của câu phương ngôn : Khi ta mang niềm vui, niềm hạnh phúc đến cho người khác, chính là tạo cho mình niềm vui niềm hạnh phúc, đó là niềm hạnh phúc được cho đi, được trao gửi tình yêu thương cho bè bạn, người thân.

– Câu phương ngôn đưa ra một quan niệm sống tích cực : sống là phải biết quan tâm, chia sẻ, dâng tặng những điều tốt đẹp. *Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình*. Bởi khi ta cho đi những điều tốt đẹp ta cũng sẽ nhận về những tốt lành, không phải chỉ là tiền bạc hay danh vọng, mà là sự thanh thản, là niềm vui, niềm hạnh phúc trong tâm hồn...

– Từ quan niệm sống đẹp đó phê phán lối sống ích kỉ, nhỏ nhen, không muốn chia sẻ với mọi người,...

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76)

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích nét riêng trong cảm hứng nhân đạo thể hiện qua hai truyện ngắn *Chí Phèo* (Nam Cao) và *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam). Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Thạch Lam, Nam Cao và truyện ngắn *Hai đứa trẻ*, *Chí Phèo* thí sinh biết chọn phân tích những chi tiết đặc sắc để nổi bật nét riêng trong cảm hứng nhân đạo của hai tác phẩm. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần nêu bật những ý chính sau:

– *Hai đứa trẻ* thể hiện niềm xót thương của nhà văn với những kiếp người nghèo khổ, sống mòn mỏi, lay lắt nơi phố huyện. Đồng thời Thạch Lam còn trân trọng, nâng niu khát vọng nhỏ bé, đơn sơ của họ về một cuộc đời tươi sáng, có ý nghĩa hơn.

- *Chí Phèo* là tiếng kêu đau đớn của nhà văn về bi kịch con người sinh ra là người nhưng bị xã hội thực dân phong kiến tàn ác cướp đi quyền sống, quyền hạnh phúc, đẩy vào con đường lưu manh ; cũng là niềm tin của nhà văn về khát vọng hoàn lương của họ. Nhà văn tố cáo mạnh mẽ xã hội phi nhân tính làm tha hoá con người, chặn mọi con đường sống của người nông dân vô tội.

- Mỗi tác giả thể hiện tư tưởng nhân đạo bằng một nghệ thuật truyện ngắn độc đáo : *Hai đứa trẻ* tiêu biểu cho kiểu truyện “không có chuyện” : cốt truyện đơn giản, nhân vật không nhiều, thời gian ngắn, không gian hẹp, sự kiện biến cố ít... *Chí Phèo* lại là một truyện ngắn chứa đựng cốt truyện hấp dẫn, nhiều tình tiết xung đột gay gắt, nhân vật điển hình,... *Hai đứa trẻ* cuốn hút người đọc nhờ khả năng khám phá và thể hiện những biến thái phong phú và tinh tế trong cảnh vật và hồn người : nghệ thuật tả cảnh, tả tình đặc sắc và giàu sức gợi ; ngôn ngữ giàu chất thơ ; lời văn bình dị, trong sáng ; giọng điệu nhẹ nhàng mà sâu lắng... *Chí Phèo* lại hấp dẫn người đọc ở nghệ thuật diễn tả tâm lí bậc thầy, bút pháp hiện thực sắc sảo, thể hiện trong miêu tả nội tâm nhân vật ở những tầng sâu, phức tạp... Giọng văn lạnh lùng như dồn nén cảm xúc.

- Cùng đề tài nhưng với cảm hứng khác nhau, phong cách riêng, mỗi nhà văn tạo ra tác phẩm độc đáo làm giàu có nền văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77)

Câu IIIb. Theo chương trình Năng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích những nét riêng trong cảm nhận về quê hương đất nước của nhà thơ trong đoạn thơ. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về Nguyễn Khoa Điềm và tác phẩm, thí sinh nhận biết được những nét riêng trong cảm hứng về quê hương đất nước qua đoạn thơ, sự thể hiện độc đáo của tác giả. Bài viết có thể trình bày những suy nghĩ riêng và lập luận theo nhiều cách khác nhau song cần hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục. Cần nêu bật được những ý chính sau :

- Quê hương đất nước được nhận thức ở chiều sâu tư tưởng *Đất Nước của Nhân Dân*. Đất Nước của những con người bình dị, thủy chung, hiếu học, nghĩa tình và kiên cường bất khuất. Mỗi thắng cảnh quê hương, mỗi dáng sông, thế núi đều in dấu tâm hồn, lối sống cha ông. Nhà thơ sử dụng thành công những chất liệu của văn hoá dân gian trong một lối thơ tự do nhiều chất tự sự (đặc điểm của thể loại trường ca), giọng điệu trữ tình chính luận có độ sâu lắng của những khái quát, chiêm nghiệm về lịch sử hình thành lâu đời của đất nước.

- Đoạn thơ thể hiện tình yêu tha thiết với đất nước. Nguyễn Khoa Điềm hướng về Đất Nước rộng lớn với tư tưởng xuyên suốt toàn bài là *Đất Nước của Nhân Dân*.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

ĐỀ SỐ 18

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh cần nêu các ý cơ bản sau :

Đa phong chính là một nét độc đáo trong phong cách nghệ thuật của tác giả Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Người sáng tác nhiều thể loại và ở mỗi thể loại đều tạo được những nét riêng độc đáo và hấp dẫn.

Văn chính luận : ngắn gọn, súc tích, lập luận sắc sảo, chặt chẽ, bằng chứng giàu sức thuyết phục và đa dạng về bút pháp. *Truyện và kí* : hiện đại, có tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng sắc bén. *Thơ nghệ thuật* : có sự hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại ; giữa chất trữ tình và chất thép ; giữa sự trong sáng, giản dị và sự hàm súc, sâu sắc.

- Lí giải : Hồ Chí Minh quan niệm văn chương là một vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Khi cầm bút Người bao giờ cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung, hình thức của tác phẩm. Cho nên tùy trường hợp cụ thể, trên con đường hoạt động cách mạng, Người đã tạo ra những tác phẩm văn chương không chỉ có nội dung tư tưởng sâu sắc mà còn có hình thức nghệ thuật sinh động, đa dạng, tạo nên một phong cách riêng độc đáo.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75)

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận xã hội, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần chân thành, thiết thực, hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục. Cần thấy được nội dung chính của lời bài hát là lời nhắn nhủ tha thiết về lối sống trách nhiệm, biết gánh vác, không lẩn tránh, không cam chịu, nhẫn nhục, không an phận, thủ thường... Có thể làm rõ vấn đề theo các nội dung cơ bản :

– Giải thích ý nghĩa lời bài hát.

– Bàn luận về quan niệm sống tích cực, đẩy sức thuyết phục gợi lên từ lời bài hát.

– Từ quan niệm sống đẹp đó phê phán lối sống ích kỉ, nhỏ nhen, vô trách nhiệm, thụ động, yếu hèn...

- Trong cuộc sống ngày nay, thanh niên càng cần chăm chỉ, năng động, sáng tạo biết gắn lợi ích cá nhân với lợi ích của nhân dân, Tổ quốc...

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76)

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích vẻ đẹp về nội dung và hình thức biểu đạt của bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Bài viết có thể được trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần làm rõ những ý chính sau :

– Vẻ đẹp nội dung :

+ Vẻ đẹp của hình tượng Lor-ca : với nhân cách cao đẹp và cái chết bi phẫn.

- + Tấm lòng ngưỡng mộ, đồng cảm và thương tiếc sâu sắc của Thanh Thảo.
- Vẻ đẹp về hình thức :
- + Nghệ thuật sáng tạo hình ảnh, màu sắc, âm thanh ; sự liên kết giữa chúng.
- + Nhạc tính của bài thơ.
- + Thể thơ tự do.

- Đánh giá : Viết về một bậc thầy của thi ca hiện đại thế giới, đại diện tiêu biểu cho một thế hệ nghệ sĩ mới đầy tình thân công dân và ý thức cách tân nghệ thuật với một nguồn cảm xúc và suy tư đa chiều vừa sâu sắc vừa mãnh liệt, Thanh Thảo không chỉ dừng ở hình thức thông thường. Ông thể nghiệm một hình thức thơ mới, gần gũi với dòng tượng trưng và siêu thực ; kết hợp tự sự và trữ tình, thơ và nhạc, màu sắc thơ viêng phương Đông và chất bi tráng trong nhạc giao hưởng phương Tây, giữa hệ thống thi ảnh Lor-ca và hệ thống thi ảnh của chính tác giả. Tất cả được đưa vào cấu trúc mới đầy hấp dẫn và ám ảnh.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận về một ý kiến văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu tác phẩm để phân tích làm rõ ý kiến. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Nam Cao và các tác phẩm của ông, thí sinh chọn phân tích một số truyện ngắn như *Chí Phèo*, *Đời thừa*, *Lão Hạc*.... Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ những ý chính sau :

- Giải thích nhận định : Đây là nỗi day dứt trần trụi của nhà văn về con đường nghệ thuật chân chính. Đó là nghệ thuật gắn với hiện thực đầy đau khổ của người dân, là nghệ thuật vì những kiếp lầm than chứ không phải là thứ nghệ thuật giả dối, tô hồng hiện thực... Đây là quan điểm nghệ thuật tiến bộ của Nam Cao trước Cách mạng tháng Tám, quan niệm này đã có ý nghĩa quan trọng, định hướng ngòi bút của tác giả, giúp ông từ bỏ khuynh hướng lãng mạn đến với khuynh hướng hiện thực và tạo nên những tác phẩm bất hủ...

– Phân tích một số truyện ngắn như *Chí Phèo*, *Đời thừa*, *Lão Hạc* làm sáng tỏ quan niệm nghệ thuật thể hiện trong nhận định. Đây là những tác phẩm thực sự thoát ra từ những kiếp lầm than của những nông dân cùng quần sống cuộc đời đen tối trong xã hội thực dân phong kiến (Lão Hạc, Chí Phèo, Bình Chử,...); những trí thức tài năng, có lí tưởng cao đẹp nhưng đang quần quai nỗi đau bị cơm áo ghi sát đất, khao khát sống có ý nghĩa, sống cống hiến nhưng phải chịu cảnh sống thừa, sống mòn bi đát (Hộ, Thứ, “ông giáo”...).

– Nam Cao đã không né tránh hiện thực đen tối, không lãng mạn hay thi vị hoá những hiện thực tâm thường, xấu xa. Ông đào sâu vào hiện thực, cất lên tiếng kêu thống thiết đòi một sự đổi thay cho những kiếp người nhỏ bé, khốn cùng bằng một bút pháp hiện thực sắc sảo, một nghệ thuật miêu tả tâm lí bậc thầy, với những hình tượng nhân vật sống động như hiện hình bằng xương bằng thịt (Lão Hạc, Chí Phèo, Hộ,...).

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78)

ĐỀ SỐ 19

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, song cần nêu bật được các ý chính sau đây :

– Phạm Văn Đồng (1906 - 2000) quê ở Quảng Ngãi. Ông vừa là nhà hoạt động cách mạng xuất sắc, vừa là nhà văn hoá lớn của nước ta trong thế kỉ XX.

– Tác phẩm của ông gồm có : *Hồ Chí Minh – một con người, một dân tộc, một thời đại ; Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh ; Văn hoá đổi mới*,...

– Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc là bài viết nhân kỉ niệm 75 năm ngày mất của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu (3-7-1888 – 3-7-1963). Lúc bấy giờ ngọn lửa cách mạng ở miền Nam đã và đang bốc lên ngàn ngút, quân và dân ta từ đấu tranh chính trị đã chuyển sang đấu tranh vũ trang chống đế quốc Mỹ và bọn tay sai diễn ra ngày một quyết liệt và dữ dội. Bài văn này đã đăng trên *Tạp chí Văn học*, tháng 7-1963.

– Ý tưởng chủ đạo : “Nguyễn Đình Chiểu là một chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta. Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng, nêu cao địa vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá và tư tưởng”.

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 75).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, bài làm có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu bật được các ý chính sau :

– Nội dung kiến thức : Nhấn mạnh và khẳng định sự sống bất diệt, sự chiến thắng không đầu hàng số phận. Vùng sỏi đá khô cằn là nơi ít sự sống, không thuận lợi nhưng ở đó vẫn có sự sống. Điều đó đồng nghĩa với sự quyết tâm, ý chí, niềm tin và nghị lực chiến thắng.

– Hoa là biểu tượng cho cái đẹp, ý nghĩa cuộc sống. Hoa mọc được ở nơi khô cằn, điều đó khẳng định : cái đẹp luôn hiện hữu ở bất cứ nơi đâu.

– Thí sinh suy nghĩ về hành động của bản thân, tu dưỡng đạo đức, có ý thức, thái độ học tập tốt, có sự cố gắng vượt qua mọi gian khổ để đi đến thành công.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm văn xuôi, kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Kim Lân và truyện ngắn *Vợ nhặt*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật giá trị hiện thực của tác

phẩm. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần nêu bật được những ý cơ bản sau :

- Tác phẩm là bức tranh toàn cảnh về nạn đói khủng khiếp năm 1945 : Cảnh người chết đói ám đạm thê lương, cái đói tràn về xóm ngụ cư như bủa vây, đe dọa số phận từng con người.

- Bức tranh về số phận những con người bên bờ vực thẳm của nạn đói : xóm ngụ cư, số phận của bà cụ Tứ, của Tràng, của người "vợ nhặt",...

Niềm tin, ước mơ của con người về ngày mai tươi sáng.

- Giá trị hiện thực có sức tố cáo bọn thực dân, phát xít.

- Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo, ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, chân thực.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích tác phẩm văn xuôi : kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về Nguyễn Trung Thành và truyện ngắn *Rừng xà nu*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật tính cách hình tượng nhân vật Tnú. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần nêu bật được những ý cơ bản sau :

- Tnú gan góc, táo bạo, trung thành, dũng cảm, mưu trí (mỗi phẩm chất cần được minh họa bằng dẫn chứng trong văn bản).

Tnú là người có lòng căm thù giặc sôi sục, biết vượt qua những nỗi đau riêng của bản thân.

- Tnú giàu lòng yêu thương, có tính kỉ luật cao.

Tnú là hình ảnh tiêu biểu của dân làng Xô Man, của đồng bào Tây Nguyên.

- Nhà văn đã xây dựng thành công nhân vật anh hùng với cảm hứng ngợi ca, tự hào, giọng văn trang trọng, hùng tráng, say mê. Tnú là hình tượng giàu tính nghệ thuật, mang ý nghĩa thẩm mĩ đại diện cho số phận và con đường đấu tranh của các dân tộc Tây Nguyên trong công cuộc chống Mĩ cứu nước.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

ĐỀ SỐ 20

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)

Câu I. (2,0 điểm)

a) Yêu cầu về kiến thức

Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần thấy được phong cách của Nguyễn Tuân nổi rõ trong bài tùy bút qua những các ý chính sau :

- Nguyễn Tuân luôn nhìn nhận, đánh giá cảnh vật và con người ở phương diện cái Đẹp, ở góc độ gây ấn tượng mạnh.

- Ngôi bút giàu tri thức và uyên bác, thông hiểu ở các ngành,... có chất khảo cứu, có giá trị thông tin lớn.

- Văn phong Nguyễn Tuân phóng túng, ngôn ngữ điêu luyện và phong phú, những hình ảnh giàu sức liên tưởng bất ngờ và độc đáo,...

b) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số I, trang 75).

Câu II. (3,0 điểm)

a) Yêu cầu về kỹ năng

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, bài làm có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu bật được các ý chính sau :

- *Vận may* thường không nhiều ; vì thế, gặp may là chuyện ngẫu nhiên, là việc tình cờ, không chắc chắn. Ở đời, quả thật cũng có những người không có *thực lực* nhưng nhờ *vận may*, và cũng có những người *thực sự* có năng lực, có phẩm hạnh nhưng trầm luân, vất vả. Song, đó không phải là phổ biến. Quy luật muôn đời là có thực tài, có sự cố gắng, bền bỉ sẽ có thành công.

- Mối quan hệ giữa thực lực và vận may (chỉ người có thực học mới biết chớp lấy vận may và phát huy nó một cách có hiệu quả, người kém cỏi nhiều khi để trượt khỏi tay vận may trời cho).

– Con người cần phải có *chí khí*, cần phải hành động, phải luôn nỗ lực phấn đấu để có *thực lực*, chứ không thụ động trông chờ để được gặp *vận may*. Mặt khác, nếu gặp *vận may* thì cũng cần tỉnh táo để có thái độ đúng đắn, khiêm tốn, biết mình, biết người.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 76).

II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu IIIa hoặc IIIb).

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách vận dụng khả năng đọc - hiểu để làm bài nghị luận văn học phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi, kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết tác phẩm *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi và nghệ thuật xây dựng nhân vật, thí sinh có thể triển khai bằng nhiều cách nhưng cần có những nội dung cơ bản sau :

– Việt có nét riêng của một cậu con trai mới lớn : vô tư, tính tình còn rất trẻ con, rất ngây thơ, hiếu động (hay tranh giành với chị, phớt lác việc nhà cho chị, mải mê với những trò chơi như câu cá, bắn chim,...).

– Tuy vẫn còn vẻ hồn nhiên, vô tư nhưng khi trở thành người lính, Việt thật chững chạc trong tư thế của người chiến sĩ trẻ dũng cảm, kiên cường, gan góc (khi bị thương một mình trong rừng vẫn luôn trong tư thế chiến đấu...).

– Nghệ thuật : khắc hoạ tính cách nhân vật bằng ngôn ngữ tự nhiên, sinh động.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 77)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích nhân vật trong tác phẩm văn xuôi, kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

– Trên cơ sở hiểu biết về tác giả Tô Hoài và truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*, thí sinh biết cách chọn, phân tích những chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật tâm trạng nhân vật. Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần nêu bật được những ý sau :

– Không khí rạo rực và mùa xuân ở Hồng Ngài năm ấy là nguyên nhân chính khiến tâm hồn vốn đã chai sạn của Mị bỗng nhiên thức tỉnh : Mị tìm đến rượu. Mị sống lại cả một thời xuân sắc. Mị vùng dậy. Mị muốn đi chơi,...

– Hành động táo bạo : Mị cắt dây trói cứu A Phủ, cũng là tự cứu mình.

– Tài năng của Tô Hoài qua nghệ thuật trần thuật, xây dựng đối thoại và miêu tả nội tâm nhân vật.

c) Cách cho điểm

(Tham khảo ở Đề số 1, trang 78).

Phần thứ tư

GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐỀ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG MÔN NGỮ VĂN TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

A. ĐỀ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ĐỀ THI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2005 - 2006

Thời gian làm bài : 150 phút, không kể thời gian giao đề.

I. PHẦN CHUNG CHO THÍ SINH CẢ HAI BAN (3,0 ĐIỂM)

Anh/chị hãy trình bày ngắn gọn những hiểu biết của mình về cuộc đời nhà văn M. Sô-lô-khốp. Nêu tên hai tác phẩm tiêu biểu của ông.

II. PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (7,0 ĐIỂM)

A. Thí sinh Ban KHTN chọn câu 1a hoặc 1b

Câu 1a. (7,0 điểm)

Anh/chị hãy phát biểu cảm nhận của mình về cảnh sắc thiên nhiên và con người Việt Bắc qua đoạn thơ sau trong bài thơ *Việt Bắc* của nhà thơ Tố Hữu :

Ta về, mình có nhớ ta

Ta về, ta nhớ những hoa cùng người !

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Ngày xuân mơ nở trắng rừng

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.

Ve kêu rừng phách đổ vàng

Nhớ cô em gái hái măng một mình

*Rừng thu trăng rọi hoà bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung...*

(Theo Ngữ văn 12, tập một, sách giáo khoa thi điểm Ban KHTN, Bộ 2, tr 98,

NXB Giáo dục, 2005)

Câu 1b. (7,0 điểm)

Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về nhân vật bà Hiền trong truyện ngắn *Một người Hà Nội* của nhà văn Nguyễn Khải.

B. Thí sinh Ban KHXH và NV chọn câu 2a hoặc 2b

Câu 2a. (7,0 điểm)

Anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về nhân vật người đàn bà trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của nhà văn Nguyễn Minh Châu.

Câu 2b. (7,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài thơ *Tiếng hát con tàu* của nhà thơ Chế Lan Viên :

*Con tàu này lên Tây Bắc anh đi chăng ?
Bạn bè đi xa anh giữ trời Hà Nội
Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi
Ngoài cửa ô ? Tàu đôi những vành trăng.*

*Đất nước mệnh mông, đời anh nhỏ hẹp
Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi ?
Chẳng có thơ đâu giữa lòng đồng khép
Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia.*

*Trên Tây Bắc ! Ôi mười năm Tây Bắc
Xứ thiêng liêng, rừng núi đã anh hùng
Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất
Nay dạt dào đã chín trái đầu xuân...*

(Theo Ngữ văn 12, tập một, sách giáo khoa thi điểm Ban KHXH và NV,
Bộ 1, trang 203 – 204, NXB Giáo dục, 2005)

ĐỀ THI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2006 - 2007

Thời gian làm bài : 150 phút, không kể thời gian giao đề.

I. PHẦN CHUNG CHO THÍ SINH CẢ HAI BAN (5,0 ĐIỂM)

Câu 1. (2 điểm)

Anh/chị hãy tóm tắt ngắn gọn truyện *Thuốc* của Lỗ Tấn.

Câu 2. (3 điểm)

Giải thích ý nghĩa nhan đề truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân.

II. PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (5,0 ĐIỂM)

A. Thí sinh Ban KHTN chọn câu 3a hoặc 3b

Câu 3a. (5 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về cảnh thiên nhiên Tây Bắc qua đoạn thơ sau trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng :

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi !
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.*

(Theo Ngữ văn 12, tập một, sách giáo khoa thí điểm Ban KHTN, Bộ 2, tr.80, NXB Giáo dục, 2005)

Câu 3b. (5 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về nhân vật Việt trong truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi.

B. Thí sinh Ban KHXH và NV chọn câu 4a hoặc 4b

Câu 4a. (5 điểm)

Anh/chị hãy phân tích cảm xúc của nhà thơ Nguyễn Đình Thi trong đoạn thơ sau :

Sáng mắt trong như sáng năm xưa

Gió thổi mùa thu hương cốm mới

Tôi nhớ những ngày thu đã xa

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội

Những phố dài xao xác hơi may

Người ra đi đầu không ngoảnh lại

Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy

Mùa thu nay khác rồi

Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi

Gió thổi rừng tre phấp phới

Trời thu thay áo mới

Trong biếc nói cười thiết tha.

(Trích *Đất Nước* – Nguyễn Đình Thi, *Ngữ văn 12*, tập một,
SGK thi điểm Ban KHXH và NV, Bộ 2, tr. 202, NXB Giáo dục, 2005)

Câu 4b. (5 điểm)

Anh/chị hãy phân tích hình ảnh con người Tây Nguyên trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

ĐỀ THI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2006 - 2007 (Thi lần thứ 2)

Thời gian làm bài : 150 phút, không kể thời gian giao đề.

I. PHẦN CHUNG CHO THÍ SINH CẢ HAI BAN (5,0 ĐIỂM)

Câu 1. (2 điểm)

Anh/chị hãy trình bày ngắn gọn hiểu biết của mình về cuộc đời nhà văn Lỗ Tấn. Kể tên hai tác phẩm tiêu biểu của ông.

Câu 2. (3 điểm)

Khi bày tỏ thái độ về việc gia nhập quân đội của con trai mình, bà Hiền (nhân vật chính trong truyện ngắn *Một người Hà Nội* của Nguyễn Khải) đã nói : “*Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn. Nó dám đi cũng là biết tự trọng*”.

(Ngữ văn 12, tập một, SGK thí điểm Ban KHXH và NV, Bộ 2,
NXB Giáo dục, 2005, tr.394)

Suy nghĩ của anh/chị về câu nói trên ?

II. PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (5,0 ĐIỂM)

A. Thí sinh Ban KHTN chọn câu 3a hoặc 3b

Câu 3a. (5 điểm)

Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ sau trong bài *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên :

*Con nhớ anh con, người anh du kích
Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn.
Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách
Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con.*

*Con nhớ em con, thằng em liên lạc
Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ
Sáng bản Na chiều em qua bản Bắc
Mười năm tròn ! Chưa mất một phong thư.*

*Con nhớ mẹ ! Lửa hồng soi tóc bạc
Năm con đau, mẹ thức một mùa dài,
Con với mẹ không phải hòn máu cắt
Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi.*

(Ngữ văn 12, tập một, SGK thí điểm Ban KHTN, Bộ 2
NXB Giáo dục, 2005, tr.108)

Câu 3b. (5 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về nhân vật Chiến trong truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi.

B. Thí sinh Ban KHXH và NV chọn câu 4a hoặc 4b

Câu 4a. (5 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau trong bài *Việt Bắc* của Tố Hữu :

*Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...
Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.
Nhờ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.
Nhờ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhờ sao ngày tháng cơ quan
Gián nan đời vẫn ca vang núi đèo.
Nhờ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa...*

(Ngữ văn 12, tập một, SGK thí điểm Ban KHXH và NV, Bộ 2
NXB Giáo dục, 2005, tr. 206)

Câu 4b. (5 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Xác hàng thịt trong cảnh VII vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ (đoạn trích trong *Ngữ văn 12*, tập hai, SGK thí điểm Ban KHXH và NV, Bộ 1, NXB Giáo dục, 2005).

ĐỀ THI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2007 - 2008

Thời gian làm bài : 150 phút, không kể thời gian giao đề.

I. PHẦN CHUNG CHO THÍ SINH CẢ HAI BAN (5 ĐIỂM)

Câu 1. (2 điểm)

Lòng nhân hậu của nhân vật An-drây Xô-cô-lốp được thể hiện như thế nào trong đoạn trích *Số phận con người* (Ngữ văn 12 – sách giáo khoa thí điểm) của M. Sô-lô-khốp ?

Câu 2. (3 điểm)

Anh/chị suy nghĩ gì về quan niệm sống sau đây :

“Không thể bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn”.

(Hồ Trường Ba, đa hàng thị – Lưu Quang Vũ)

II. PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (5 ĐIỂM)

A. Thí sinh Ban KHTN chọn câu 3a hoặc 3b

Câu 3a. (5 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài *Sóng* của Xuân Quỳnh :

Con sóng dưới lòng sâu

Con sóng trên mặt nước

Ôi con sóng nhớ bờ

Ngày đêm không ngủ được

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức.

Dẫu xuôi về phương bắc

Dẫu ngược về phương nam

Nơi nào em cũng nghĩ

Hướng về anh – một phương.

(Theo Ngữ văn 12, tập một, sách giáo khoa thí điểm Ban KHTN, Bộ 2, tr. 113 - 114,

NXB Giáo dục, 2005)

Câu 3b. (5 điểm)

Anh/chị hãy phân tích tâm trạng nhân vật Trầng trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân.

B. Thí sinh Ban KHXH và NV chọn câu 4a hoặc 4b

Câu 4a. (5 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên :

*Ơi kháng chiến ! Mười năm qua như ngọn lửa
Nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường.
Con đã đi nhưng con cần vượt nữa
Cho con về gặp lại Mẹ yêu thương.*

*Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa,
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.*

(Theo Ngữ văn 12 , tập một, sách giáo khoa thi điểm Ban KHXH và NV, Bô 1, tr. 204,
NXB Giáo dục, 2005)

Câu 4b. (5 điểm)

Anh/chị hãy phân tích nhân vật Huấn Cao trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.

ĐỀ THI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2008 - 2009

Thời gian làm bài : 150 phút, không kể thời gian giao đề.

I. PHẦN CHUNG CHO THÍ SINH CẢ HAI BAN (5 ĐIỂM)

Câu 1. (2 điểm)

Trong truyện ngắn *Thuốc* của Lỗ Tấn, khách ở quán trà nhà lão Hoa đã bàn về những chuyện gì ? Hãy cho biết điều nhà văn muốn nói qua những chuyện ấy.

Câu 2. (3 điểm)

Anh/chị hãy viết một bài văn ngắn (không quá 400 từ) phát biểu ý kiến về tác dụng của việc đọc sách.

II. PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (5 ĐIỂM)

Thí sinh học chương trình nào thì chỉ được làm câu dành riêng cho chương trình đó (câu 3a hoặc 3b)

Câu 3a. Theo chương trình Chuẩn (5 điểm)

Phân tích giá trị nhân đạo của truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của nhà văn Tô Hoài (phần trích trong *Ngữ văn 12*, tập hai, NXB Giáo dục, 2008).

Câu 3b. Theo chương trình Nâng cao (5 điểm)

Phân tích vẻ đẹp của hình tượng sông Hương trong tác phẩm *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường (phần trích trong *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một, NXB Giáo dục, 2008).

B. ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2007

Môn thi : VĂN, khối C

Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu I (2 điểm)

Anh/chị hãy trình bày ngắn gọn những đặc điểm thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám 1945.

Câu II (5 điểm)

Phân tích nghệ thuật trào phúng trong truyện ngắn "Vi hành" của Nguyễn Ái Quốc.

II. PHẦN RIÊNG

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (Câu IIIa hoặc IIIb)

Câu IIIa. Theo chương trình THPT không phân ban (3 điểm)

Bình giảng đoạn thơ sau đây trong bài *Tổng biệt hành* của Thâm Tâm :

*Đưa người, ta không đưa qua sông,
Sao cô tiếng sóng ở trong lòng ?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong ?
Đưa người, ta chỉ đưa người ấy,
Một già gia đình, một dừng dưng...*

*Li khách ! Li khách ! Con đường nhỏ,
Chỉ nhón chưa về bàn tay không,
Thì không bao giờ nói trở lại !
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.*

(Văn học 11, tập một, NXB Giáo dục, tái bản 2005, tr.147)

Câu IIIb. Theo chương trình THPT phân ban thí điểm (3 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của dòng sông Hương (đoạn từ thượng nguồn đến thành phố Huế) qua tác phẩm *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường (đoạn trích trong *Ngữ văn 12*, sách giáo khoa thí điểm Ban KHXH và NV).

**ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG
NĂM 2008**

Môn thi : VĂN, khối C

Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian phát đề

I . PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu I (2 điểm)

Anh/chị hãy giới thiệu ngắn gọn về hai tập thơ *Từ ấy* và *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Câu II (5 điểm)

Cùng bộc lộ nỗi nhớ về Tây Bắc, trong bài *Tây Tiến*, Quang Dũng viết :

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi !

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi

Mường Lát hoa về trong đêm hơi

(*Văn học 12*, tập một, NXB Giáo dục, 2005, tr.76)

trong bài *Tiếng hát con tàu*, Chế Lan Viên viết :

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ

Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương ?

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn !

(*Văn học 12*, tập một, NXB Giáo dục, 2005, tr.121)

Cảm nhận của anh/ chị về hai đoạn thơ trên.

II. PHẦN RIÊNG

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (Câu IIIa hoặc IIIb)

Câu IIIa (3 điểm)

Trong tác phẩm *Chữ người tử tù*, vì sao tác giả Nguyễn Tuân lại ví tấm lòng của nhân vật quản ngục như "một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ" ?

Câu IIIb (3 điểm)

Trong tác phẩm *Một người Hà Nội*, vì sao tác giả Nguyễn Khải lại gọi nhân vật bà Hiền là "hạt bụi vàng của Hà Nội" ?

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2008

Môn thi : VĂN, khối D

Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu I (2 điểm)

Anh/ chị hãy nêu những nét chính trong quan điểm nghệ thuật của Nam Cao trước Cách mạng tháng Tám.

Câu II (5 điểm)

Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đêm cứu A Phủ (*Vợ chồng A Phủ* – Tô Hoài).

II. PHẦN RIÊNG

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (Câu IIIa hoặc IIIb)

Câu IIIa (3 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài *Đầy mùa thu tới* của Xuân Diệu :

Hơn một loài hoa đã rụng cánh,
Trong vườn sắc đỏ rửa màu xanh ;
Những luồng run rẩy rung rinh lá...
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

(*Văn học 11, tập một, NXB Giáo dục, 2005, tr. 131*)

Câu IIIb (3 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài *Đáy thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử :

*Gió theo lối gió mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay ?*

(Ngữ văn 11, tập hai, SGK thí điểm, Ban KHXH và NV, bộ 1,
NXB Giáo dục, 2005, tr. 54)

**ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
NĂM 2009**

Môn thi : VĂN, khối C

Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu I (2 điểm)

Anh/chị hãy nêu những nét chính về tình cảm nhân đạo và bút pháp nghệ thuật của Thạch Lam trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ*.

Câu II (3 điểm)

Trong thư gửi thầy hiệu trưởng của con trai mình, Tổng thống Mĩ A. Lin-côn (1809 - 1865) viết: "Xin thầy hãy dạy cho cháu biết chấp nhận thì tốt còn vinh dự hơn gian lận khi thi" (Theo *Ngữ văn 10*, tập hai, NXB Giáo dục, 2006, tr. 135).

Từ ý kiến trên, anh/chị hãy viết một bài văn ngắn (không quá 600 từ) trình bày suy nghĩ của mình về đức tính trung thực trong khi thi và trong cuộc sống.

II. PHẦN RIÊNG

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (Câu IIIa hoặc IIIb)

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về những vẻ đẹp khuất lấp của nhân vật người vợ nhặt (*Vợ nhặt* - Kim Lân) và nhân vật người đàn bà hàng chài (*Chiếc thuyền ngoài xa* - Nguyễn Minh Châu).

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hai đoạn thơ sau:

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người.
Gió mưa là bệnh của giời,
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.*

(*Tương tư* - Nguyễn Bính, *Ngữ văn 11 Nâng cao*, Tập hai, NXB Giáo dục, 2007, tr. 55)

*Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.*

(*Việt Bắc* - Tố Hữu, *Ngữ văn 12 Nâng cao*, Tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr. 84)

**ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
NĂM 2009**

Môn thi : VĂN, khối D

Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu I (2 điểm)

Một trong những đặc điểm cơ bản của nền văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 là chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

Anh/chị hãy nêu những nét chính của đặc điểm trên.

Câu II (3 điểm)

Hãy viết một bài văn ngắn (không quá 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến sau:

Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thứ quý giá khác nữa.

(Theo sách *Dám thành công* - Nhiều tác giả, NXB Trẻ, 2008, tr. 90)

II. PHẦN RIÊNG

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (Câu IIIa hoặc IIIb)

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5 điểm)

Phân tích hình ảnh thiên nhiên và cái tôi trữ tình trong đoạn thơ sau :

*Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất ;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.
Của ong bướm này đây tuần tháng mật ;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì ;
Này đây lá của cành tơ phơ phất ;
Của yến anh này đây khúc tình si ;
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi ,
Mỗi buổi sớm, thần Vui hằng gõ cửa ;
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần ;
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa :
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.*

(Vội vàng - Xuân Diệu, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục, 2008, tr. 22)

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5 điểm)

Phân tích tình huống truyện trong tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu.

**ĐỀ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG
NĂM 2009**

Môn thi : VĂN, khối C

Thời gian làm bài : 180 phút. không kể thời gian phát đề

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu I (2 điểm)

Nêu hoàn cảnh ra đời và giải thích ý nghĩa nhan đề truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân.

Câu II (3 điểm)

Hãy viết một bài văn ngắn (không quá 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến sau:

Một ngày so với một đời người là quá ngắn ngủi, nhưng một đời người lại là do mỗi ngày tạo nên.

(Theo sách *Nguyên lí của thành công*, NXB Văn hóa – Thông tin, 2009, tr. 91)

II. PHẦN RIÊNG

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (Câu IIIa hoặc IIIb)

Câu IIIa. Theo chương trình Chuẩn (5 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh.

Câu IIIb. Theo chương trình Nâng cao (5 điểm)

Anh/chị hãy phân tích những đặc sắc nghệ thuật trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.

C. ĐÁP ÁN ĐỀ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ĐỀ THI NĂM HỌC 2005 - 2006

I. PHẦN CHUNG CHO THÍ SINH CẢ HAI BAN (3,0 ĐIỂM)

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng phải nêu được những ý cơ bản sau đây :

- M.Sô-lô-khốp (1905 - 1984) sinh tại một thị trấn của vùng sông Đông.
- Là nhà văn Xô viết lỗi lạc, tham gia cách mạng khá sớm.
- Từng làm nhiều nghề để kiếm sống và luôn tự học.
- Ông được vinh dự được nhận Giải thưởng Nô-ben về văn học năm 1965.
- Tác phẩm tiêu biểu : + *Sông Đông êm đềm*.
+ *Số phận con người*.

II. PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (7,0 ĐIỂM)

A. Thí sinh Ban KHTN chọn câu 1a hoặc câu 1b

Câu 1a. (7,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận và vận dụng khả năng đọc - hiểu để phát biểu cảm nhận về đoạn thơ trữ tình. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về bài thơ *Việt Bắc* của nhà thơ Tố Hữu, thí sinh cần trình bày được những cảm xúc, ấn tượng về cảnh sắc thiên nhiên và con người Việt Bắc qua đoạn thơ.

- Về nội dung :

+ Cảnh sắc thiên nhiên Việt Bắc với vẻ đẹp đa dạng trong thời gian, không gian khác nhau.

+ Con người Việt Bắc gắn bó, hài hoà với thiên nhiên thơ mộng.

- Về nghệ thuật :

- + Hình ảnh đối xứng, đan cài, hoà hợp.
- + Giọng điệu ngọt ngào, sâu lắng, thiết tha,...

Câu 1b. (7,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận, vận dụng khả năng đọc - hiểu để trình bày những suy nghĩ về một nhân vật văn học trong thể loại truyện ngắn. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững đoạn trích tác phẩm và những chi tiết về cuộc đời nhân vật bà Hiền, thí sinh có thể trình bày suy nghĩ của mình theo các cách khác nhau nhưng phải hợp lí và nêu bật được nội dung cơ bản sau :

– Trân trọng cốt cách và bản lĩnh văn hoá của người Hà Nội qua nhân vật bà Hiền : một người thẳng thắn, thực tế, giàu lòng tự trọng, có ý thức dạy dỗ con cháu cách sống làm một người Hà Nội,...

– Cảm phục cách suy nghĩ thấu tình đạt lí của bà Hiền trước những chặng đường lịch sử của đất nước và niềm tin của bà về Hà Nội "thời nào cũng đẹp",...

Cảm nghĩ chung : Bà Hiền là "hạt bụi vàng" lấp lánh của đất kinh kì, góp phần làm đẹp thêm bản sắc văn hóa chung của cộng đồng. Đồng thời qua đó, nhận biết được những sáng tạo nghệ thuật của nhà văn về giọng điệu trần thuật và xây dựng hình tượng nhân vật.

B. Thí sinh Ban KHXH và NV chọn câu 2a hoặc 2b

Câu 2a. (7,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phát biểu cảm nhận về hình tượng văn học trong thể loại truyện ngắn. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững đoạn trích tác phẩm với những chi tiết về cuộc đời người đàn bà và nghệ thuật khắc họa nhân vật, thí sinh có thể trình bày suy nghĩ

của mình theo các cách khác nhau nhưng phải hợp lí và nêu bật được nội dung cơ bản sau :

- Chia sẻ với người đàn bà về cảnh đời bất hạnh, khổ đau cả thể xác lẫn tinh thần.

- Trân trọng tình mẫu tử và những niềm vui, hạnh phúc mà bà chất lọc từ trong đau khổ triền miên.

- Cảm thông cho cảnh đời của người đàn bà hoặc không đồng tình về thái độ cam chịu của nhân vật này trước cảnh bạo lực trong gia đình.

Cảm nghĩ chung : Hình tượng người đàn bà đã thể hiện cái nhìn thấu hiểu và tấm lòng trĩu nặng tình thương, nỗi lo âu cho con người của nhà văn Nguyễn Minh Châu ; đồng thời cũng cho thấy tác giả đã có cái nhìn không sơ lược và đơn giản về cuộc sống và con người.

Câu 2b. (7,0 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận và vận dụng khả năng đọc - hiểu để phát biểu cảm nhận về đoạn thơ trữ tình. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về bài thơ *Tiếng hát con tàu* của nhà thơ Chế Lan Viên, thí sinh cần trình bày được những nội dung cơ bản sau :

- Về nội dung :

- + Sự trần trụi và lời mời gọi lên đường : biểu hiện qua hình ảnh con tàu chờ khát vọng đi xa theo tiếng gọi của tâm hồn, của nghệ thuật.

- + Cảm xúc dạt dào hướng về Tây Bắc – vùng đất thiêng liêng, anh hùng...

- Về nghệ thuật :

- + Sử dụng hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng và câu hỏi tu từ,...

- + Giọng điệu : giục giã, thiết tha,...

ĐỀ THI NĂM HỌC 2006 - 2007

I. PHẦN CHUNG CHO THÍ SINH CẢ HAI BAN

Câu 1. (2 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh có thể trình bày theo các cách khác nhau, nhưng phải nêu được những tình tiết chính sau :

– Sáng sớm mùa thu, lão Hoa Thuyên, chủ quán trà đến pháp trường mua thuốc chữa bệnh lao cho con. Thuốc là chiếc bánh bao tẩm máu của người chiến sĩ cách mạng Hạ Du.

– Bà Hoa cho con ăn bánh với niềm tin chắc chắn con sẽ khỏi bệnh.

– Những người khách trong quán trà bàn về thuốc, về Hạ Du và cho anh là điên.

- Buổi sáng thanh minh năm sau, bà Hoa và bà mẹ Hạ Du cùng đến thăm mộ con, họ đồng cảm và ngạc nhiên khi thấy vòng hoa trên mộ của Hạ Du.

Câu 2. (3 điểm)

Trên cơ sở những hiểu biết về truyện ngắn *Vợ nhặt* của nhà văn Kim Lân, thí sinh cần nêu được những ý cơ bản sau :

– Nhan đề *Vợ nhặt* gợi lên tình huống truyện độc đáo.

– Nhan đề *Vợ nhặt* thể hiện tình cảm nhân đạo của tác giả trước thân phận rẻ rúng của con người trong nạn đói.

II. PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (5,0 ĐIỂM)

A. Ban KHTN : Thí sinh chọn câu 3a hoặc 3b.

Câu 3a. (5 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phát biểu cảm nhận về đoạn thơ trữ tình. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng, những đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ, thí sinh cần trình bày được những cảm xúc, ấn tượng riêng của mình về thiên nhiên miền Tây Bắc :

- Cảnh thiên nhiên hiểm trở, dữ dội.
- Cảnh thiên nhiên hùng vĩ, thơ mộng.
- Trên nền cảnh ấy là hình ảnh người lính Tây Tiến oai hùng, trẻ trung, tinh nghịch.

Câu 3b. (5 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích nhân vật trong truyện ngắn. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững tác phẩm *Những đứa con trong gia đình* và nghệ thuật xây dựng nhân vật, thí sinh có thể trình bày những tình cảm, suy nghĩ của mình theo các cách khác nhau nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

– Nhân vật Việt : xuất thân trong một gia đình có truyền thống cách mạng, chịu nhiều mất mát đau thương ; có lòng căm thù giặc sâu sắc, quyết tâm đi bộ đội, chiến đấu dũng cảm ; giàu tình cảm đối với người thân trong gia đình, đồng đội ; Việt cũng rất hồn nhiên.

– Từ đánh giá về nhân vật Việt, biết khái quát thành vẻ đẹp tâm hồn người nông dân Nam Bộ : giàu lòng yêu thương, có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, thủy chung son sắt với quê hương, cách mạng.

B. Ban KHXH và NV : thí sinh chọn câu 4a hoặc 4b

Câu 4a. (5 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phát biểu cảm nhận về đoạn thơ trữ tình. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi, những đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ, thí sinh có thể triển khai vấn đề theo những hướng khác nhau, nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

– Nỗi nhớ thiết tha về mùa thu Hà Nội trước Cách mạng (đẹp, buồn, vắng) cùng nỗi niềm của người ra đi.

– Niềm vui trước mùa thu hiện tại nơi chiến khu Việt Bắc tươi mới, rộn ràng, cũng là niềm vui chiến thắng.

· Khái quát : Sự vận động cảm xúc của nhà thơ gắn liền với những chặng đường lịch sử của đất nước. Cảnh sắc thiên nhiên luôn hoà đồng với tâm trạng của nhân vật trữ tình.

Câu 4b. (5 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích nhân vật trong truyện ngắn. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về tác phẩm *Rừng xà nu*, thí sinh có thể triển khai vấn đề theo nhiều hướng khác nhau, nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

– Phân tích các nhân vật tiêu biểu cho những thế hệ con người Tây Nguyên : cụ Mết, Tnú, Dít, bé Heng.

– Khái quát chung : đặc điểm của con người Tây Nguyên yêu nước, căm thù giặc, đoàn kết đấu tranh, kiên cường bất khuất, giàu yêu thương ; nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình, đậm chất sử thi.

ĐỀ THI NĂM HỌC 2006 - 2007 (Thi lần thứ hai)

I. PHẦN CHUNG CHO CẢ HAI BAN (5 ĐIỂM)

Câu 1. (2 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh có thể trình bày theo các cách khác nhau, nhưng cần nêu được những ý cơ bản sau :

– Lỗ Tấn (1881 - 1936) là nhà văn cách mạng Trung Quốc.

– Xuất thân trong gia đình quan lại sa sút, có điều kiện thấy rõ những điều xấu xa, lạc hậu của chế độ phong kiến Trung Quốc, sớm có lòng yêu nước thương dân.

Thời trẻ, ông đã nhiều lần đổi nghề : hàng hải, khai mỏ, nghề y, cuối cùng, chuyển sang viết văn để thức tỉnh quốc dân đồng bào.

– Tác phẩm chính : *Gào thét, Bàng hoàng*,...

Câu 2. (3 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận. Trình bày vấn đề ngắn gọn. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể trình bày theo các cách khác nhau nhưng cần nêu được những ý chính sau :

– Ý nghĩa câu nói của bà Hiền : Sự hi sinh tình cảm riêng vì lòng yêu nước, đề cao lòng tự trọng, coi đó là phẩm chất đẹp đẽ của con người.

– Suy nghĩ về câu nói của bà Hiền : Thí sinh có thể đưa ra ý kiến riêng, chú ý cách lập luận, cần đảm bảo sự hợp lí, chặt chẽ...

II. PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (5,0 ĐIỂM)

A. Ban KHTN : Thí sinh chọn câu 3a hoặc 3b.

Câu 3a. (5 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích đoạn thơ trữ tình. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết về bài thơ *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên, những đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ, thí sinh có thể triển khai vấn đề theo các cách khác nhau, nhưng cần nêu được những ý cơ bản sau :

- Giới thiệu chung về bài thơ và đoạn trích.

- Phân tích cụ thể :

– Ý khái quát : Tình cảm gắn bó và biết ơn sâu nặng của nhà thơ với nhân dân.

– Biểu hiện cụ thể :

+ Tái hiện những kỉ niệm sâu nặng, cụ thể, gắn bó với nhân dân (anh du kích, em liên lạc, bà mẹ) – những con người bình dị mà anh hùng tiêu biểu cho sự hi sinh thầm lặng trong kháng chiến,...

+ Thủ pháp đối lập, cách xưng hô, điệp từ, hình ảnh chân thật gợi cảm, vừa cụ thể vừa tượng trưng,...

Kết luận chung : Đoạn thơ thể hiện tình cảm ân nghĩa thiêng liêng, xúc động, thấm thía của nhà thơ với nhân dân – nguồn sống có ý nghĩa lớn lao và nguồn cảm hứng vô tận của nghệ thuật.

Câu 3b. (5 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phát biểu cảm nhận về hình tượng nhân vật trong thể loại truyện ngắn. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững tác phẩm *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi, thí sinh có thể trình bày cảm nhận theo các cách khác nhau nhưng cần nêu được những ý sau :

– Giới thiệu chung về tác phẩm và nhân vật.

– Trình bày cảm nhận về nhân vật Chiến :

+ Chiến là một cô gái trưởng thành trước tuổi, gan góc, đảm đang, tháo vát, biết nhường nhịn, hồn nhiên, thích làm duyên ; căm thù giặc sâu sắc, tình cảm gia đình gắn bó với tình yêu nước,...

+ Qua việc miêu tả tâm lí sắc sảo, khắc họa tính cách nhân vật sinh động đậm chất Nam Bộ, người đọc trân trọng, yêu thương, cảm phục thế hệ trẻ miền Nam trong những năm chống Mỹ cứu nước...

B. Ban KHXH và NV : Thí sinh chọn câu 4a hoặc 4b

Câu 4a. (5 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận, vận dụng khả năng đọc hiểu để phân tích đoạn thơ trữ tình. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, thí sinh có thể triển khai vấn đề theo các cách khác nhau, nhưng cần làm rõ những ý cơ bản sau :

– Giới thiệu chung về bài thơ *Việt Bắc* và đoạn trích.

– Phân tích cụ thể :

– Ý khái quát : Nỗi nhớ của người cán bộ về xuôi với Việt Bắc.

– Biểu hiện cụ thể :

+ Nhớ nghĩa tình sâu đậm của người dân Việt Bắc, kí niệm kháng chiến, cảnh chiến khu,...

+ Thể thơ lục bát, cách xưng hô *mình – ta* gợi cảm của ca dao, nghệ thuật đối, điệp từ, hình ảnh chân thật gợi cảm, thơ giàu nhạc điệu,...

Kết luận chung : Đoạn thơ ca ngợi tình cảm cách mạng thiêng liêng trong kháng chiến. Tình cảm cách mạng này mang tính thời đại nhưng bắt nguồn từ truyền thống ân nghĩa thủy chung của dân tộc.

Câu 4b. (5 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để trình bày cảm nhận về cuộc đối thoại kịch giữa Hồn Trương Ba và Xác hàng thịt. Kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững cảnh VII – vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ, thí sinh có thể trình bày những suy nghĩ của mình theo các cách khác nhau, nhưng cần nêu được những ý cơ bản sau :

- Giới thiệu chung về vở kịch và đoạn trích.
- Trình bày cảm nhận :

Cuộc đối thoại đầy kịch tính giữa Hồn Trương Ba và Xác hàng thịt là một cuộc đối thoại sinh động mang ý nghĩa triết lí sâu sắc :

+ Xác hàng thịt : ẩn dụ về thể xác của con người ; Hồn Trương Ba : ẩn dụ về linh hồn của con người.

+ Con người là một thể thống nhất, tâm hồn và thể xác phải hài hoà, hướng tới sự hoàn thiện nhân cách. Sống thực sự cho đúng nghĩa con người không đơn giản. Khi sống không được là mình thì cuộc sống cũng trở nên vô nghĩa...

ĐỀ THI NĂM HỌC 2007 - 2008

I. PHẦN CHUNG CHO CẢ HAI BAN (5 ĐIỂM)

Câu 1. (2 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Thí sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau song cần nêu được những ý cơ bản sau :

– An-drây Xô-cô-lốp đau khổ vô hạn vì những mất mát lớn lao trong chiến tranh.

Anh nhận bé Va-ni-a mồ côi làm con. Anh yêu thương, chăm sóc chú bé như con đẻ của mình.

– Anh giấu chừa cho Va-ni-a biết nhiều sự thật vì không muốn chú bé buồn.

Câu 2. (3 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể trình bày theo các cách khác nhau nhưng cần nêu được những ý chính sau :

– Quan niệm sống được đặt ra trong luận đề : phải sống là chính mình, chân thật, không giả dối.

Suy nghĩ về quan niệm sống đó. (Thí sinh có thể nêu những ý kiến riêng của bản thân, có sự lí giải khác nhau nhưng cần hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục).

II. PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (5 ĐIỂM)

A. Ban KHTN : Thí sinh chọn câu 3a hoặc 3b.

Câu 3a. (5 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phát biểu cảm nhận về đoạn thơ trữ tình. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh, thí sinh phát hiện những đặc sắc nghệ thuật (ẩn dụ, tiết tấu, nhịp điệu,...) để cảm nhận ý nghĩa đoạn thơ ; trình bày được những cảm xúc, ấn tượng riêng của mình với các ý chính sau :

- Nỗi nhớ thiết tha, sâu lắng.
- Lòng thủy chung, son sắt.
- Khái quát : Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu.

Câu 3b. (5 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích tâm trạng nhân vật trong truyện ngắn. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở nắm vững tác phẩm *Vợ nhặt* của Kim Lân và nghệ thuật xây dựng nhân vật, thí sinh có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

- Những biểu hiện tâm trạng của Tràng : lo lắng, mừng vui, hạnh phúc,... mong muốn được vun đắp cho tổ ấm gia đình.
- Nghệ thuật thể hiện tâm trạng : chân thực, tinh tế.
- Qua sự biến đổi tâm trạng của Tràng, thấy được vẻ đẹp tâm hồn, tính cách nhân vật (nhân hậu, khát khao hạnh phúc, lạc quan với niềm tin ở tương lai) ; tình cảm nhân đạo nhà văn dành cho những người nghèo khổ.

B. Ban KHXH và NV : Thí sinh chọn câu 4a hoặc 4b

Câu 4a. (5 điểm)

a) Yêu cầu về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phát biểu cảm nhận về đoạn thơ trữ tình. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về bài thơ *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên, phát hiện và phân tích những đặc sắc nghệ thuật (so sánh, hình ảnh) để làm nổi bật giá trị nội dung của đoạn thơ : có thể triển khai vấn đề theo nhiều hướng khác nhau, nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

- Lòng biết ơn của nhân vật trữ tình đối với kháng chiến, nhân dân.
- Niềm hạnh phúc được trở về với nhân dân.

Khái quát : Đoạn thơ là khúc hát ngợi ca kháng chiến, khẳng định sự gắn bó với nhân dân chính là ngọn nguồn cảm hứng sáng tạo nghệ thuật ; tiêu biểu cho phong cách thơ Chế Lan Viên.

Câu 4b. (5 điểm)

a) Yêu cầu về kỹ năng

Biết cách làm bài nghị luận văn học, vận dụng khả năng đọc - hiểu để phân tích nhân vật trong truyện ngắn. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

b) Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về tác phẩm *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân, nghệ thuật xây dựng nhân vật, thí sinh có thể triển khai vấn đề theo nhiều hướng khác nhau, nhưng cần nêu được những ý cơ bản sau :

– Tính cách nhân vật Huân Cao :

+ Người anh hùng dũng liệt.

+ Người tài hoa.

+ Có thiên lương trong sáng.

– Nghệ thuật xây dựng nhân vật : bút pháp lãng mạn, lí tưởng hoá, thủ pháp tương phản, ngôn ngữ,...

– Đánh giá chung : Huân Cao là nhân vật lí tưởng, thể hiện quan niệm về cái đẹp của Nguyễn Tuân.

ĐỀ THI NĂM HỌC 2008 - 2009

Đáp án		Điểm
I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)		
Câu 1	Trong truyện ngắn <i>Thuốc</i> của Lỗ Tấn, khách ở quán trà nhà lão Hoa đã bàn về những chuyện gì? Hãy cho biết điều nhà văn muốn nói qua những chuyện ấy. a) Khách trong quán trà đã bàn về – Chuyện chiếc bánh bao tẩm máu tử tù. – Chuyện người tù họ Hạ bị chết chém. b) Điều nhà văn muốn nói – Phản ánh và phê phán sự ngu muội, thiếu hiểu biết của người dân Trung Quốc đương thời về thuốc chữa bệnh lao. – Phản ánh và phê phán sự ngu muội, thiếu hiểu biết của người dân Trung Quốc đương thời về người cách mạng. Lưu ý : Thí sinh có thể trình bày theo các cách khác nhau nhưng phải nêu đủ các ý trên, diễn đạt rõ ràng mới đạt điểm tối đa.	2,00 0,50 0,50 0,50 0,50
Câu 2	Viết một bài văn ngắn (không quá 400 từ) phát biểu ý kiến về tác dụng của việc đọc sách. a) Yêu cầu về kĩ năng Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. b) Yêu cầu về kiến thức Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm rõ được các ý chính sau . – Nêu được vấn đề cần nghị luận. – Sách là sản phẩm tinh thần của con người ; là kho tàng tri thức vô tận của nhân loại. – Đọc sách có nhiều tác dụng : mở rộng, nâng cao hiểu biết trên nhiều lĩnh vực, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm, lễ sống ; đáp ứng nhu cầu giải trí lành mạnh,... cho con người. – Phê phán hiện tượng lười đọc sách và đọc sách thiếu sự lựa chọn.	3,00 0,25 0,75 1,00 0,50

	– Cần hình thành thói quen đọc sách và biết lựa chọn sách để đọc.	0,50
Lưu ý : Chỉ cho điểm tối đa khi thí sinh đạt được cả yêu cầu về kĩ năng và kiến thức.		
II. PHẦN RIÊNG (5,0 ĐIỂM)		
Câu 3.a	Theo chương trình Chuẩn Phân tích giá trị nhân đạo của truyện ngắn <i>Vợ chồng A Phủ</i> của nhà văn Tô Hoài.	5,00
	a) Yêu cầu về kĩ năng Biết cách làm bài nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi, phân tích được giá trị tư tưởng của một tác phẩm. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
	b) Yêu cầu về kiến thức Trên cơ sở những hiểu biết về nhà văn Tô Hoài, truyện ngắn <i>Vợ chồng A Phủ</i> (chủ yếu phần trích trong <i>Ngữ văn 12</i>, tập hai) và giá trị nhân đạo trong văn học, thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm rõ được các ý cơ bản sau :	
	– Nêu được vấn đề cần nghị luận.	0,50
	– Tố cáo sự tàn bạo của giai cấp thống trị miền núi (tiêu biểu là cha con thống lí Pá Tra).	1,00
	– Bênh vực và cảm thông sâu sắc với những con người có số phận bất hạnh như Mị, A Phủ.	1,00
	– Trân trọng khát vọng tự do, hạnh phúc và phẩm chất tốt đẹp của người lao động nghèo miền núi trong xã hội cũ.	1,00
	– Đồng tình với tinh thần phản kháng, đấu tranh của những người bị áp bức và vạch ra con đường giải phóng cho họ.	1,00
	– Đánh giá chung về giá trị nhân đạo của tác phẩm.	0,50
Lưu ý : Chỉ cho điểm tối đa khi thí sinh đạt được cả yêu cầu về kĩ năng và kiến thức.		
Câu 3.b	Theo chương trình Nâng cao Phân tích vẻ đẹp của hình tượng sông Hương trong tác phẩm <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông</i> ? của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường.	5,00

	a) Yêu cầu về kĩ năng Biết cách làm bài nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi ; phân tích hình tượng nghệ thuật trong một tác phẩm văn học. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
	b) Yêu cầu về kiến thức Trên cơ sở những hiểu biết về nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường và tác phẩm <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông ?</i> (chủ yếu phần trích trong <i>Ngữ văn 12 Nâng cao</i>, tập một), thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm rõ được các ý cơ bản sau :	
	– Nếu được vấn đề cần nghị luận.	0,50
	– Vẻ đẹp được phát hiện ở cảnh sắc thiên nhiên sông Hương là một công trình nghệ thuật tuyệt vời của tạo hoá.	1,25
	– Vẻ đẹp được nhìn từ góc độ văn hoá : sông Hương là dòng sông của âm nhạc, thơ ca,...	0,75
	– Vẻ đẹp được nhìn từ góc độ lịch sử : sông Hương là dòng sông của những chiến công hiển hách.	0,75
	– Vẻ đẹp trong trí tưởng tượng của tác giả : sông Hương đẹp như một thiếu nữ Huế tài hoa, dịu dàng, đa tình,... Sông Hương càng đáng yêu, quyến rũ hơn khi gắn liền với cái tôi của Hoàng Phủ Ngọc Tường - tài hoa, uyên bác, giàu tình cảm và trí tưởng tượng lãng mạn, say mê cái đẹp của thiên nhiên xứ Huế.	1,25
	Đánh giá chung về giá trị của hình tượng.	0,50
Lưu ý : 1. Thí sinh có thể bám theo bố cục tác phẩm để phân tích vẻ đẹp của hình tượng sông Hương qua từng đoạn : ở thượng nguồn ; qua đồng bằng Châu Hoà ; qua kinh thành Huế,... nhưng vẫn phải đảm bảo được các ý cơ bản trên. 2. Chỉ cho điểm tối đa khi thí sinh đạt được cả yêu cầu về kĩ năng và kiến thức.		

D. ĐÁP ÁN, THANG ĐIỂM ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2007

Môn thi : VĂN, khối C

Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian phát đề

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I		Những đặc điểm thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám 1945	2,0
	1.	Đặc điểm nội dung (1,0 điểm) – Thơ Xuân Diệu thể hiện tình yêu đời, yêu cuộc sống thiết tha, mãnh liệt (say cảnh, say tình, thiết tha giao cảm với đời). – Thơ Xuân Diệu cũng thể hiện tâm trạng chán nản, hoài nghi : nhân vật trữ tình trong thơ thường cô đơn.	1,0
	2.	Đặc điểm nghệ thuật (1,0 điểm) Đặc sắc của thơ Xuân Diệu là ở cảm hứng, thi tứ, bút pháp : – Cảm xúc trong thơ Xuân Diệu say đắm, mãnh liệt. Ông cảm nhận thế giới xung quanh bằng tất cả giác quan và bằng cái nhìn mới mẻ, tươi non. – Thơ Xuân Diệu là sự kết hợp hai yếu tố cổ điển và hiện đại, Đông và Tây ; nhưng ảnh hưởng của thơ phương Tây vẫn đậm nét hơn (từ cảm hứng đề tài, đến xây dựng hình ảnh, cú pháp, nhịp điệu, ngôn từ).	1,0
II		Phân tích nghệ thuật trào phúng trong truyện ngắn "Vi hành" của Nguyễn Ái Quốc	5,0
	1.	Giới thiệu chung (0,5 điểm) – Năm 1922, Khải Định sang Pháp dự cuộc "đấu xảo thuộc địa" ở Mác-xây. Chuyến đi này đã bị các nhà cách mạng yêu nước lên án mạnh mẽ. Nguyễn Ái Quốc lúc đó đang ở Pháp đã góp tiếng nói phê phán vua bù nhìn Khải Định và chính phủ Pháp bằng truyện "Vi hành" in trên báo <i>Nhân đạo</i> (1923). – Tác giả đã sử dụng nghệ thuật trào phúng để đạt mục đích trên.	0,5

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
2.		Nghệ thuật trào phúng của truyện (4 điểm)	
	a)	Cách đặt nhan đề – <i>Incognito</i> nguyên văn tiếng Pháp có nghĩa là không ai biết, dùng tên giả. Dịch giả Phạm Huy Thông chuyển nghĩa <i>Incognito</i> sang tiếng Việt là “Vi hành”. Trong trường hợp này tác giả dùng theo ý mỉa mai vị vua An Nam tưởng là được nước Pháp quý trọng nhưng sự thật thì không ai biết đến. – Nhan đề tác phẩm đã chứa đựng một sự mỉa mai, giễu cợt.	0,5
	b)	Tạo tình huống nhảm lẫn độc đáo – Tình huống nhảm lẫn : Trên tàu điện ngầm một đôi trai gái người Pháp nhảm tưởng nhân vật tôi – người kể chuyện là vua An Nam đang “vi hành” ở Pari. Tình huống này vừa oái oăm, vừa hài hước ; vừa vô lí, vừa hợp lí nhằm lên án bản chất của vị vua An Nam. – Tình huống nhảm lẫn được tăng tiến dần (từ đôi nam nữ trên tàu điện, đến quần chúng, thậm chí đến Chính phủ Pháp) có tác dụng vừa lên án vị vua An Nam, vừa giễu cợt một cách kín đáo việc Chính phủ Pháp phái mật thám theo dõi những người Việt Nam yêu nước trên đất Pháp. – Tình huống nhảm lẫn nói trên làm cho việc lên án có tính khách quan (vì tất cả những lời chê bai, bình phẩm về vua An Nam đều xuất phát từ miệng người Pháp) và do đó có sức thuyết phục cao.	1,5
	c)	Cách dựng chân dung nhân vật biếm họa – Miêu tả gián tiếp : nhân vật chính không xuất hiện trực tiếp, nhưng qua những lời nhận xét, bình phẩm của đôi nam nữ người Pháp, bản chất và tính cách vị vua An Nam vẫn được hiện lên vừa rõ nét, vừa hài hước. – Nhờ việc lựa chọn và sắp xếp các chi tiết đặc sắc để miêu tả (ngoại hình xấu xí, trang phục loè loẹt, điệu bộ lúng túng đến thảm hại, hành vi mờ ám,...), nhân vật vua An Nam hiện lên như một bức chân dung biếm họa đặc sắc.	1,0

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		d) Lời văn châm biếm sắc sảo – Giọng văn : có đủ mọi chất giọng (tự sự, trữ tình, triết lí,...), nhưng mỉa mai là giọng chính. Tác giả không dùng những lời lẽ đao to búa lớn, chỉ nhẹ nhàng mà thâm thúy, sâu cay. – Nhờ sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật (chơi chữ, nói ngược, so sánh tạt ngang, câu hỏi tu từ,...) lời văn châm biếm trở nên sắc sảo hơn, và sức công phá, đả kích cao hơn.	1,0
	3.	Kết luận (0,5 điểm) – Tiếng cười của truyện bật lên từ sự phát hiện những mâu thuẫn giữa hình thức và nội dung, giữa hiện tượng và bản chất làm cho chân dung nhân vật vua An Nam được khắc hoạ rõ nét, nhờ đó tính chất châm biếm, đả kích của tác phẩm sáng rõ hơn. – Nghệ thuật trào phúng của truyện vừa có chất thâm thúy, sâu sắc của phương Đông vừa mang đậm chất trí tuệ và hiện đại của văn xuôi phương Tây.	0,5
IIIa		Bình giảng đoạn thơ trong bài <i>Tống biệt hành</i> của Thâm Tâm	3,0
	1.	Giới thiệu chung (0,5 điểm) – <i>Tống biệt hành</i> của Thâm Tâm là một trong những bài thơ nổi tiếng của phong trào Thơ mới. – Bài thơ vừa thể hiện tâm trạng chung của một lớp người đang tìm đường, vừa thể hiện được dấu ấn riêng của tác giả bởi hơi thơ trầm hùng, bi tráng, đặc biệt trong đoạn thơ đầu.	
	2.	Bình giảng đoạn thơ (2,0 điểm) a) Bốn câu thơ đầu : – Nhấn mạnh không gian và thời gian của cuộc tiễn đưa. Đó là nơi không có bến sông (khác với thơ ca xưa thường diễn ra nơi bến sông, con đò). Thời gian cũng không có gì đặc biệt (không thắm, không vàng vọt). Tác giả phủ nhận ngoại cảnh (điệp từ <i>không</i>) nhằm tô đậm nội tâm của kẻ ở, người đi.	0,5

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		– Bốn câu thơ đầu là hai câu hỏi tu từ với hai vế đối lập giữa cái <i>không</i> của ngoại cảnh và cái <i>có</i> của nội tâm để khẳng định tâm trạng day dứt, xốn xang (tiếng sóng trong lòng) của người đưa tiễn và tâm trạng buồn thương, quyến luyến (bóng hoàng hôn trong mắt) của người ra đi. – Âm điệu vừa thiết tha, vừa khắc khoải (điệp từ <i>sao</i>, toàn thanh bằng ở câu 1 và nhiều thanh trắc ở câu 2) tạo không khí trầm buồn, xao xuyến của buổi chia tay. b) Sáu câu thơ tiếp : – Hai câu thơ 5,6 : Tác giả thể hiện rõ hơn sắc thái tâm trạng và thái độ của người ra đi cũng như người ở lại. Nếu như người đưa tiễn khẳng định “<i>ta chỉ đưa người ấy</i>”, thì với người ra đi “<i>Một già gia đình, một dưng dưng</i>”. – Cách dùng từ Hán – Việt và hình thức độc thoại (câu 7) tạo sắc thái trang trọng, vừa gợi tư thế dứt khoát của người đi, vừa thể hiện tâm trạng nén lòng của người ở lại – mãi dõi theo bóng người đi xa như không hề muốn có cuộc chia li. <i>Chi nhơn</i> nhưng <i>con đường nhỏ</i> và <i>bàn tay không</i> làm nổi rõ những trần trở, và dự cảm về những khó khăn mà người ra đi phải đối mặt. – Những từ ngữ xưng hô (<i>ta, người</i>), từ phủ định (<i>chưa, không, dưng</i>) với âm điệu mạnh mẽ đã làm cho câu thơ trở nên rắn rỏi, thể hiện quyết tâm của người ra đi vì chí lớn “<i>một đi không trở lại</i>”. Từ <i>dưng dưng</i> và dấu chấm lửng cuối câu thơ thứ 6 thể hiện sự kìm nén tình cảm và thái độ dứt khoát của người đi. – Hình ảnh mẹ già ở câu thơ thứ 10 làm cho giọng thơ chùng xuống, dù có mềm lòng, có níu kéo riêng tư, vẫn không ngăn được quyết tâm của <i>li khách</i>.	1,0 1,0
	3.	Kết luận (0,5 điểm) – Đoạn thơ ca ngợi vẻ đẹp của <i>li khách</i> trong thời đại mới và thể hiện sự ngưỡng vọng đối với những người ra đi vì nghĩa lớn, cũng là cách thể hiện tấm lòng yêu nước thầm kín của nhà thơ. – Đoạn thơ vừa cổ kính vừa hiện đại, đậm chất bi tráng và “<i>đượm chút băng khuâng khó hiểu của thời đại</i>” (Hoài Thanh).	0,5

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
IIIb		Cảm nhận về vẻ đẹp của dòng sông Hương trong bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông ? của Hoàng Phủ Ngọc Tường	3,0
	1.	Giới thiệu chung (0,5 điểm)	
		Ai đã đặt tên cho dòng sông ? là một tùy bút đặc sắc, thể hiện phong cách tài hoa, uyên bác, giàu chất thơ của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Bài kí đã ca ngợi dòng sông Hương như một biểu tượng của Huế (đặc biệt là đoạn từ thượng nguồn đến thành phố Huế).	0,5
	2.	Cảm nhận về vẻ đẹp của dòng sông (2,0 điểm)	
		a) Vẻ đẹp dòng sông – Trong đoạn trích nói trên, vẻ đẹp của dòng sông được phát hiện ở cảnh sắc thiên nhiên rất đa dạng. Dòng sông trữ tình, êm ả, hiền hòa như một thiếu nữ dịu dàng và duyên dáng : + Lúc ở rừng già : phóng khoáng và man dại, rầm rộ và mãnh liệt như một “bản trường ca của rừng già”. + Khi ra khỏi rừng : dịu dàng và trí tuệ của “người mẹ phù sa”. + Lúc qua hai dãy đồi sừng sững như thành quách : dòng sông mềm như tấm lụa, với vẻ đẹp biến ảo “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím”. + Khi qua vùng ngoại ô Kim Long : vui tươi hân hoan. + Khi đến thành phố : Sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ làm cho dòng sông mềm hẳn đi và trôi đi chậm, thực chậm như một mặt hồ yên tĩnh. – Vẻ đẹp dòng sông được miêu tả bằng một tình cảm thiết tha với Huế, với một vốn văn hoá phong phú và một vốn ngôn từ giàu có và đậm chất thơ của tác giả.	1,5
		b) Cảm nghĩ của cá nhân : Trình bày những suy nghĩ, tình cảm của riêng cá nhân về vẻ đẹp của dòng sông (yêu cầu chân thành, sâu sắc với lời văn giàu cảm xúc). Thí sinh có thể nêu ý sau : Dòng sông như là một công trình nghệ thuật tuyệt vời của tạo hoá, một vẻ đẹp rất thơ, khơi nguồn cho cảm hứng thơ ca, và gắn liền với nền âm nhạc cổ điển của Huế, tạo nên bề dày lịch sử văn hoá của Huế.	0,5

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
	3.	Kết luận (0,5 điểm)	
		– Nhờ ngòi bút tài hoa của tác giả, sông Hương trở thành dòng sông bất tử, chảy mãi trong trí nhớ và tình cảm của người đọc. – Bồi đắp tình cảm đối với quê hương, đất nước.	0,5
		Lưu ý câu IIIa và IIIb : <i>Thí sinh có thể sắp xếp bài làm theo cách khác, nhưng phải đảm bảo kiến thức và thể hiện được năng lực cảm thụ, bình giảng, phân tích tác phẩm văn chương.</i>	

**ĐỀ THI TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2008**

Môn thi : VĂN, khối C

Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian phát đề

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I		Giới thiệu ngắn gọn về hai tập thơ <i>Từ ấy</i> và <i>Việt Bắc</i> của Tố Hữu	2,0
	1.	Tập <i>Từ ấy</i> (1,0 điểm)	
		– <i>Từ ấy</i> là tập thơ đầu tay của Tố Hữu được sáng tác trong khoảng thời gian từ năm 1937 đến 1946 tương ứng với chặng đường cách mạng từ phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương đến Tổng khởi nghĩa tháng Tám và Toàn quốc kháng chiến. Tập thơ gồm ba phần : <i>Máu lửa</i> , <i>Xiềng xích</i> , <i>Giải phóng</i> . Qua ba phần ấy, cảm hứng thơ Tố Hữu vận động từ niềm hân hoan của tâm hồn trẻ nhiều băn khoăn về lẽ sống bỗng được gặp ánh sáng lí tưởng ; rồi qua bao gian lao, thử thách, từng bước trưởng thành trên con đường đấu tranh cách mạng ; đến niềm vui bất tuyệt, ngây ngất trước cuộc đời vĩ đại của dân tộc.	
		– Nổi bật lên ở tập <i>Từ ấy</i> là chất lãng mạn trong trẻ của một hồn thơ trẻ say men lí tưởng ; nhạy cảm với cảnh đời, tình đời ; một <i>cái tôi</i> trữ tình mới, trong đó ý thức cá nhân đang từng bước hoà mình với đoàn thể, nhân quần ; một giọng điệu thiết tha, sôi nổi, nồng nhiệt.	1,0
	2.	Tập <i>Việt Bắc</i> (1,0 điểm)	
		– <i>Việt Bắc</i> là chặng đường thứ hai của thơ Tố Hữu, được sáng tác trong khoảng thời gian từ năm 1947 đến 1954. Tập thơ là bản hùng ca phản ánh những chặng đường gian lao, anh dũng và những bước đi lên của cuộc kháng chiến chống Pháp cho đến ngày thắng lợi. Tập thơ hướng vào thể hiện con người quần chúng kháng chiến, trước hết là công, nông, binh ; kết tinh những tình cảm lớn của con người Việt Nam mà bao trùm là tình yêu nước.	1,0

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		– Ở <i>Việt Bắc</i> , thơ Tố Hữu bay bổng và rộng mở trong cảm hứng sử thi – trữ tình mang hào khí thời đại ; hình thức thơ giàu tính dân tộc và đại chúng.	
II		Cảm nhận về hai đoạn thơ	5,0
	1.	Đoạn thơ trong bài <i>Tây Tiến</i> của Quang Dũng (2,0 điểm)	
		– Đoạn thơ bộc lộ nỗi nhớ da diết, vơi vợi về miền Tây và người lính Tây Tiến. Thiên nhiên miền Tây xa xôi mà thân thiết, hoang vu mà thơ mộng ; con người Tây Tiến gian khổ mà hào hoa.	1,0
		– Hình ảnh thơ có sự hài hoà nét thực nét ảo, vừa mông lung vừa gợi cảm về cảnh và người ; nhạc điệu có sự hoà hợp giữa lời cảm thán với điệu cảm xúc (câu mở đầu như một tiếng kêu vọng vào không gian), giữa mật độ dày những âm vần (<i>rối, ơi, chơi vơi, mỗi, hơi</i>) với điệp từ (<i>nhớ / nhớ</i>) và lối đối uyển chuyển (câu 3 với câu 4) đã tạo ra một âm hưởng tha thiết, ngậm ngùi...	1,0
	2.	Đoạn thơ trong bài <i>Tiếng hát con tàu</i> của Chế Lan Viên (2,0 điểm)	
		– Đoạn thơ bộc lộ nỗi nhớ sâu nặng về những miền quê đã từng qua, rồi kết tinh thành một triết lí sắc sảo. Từ nỗi nhớ thương dành cho những vùng đất mang nặng nghĩa tình, thuộc về kỉ niệm riêng, cảm xúc thơ được đúc kết thành triết lí chung về quy luật phổ biến của tâm hồn.	1,0
		– Nghệ thuật có sự kết hợp tả thực với suy tưởng, bộc bạch tâm tình (câu đầu) với chiêm nghiệm triết lí (các câu sau) ; phép điệp (<i>nhớ / nhớ</i>), phép đối xứng (<i>khi ta ở - khi ta đi</i>), câu hỏi tu từ (<i>Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương ?</i>) khiến đoạn thơ có sức truyền cảm và súc tích như một châm ngôn.	1,0
	3.	So sánh (1,0 điểm)	
		– Điểm tương đồng : hai đoạn thơ đều bộc lộ nỗi nhớ tha thiết, bồi hồi, sâu lắng về thiên nhiên và con người Tây Bắc.	0.5

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		– Điểm khác biệt : đoạn thơ trong bài <i>Tây Tiến</i> bộc lộ nỗi nhớ cụ thể của người trong cuộc, toát lên vẻ hào hoa, lãng mạn, hình ảnh thơ nghiêng về tả thực trực quan ; còn đoạn thơ trong bài <i>Tiếng hát con tàu</i> là tình cảm nhớ thương đã được nâng lên thành quy luật của tâm hồn, hình ảnh thơ nghiêng về khái quát và tượng trưng, chứa đựng vẻ đẹp trí tuệ.	0,5
IIIa		Vi sao tấm lòng của nhân vật quần ngục được ví như “một thanh âm trong trẻo” ?	3,0
	1.	Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm (0,5 điểm)	
		– Nguyễn Tuân là nhà văn suốt đời say mê và tôn vinh cái đẹp, nhất là cái đẹp của tài hoa và nhân cách ; là ngòi bút bậc thầy với phong cách sắc sảo, uyên bác, tài hoa. – <i>Chữ người tử tù</i> được coi là kiệt tác của Nguyễn Tuân trong tập <i>Vang bóng một thời</i>. Truyện viết về cuộc gặp gỡ lạ lùng giữa Huân Cao và quần ngục, mỗi nhân vật là hiện thân cho một vẻ đẹp cao quý trong đời.	0,5
	2.	Về nhân vật quần ngục (1,5 điểm)	
		– Về vị thế, nhân vật quần ngục là đại diện cho bộ máy cai trị của triều đình mục nát, phải sống giữa một môi trường là thế giới nhà tù ô trọc, với chức phận cai quản và trừng phạt tù nhân. – Về phẩm chất, nhân vật quần ngục lại là “một tấm lòng trong thiên hạ” - tâm hồn thuần khiết, tính tình ngay thẳng, biết quý trọng phẩm giá con người, có sở thích cao quý, đặc biệt là có “tấm lòng biệt nhồn liên tải” ...	0,5 1,0
	3.	Ý nghĩa của hình ảnh so sánh (1,0 điểm)	
		– Là hình ảnh súc tích tạo ra sự đối lập sắc nét giữa trong với đục, thuần khiết với ô trọc, cao quý với thấp hèn ; giữa cá thể nhỏ bé, mong manh với thế giới hỗn tạp, xô bồ. – Là hình ảnh so sánh hoa mỹ, đắt giá, gây ấn tượng mạnh, thể hiện một sự khái quát nghệ thuật sắc sảo, tinh tế giúp tác giả làm nổi bật và đề cao vẻ đẹp của tâm hồn nhân vật. Là chi tiết nghệ thuật mang đậm dấu ấn phong cách tài hoa của Nguyễn Tuân.	1,0

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
IIIb		Vì sao nhân vật bà Hiền được gọi là “hạt bụi vàng của Hà Nội” ?	3,0
	1.	Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm (0,5 điểm) – Nguyễn Khải là nhà văn xông xáo, nhạy bén với những vấn đề thời sự, có khả năng phân tích tâm lí sắc sảo ; ở giai đoạn đổi mới, ông đặc biệt quan tâm đến số phận cá nhân trong cuộc sống đời thường ; giọng văn đôn hậu, trầm lắng, nhiều chiêm nghiệm. – Một người Hà Nội là tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Khải giai đoạn đổi mới, thể hiện những cảm nhận sâu sắc về vẻ đẹp và chiều sâu văn hoá của người Hà Nội qua nhân vật bà Hiền.	0,5
	2.	Về nhân vật bà Hiền (1,5 điểm) – Không thuộc kiểu người xuất chúng, bà Hiền là một người Hà Nội bình thường nhưng rất đậm cốt cách Hà Nội. Đó là sự nhuần nhuyễn giữa nét đẹp riêng của đất kinh kì với phẩm chất chung của một người Việt (giản dị mà lịch lãm, thiết thực mà sang trọng, cần mẫn mà tài hoa, chân thực mà tinh tế sâu sắc,...). – Phẩm chất bền vững thuộc về đạo lí làm người muôn đời chính là căn cốt giúp bà Hiền có thể sống tốt, sống đẹp ở mọi thời, trong mọi mối quan hệ gia đình và xã hội, dù thời cuộc có lúc thăng trầm (khôn ngoan mà tự trọng, thức thời mà chu đáo, linh hoạt mà trung thực, đôn hậu mà bản lĩnh, trọn vẹn cả việc nước việc nhà,...).	1,0 0,5
	3.	Ý nghĩa của hình ảnh so sánh (1,0 điểm) – Hạt bụi vàng là hình ảnh một sự vật nhỏ bé, khiêm nhường mà cao đẹp, quý báu. Nhiều hạt bụi vàng như thế hợp lại thành áng vàng chói sáng, đó là phẩm giá đã thành bản sắc Hà Nội, thành truyền thống của người Hà Nội nghìn năm văn hiến.	1,0

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		– Là hình ảnh so sánh đặc sắc thể hiện sự khái quát nghệ thuật cao, trong đó có sự đối lập mà thống nhất giữa thân phận và giá trị, biểu hiện được mối gắn bó giữa cá nhân với cộng đồng ; chứa đựng niềm trân trọng và tự hào của tác giả. Hình ảnh ấy giúp Nguyễn Khải cô đúc được toàn bộ phẩm chất phong phú của nhân vật vào một chi tiết nhỏ nhưng giàu ý nghĩa biểu tượng, gây ấn tượng sâu đậm đối với người đọc.	
Lưu ý chung : Thí sinh có thể làm bài theo những cách khác nhau, nhưng phải đảm bảo những yêu cầu về kiến thức. Trên đây chỉ là những ý cơ bản thí sinh cần đáp ứng : việc cho điểm cụ thể từng câu cần dựa vào bản hướng dẫn chấm kèm theo.			

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2008

Môn thi : VĂN, khối D

Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian phát đề

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I		Những nét chính trong quan điểm nghệ thuật của Nam Cao trước Cách mạng tháng Tám	2,0
		– Nam Cao từ bỏ quan điểm “nghệ thuật vị nghệ thuật”, tìm đến con đường “nghệ thuật vị nhân sinh”, phê phán thứ nghệ thuật xa rời thực tế, đòi hỏi nghệ thuật phải bám sát cuộc đời (<i>Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than</i>).	0,5
		– Nhà văn chân chính phải có đôi mắt của tình thương, tác phẩm thực sự giá trị phải có nội dung nhân đạo (<i>ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình,... làm cho người gần người hơn</i>).	0,5
		– Đòi hỏi cao sự tìm tòi sáng tạo, không chấp nhận sự rập khuôn dễ dãi (<i>văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi... và sáng tạo những gì chưa có</i>).	0,5
		– Người cầm bút phải có lương tâm ; viết cầu thả chẳng những là “<i>bất lương</i>” mà còn là “<i>đê tiện</i>”.	0,5
II		Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đêm cứu A Phủ	5,0
	1.	Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm (0,5 điểm)	
		– Tô Hoài là nhà văn nổi tiếng trên văn đàn từ trước năm 1945. Trong kháng chiến chống Pháp, ông chủ yếu hoạt động ở lĩnh vực báo chí, nhưng vẫn có một số thành tựu quan trọng trong sáng tác văn học, nhất là về đề tài miền núi. – Truyện <i>Vợ chồng A Phủ</i> in trong tập <i>Truyện Tây Bắc</i>, là kết quả của chuyến Tô Hoài đi cùng bộ đội vào giải phóng Tây Bắc (1952), đánh dấu độ chín của phong cách nghệ thuật Tô Hoài. Tác phẩm viết về cuộc sống tăm tối và khát vọng sống mãnh liệt của người dân miền núi dưới ách thống trị của thực dân phong kiến. Mị là nhân vật chính, là linh hồn của tác phẩm.	0,5
	2.	Tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đêm cứu A Phủ (4,0 điểm)	

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		– Từ vô cảm đến đồng cảm : những đêm trước nhìn thấy cảnh A Phủ bị trói đứng Mị hoàn toàn dửng dưng, vô cảm. Đêm ấy, dòng nước mắt của A Phủ đã đánh thức và làm hồi sinh lòng thương người trong Mị (gợi cho Mị nhớ về quá khứ đau đớn của mình, Mị thấy thương xót cho người cùng cảnh ngộ). – Nhận ra sự độc ác và bất công : từ cảnh ngộ của mình và những người đàn bà bị hành hạ ngày trước, đến cảnh đau đớn và bất lực của A Phủ trước mắt, Mị nhận thấy <i>chúng nó thật độc ác, thấy người kia việc gì mà phải chết.</i> – Hành động cứu người : Mị nhớ lại đời mình, lại tưởng tượng cảnh A Phủ tự trốn thoát. <i>Nghĩ thế Mị... cũng không thấy sợ.</i> Tình thương và lòng căm thù đã giúp Mị có sức mạnh để quyết định cứu người và liều mình cắt dây trói cứu A Phủ. – Tự giải thoát cuộc đời mình : đối mặt với hiểm nguy <i>Mị cũng hốt hoảng...</i> ; lòng ham sống mãnh liệt đã thúc giục Mị chạy theo A Phủ.	1,0 1,0 1,0 1,0
3.		Ý nghĩa của việc miêu tả tâm trạng và hành động của Mị (0,5 điểm) – Tạo tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn ; cách miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tài tình, hợp lí đã tạo nên sự thay đổi số phận nhân vật một cách thuyết phục. – Thể hiện giá trị nhân đạo : phát hiện và miêu tả sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do của người lao động bị áp bức trong xã hội cũ.	0,5
IIIa		Cảm nhận về đoạn thơ trong bài <i>Đây mùa thu tới</i> của Xuân Diệu	3,0
1.		Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm (0,5 điểm) – Xuân Diệu là "nhà thơ mới nhất trong những nhà thơ mới", là một hồn thơ luôn khát khao giao cảm với cuộc đời và thiên nhiên. – <i>Đây mùa thu tới</i> (in trong tập <i>Thơ thơ</i>) là một trong những thi phẩm nổi tiếng của Xuân Diệu. Bài thơ thể hiện cách nhìn mới, cảm xúc mới và bút pháp mới. Bốn câu tả cảnh thu trong vườn là một trong những đoạn đặc sắc nhất.	0,5

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
	2.	Cảm nhận về đoạn thơ (2,5 điểm)	
		a) Cảnh sắc thiên nhiên – Cảnh vườn thu phai tàn : hoa lìa cành, lá thay màu đổi sắc, cành cây khô gãy, mỏng manh. Diện mạo của cảnh vật tiêu điều, phơi pha theo những bước đi âm thầm lặng lẽ của thời gian. – Cảnh sắc hữu tình như một sinh thể có linh hồn với những động thái run rẩy, dáng nét gãy guộc, mỏng manh.	1,0
		b) Tâm trạng của nhân vật trữ tình – Nỗi buồn sâu lắng của một người đang theo dõi từng bước đi của thời gian : muốn níu giữ vẻ đẹp của thiên nhiên trong cảnh thu đang phai tàn. – Niềm cảm thương tạo vật thiên nhiên trước những biến suy không thể cưỡng lại vào lúc giao mùa.	1,0
		c) Đặc sắc nghệ thuật – Hình ảnh quen thuộc mà mới lạ thể hiện sự cách tân trong thi liệu (<i>hoa rụng cành, sắc đỏ rửa màu xanh, luống run rẩy,...</i>) giàu chất tạo hình hiện đại. – Ngôn ngữ có sự kết hợp cách diễn đạt của phương Tây (<i>hơn một, rửa</i>) với lối tu từ truyền thống (<i>Đôi nhanh khô gãy xương mỏng manh</i>) – Nhạc điệu có sự phối hợp giữa việc dùng điệp phụ âm (chuỗi bốn âm “r” kế tiếp) với mật độ từ láy dày (<i>run rẩy, rung rinh, mỏng manh</i>) vừa tả sự lay động của sự vật, vừa thể hiện cảm giác tinh vi của chủ thể ; giọng kể đan xen trong mạch thơ (qua khá nhiều từ chỉ số lượng <i>hơn một, những, đôi,...</i>) cũng góp phần thể hiện cảm xúc hết sức tinh tế của thi sĩ.	0,5
IIIb		Cảm nhận về đoạn thơ trong bài <i>Đầy thôn Vĩ Dạ</i> của Hàn Mặc Tử	3,0
	1.	Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm (0,5 điểm)	
		– Hàn Mặc Tử là một nhà thơ lớn của phong trào Thơ mới. Bên cạnh những vần thơ điên loạn, ma quái, xa lạ với cuộc sống đời thường, thi sĩ nhiều khi lại sáng tạo nên những hình ảnh tuyệt mỹ, hồn nhiên và trong trẻo lạ thường.	

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		– <i>Đầy thôn Vĩ Dạ</i> (in trong tập <i>Đau thương</i>) là một thi phẩm nổi tiếng của Hàn Mặc Tử. Bài thơ vừa tả cảnh đẹp thôn Vĩ Dạ, vừa bộc lộ tâm trạng của nhân vật trữ tình – thiết tha yêu đời nhưng cũng đầy u uẩn.	0,5
2.		Cảm nhận về đoạn thơ (2,5 điểm) a) Cảnh sắc thiên nhiên – Cảnh thiên nhiên phiêu tán, phân li với sông nước, gió mây, hoa bắp, thuyền trắng, sông trăng huyền ảo ; toát lên vẻ đẹp êm đềm mà xao động, thơ mộng màu buồn. – Xu thế vận động của thiên nhiên có sự tương phản : hầu hết sự vật chảy trôi đi, còn trăng thì ngược dòng trở lại, chứa đựng những nghịch cảnh. b) Tâm trạng của nhân vật trữ tình – Tâm trạng phức tạp với nhiều sắc thái chuyển hoá đan xen : lúc buồn bã, lo âu bởi dự cảm chia lìa ; lúc bối rối, phấp phỏng bởi khao khát ngóng trông... Tất cả đều mong manh, khắc khoải gần như vô vọng. – Tâm hồn tuy nặng trĩu u buồn, nhưng vẫn rộng mở để đón nhận những vẻ đẹp huyền ảo, thi vị của thiên nhiên ; tấm lòng thiết tha với đời và khao khát sống vẫn cố níu giữ, bám víu cuộc đời. c) Đặc sắc nghệ thuật – Hình ảnh thơ độc đáo, tài hoa, đầy ám ảnh : vừa dân dã vừa thi vị (dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay), vừa gợi tả vừa giàu sức biểu hiện (mây, gió) ; nét thực, nét ảo cứ chập chờn chuyển hoá (sông trăng, thuyền chở trăng). – Nhịp điệu khi khoan, khi nhặt hoà hợp với giọng điệu khi trầm lắng, khi khẩn cầu biểu lộ cảm xúc u hoài mà tha thiết (thể hiện thành sự chuyển hoá âm điệu từ hai câu đầu đến hai câu sau). – Nhiều thủ pháp nghệ thuật như phép đối (câu một), nhân hoá (ở hầu hết các hình ảnh thiên nhiên), đại từ phiếm chỉ và câu hỏi tu từ (<i>Thuyền ai đậu bến sông trăng đó... tối nay ?</i>) làm cho ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, tài hoa, biểu lộ được nhiều trạng thái cảm xúc tinh tế.	1,0 1,0 0,5

Lưu ý chung : Thí sinh có thể làm bài theo những cách khác nhau, nhưng phải đảm bảo yêu cầu về kiến thức. Trên đây chỉ là những ý cơ bản thí sinh cần đáp ứng ; việc cho điểm từng câu cần dựa vào bản hướng dẫn chấm kèm theo.

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2009

Môn thi : VĂN, khối C

Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian phát đề

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I		Những nét chính về tình cảm nhân đạo và bút pháp nghệ thuật của Thạch Lam trong truyện ngắn <i>Hai đứa trẻ</i>	2,0
	1.	Tình cảm nhân đạo (1,0 điểm) – Tấm lòng thương cảm sâu xa đối với những kiếp người nhỏ bé, sống cơ cực, quần quanh, mòn mỏi nơi phố huyện nghèo nàn, tăm tối. – Sự trân trọng, nâng niu những nét đẹp bình dị và khao khát đổi đời âm thầm của họ.	0,5 0,5
	2.	Bút pháp nghệ thuật (1,0 điểm) – Kết hợp nhuần nhuyễn giữa lãng mạn với hiện thực, giữa tự sự với trữ tình trong loại truyện không có cốt truyện. – Phối hợp nhuần nhuyễn giữa tả cảnh với tả tình ; sử dụng điêu luyện ngôn ngữ văn xuôi giàu chất thơ.	0,5 0,5
II		Đức tính trung thực trong khi thi và trong cuộc sống	3,0
	1.	Giải thích ý kiến (0,5 điểm) – Về nội dung trực tiếp, lời của A. Lin-côn muốn khẳng định : chấp nhận thì rút một cách trung thực còn vinh dự hơn thi đổ nhờ gian dối. – Về thực chất, ý kiến này đề cập đến đức tính trung thực của con người.	0,5
	2.	Bàn luận về trung thực trong khi thi và trong cuộc sống (2,0 điểm) – Trong khi thi (1,0 điểm) + Trung thực là phải làm bài bằng thực lực và chỉ chấp nhận đỗ đạt bằng thực chất của mình. Còn gian lận là làm mọi cách để đỗ bằng được, không có thực chất.	0,5

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		+ Người trung thực phải là người biết rõ : Trung thực trong khi thi dù bị rớt vẫn vinh dự hơn đỗ đạt nhờ gian lận. Đối với tư cách của một thí sinh, trung thực trong khi thi là điều quan trọng hơn cả.	0,5
		– Trong cuộc sống (1,0 điểm) + Trung thực là coi trọng thực chất, luôn thành thực với mình, với người, không chấp nhận gian dối trong bất kì mối quan hệ nào, công việc nào. Trung thực là một phẩm chất cao đẹp làm nên nhân cách con người và là đức tính cần thiết cho cuộc sống, góp phần tích cực thúc đẩy tiến bộ xã hội. Sống trung thực là một niềm hạnh phúc cao quý. + Thiếu trung thực là làm những điều gian dối, khuất tất. Thiếu trung thực không chỉ biến con người thành đề tiện mà còn khiến cho cuộc sống lâm vào tình trạng thực giả bất phân, ngay gian lẫn lộn. Sống trung thực không phải lúc nào cũng dễ dàng, nhưng không trung thực sẽ là một người thiếu nhân cách và có thể gây ra nhiều nguy hại cho xã hội.	0,5 0,5
	3.	Bài học nhận thức và hành động (0,5 điểm)	
		– Bản thân cần nhận thức sâu sắc trung thực là một giá trị làm nên nhân cách của mình ; ngay cả khi phải đối diện với thất bại, thua thiệt vẫn cần sống cho trung thực. – Đồng thời cần không ngừng tu dưỡng để có được phẩm chất trung thực, mà hành động cụ thể lúc này chính là trung thực trong khi thi ; cần khẳng định và bảo vệ sự trung thực, kiên quyết đấu tranh với mọi hiện tượng thiếu trung thực đang tồn tại khá phổ biến trong xã hội.	0,5
IIIa		Vẻ đẹp khuất lấp của nhân vật người vợ nhặt (Vợ nhặt - Kim Lân) và người đàn bà hàng chài (Chiếc thuyền ngoài xa - Nguyễn Minh Châu)	5,0
	1.	Vài nét về tác giả và tác phẩm (0,5 điểm)	
		– Kim Lân là nhà văn chuyên viết về nông thôn và cuộc sống người dân quê, có sở trường về truyện ngắn. <i>Vợ nhặt</i> là truyện ngắn xuất sắc, viết về tình huống "nhặt vợ" độc đáo, qua đó thể hiện niềm tin mãnh liệt vào phẩm chất tốt đẹp của những con người bình dị trong nạn đói thảm.	

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		– Nguyễn Minh Châu là nhà văn tiêu biểu thời chống Mĩ, cũng là cây bút tiên phong thời đổi mới. <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> là truyện ngắn xuất sắc ở thời kì sáng tác sau của ông, viết về lần giáp mặt của một nghệ sĩ với cuộc sống đầy nghịch lí của một gia đình hàng chài, qua đó thể hiện lòng xót thương, nỗi lo âu đối với con người và những trăn trở về trách nhiệm của người nghệ sĩ.	0,5
2.		Về nhân vật người vợ nhặt (2,0 điểm)	
		<i>Giới thiệu chung</i> : Tuy không được miêu tả thật nhiều nhưng người vợ nhặt vẫn là một trong ba nhân vật quan trọng của tác phẩm. Nhân vật này được khắc hoạ sống động, theo lối đối lập giữa bề ngoài và bên trong, ban đầu và về sau. Một số vẽ đẹp khuất lấp tiêu biểu : + Phía sau tình cảnh trôi dạt, vất vưởng, là một lòng ham sống mãnh liệt. + Phía sau vẻ nhếch nhác, dơ dăng, lại là một người biết điều, ý tứ. + Bên trong vẻ chao chát, chỏng lỏn, lại là một người phụ nữ hiền hậu, đúng mực, biết lo toan.	0.5 0.5 0.5
3.		Về nhân vật người đàn bà hàng chài (2,0 điểm)	
		– <i>Giới thiệu chung</i> : Là nhân vật chính, có vai trò quan trọng với việc thể hiện tư tưởng của tác phẩm. Nhân vật này được khắc hoạ sắc nét, theo lối tương phản giữa bề ngoài và bên trong, giữa thân phận và phẩm chất. – Một số vẽ đẹp khuất lấp tiêu biểu : + Bên trong ngoại hình xấu xí, thô kệch là một tấm lòng nhân hậu, vị tha, độ lượng, giàu đức hi sinh. + Phía sau vẻ cam chịu, nhẫn nhục vẫn là một người có khát vọng hạnh phúc, can đảm, cứng cỏi. + Phía sau vẻ quê mùa, thất học lại là một người phụ nữ thấu hiểu, sâu sắc lẽ đời.	0,5 0,5 0,5

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
	4.	Về sự tương đồng và khác biệt trong vẻ đẹp khuất lấp của hai nhân vật (0,5 điểm)	
		– <i>Tương đồng</i> : Cả hai nhân vật đều là những thân phận bé nhỏ, nạn nhân của hoàn cảnh. Những vẻ đẹp đáng trân trọng của họ đều bị đời sống cơ cực lam lũ làm khuất lấp. Cả hai đều được khắc họa bằng những chi tiết chân thực... – <i>Khác biệt</i> : Vẻ đẹp được thể hiện ở nhân vật người vợ nhặt chủ yếu là những phẩm chất của một nang dâu mới, hiện lên qua các chi tiết đầy dư vị hóm hỉnh, trong nạn đói thê thảm. Vẻ đẹp được khắc sâu ở người đàn bà hàng chài là những phẩm chất của một người mẹ nặng gánh mưu sinh, hiện lên qua các chi tiết đầy kịch tính, trong tình trạng bạo lực gia đình...	0,5
III.b		Cảm nhận hai đoạn thơ trong bài <i>Tương tư</i> - Nguyễn Bính và <i>Việt Bắc</i> - Tố Hữu	5,0
	1.	Vài nét về tác giả và tác phẩm (0,5 điểm)	
		– Nguyễn Bính là gương mặt nổi bật của phong trào Thơ mới và cũng tiêu biểu cho thơ ca sau Cách mạng, với hồn thơ chân quê, có sở trường về lục bát. <i>Tương tư</i> là bài thơ đặc sắc của ông, thể hiện tâm trạng nhớ mong chân thực và tinh tế của chàng trai quê. – Tố Hữu là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng, với phong cách trữ tình chính trị. <i>Việt Bắc</i> là bài thơ xuất sắc của ông, thể hiện tình cảm cách mạng sâu nặng đối với chiến khu và những kỉ niệm kháng chiến.	0,5
	2.	Về đoạn thơ trong bài <i>Tương tư</i> (2,0 điểm)	
		– Nội dung (1,0 điểm) + Tâm trạng tương tư của chàng trai quê được bộc lộ thành những nhớ mong da diết, triu nặng. Nỗi niềm ấy được xem như một quy luật tự nhiên không thể cưỡng lại, một thứ "tâm bệnh" khó chữa của người đang yêu. + Niềm mong nhớ gắn liền với khung cảnh làng quê khiến cho cả không gian như cũng nhuộm đầy nỗi tương tư.	0,5 0,5

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		– Nghệ thuật (1,0 điểm) + Thể thơ lục bát thấm đượm phong vị ca dao. + Chất liệu ngôn từ chân quê với những địa danh, thành ngữ gần gũi ; cách tổ chức lời thơ độc đáo ; sử dụng nhuần nhuyễn nhiều biện pháp tu từ : hoán dụ, nhân hoá, đối sánh, tăng tiến, khoa trương...	0,5 0,5
3.		Về đoạn thơ trong bài <i>Việt Bắc</i> (2,0 điểm) – Nội dung (1,0 điểm) + Đoạn thơ thể hiện nỗi nhớ đậm thấm, sâu nặng của người cán bộ kháng chiến dành cho Việt Bắc, trong đó chan hoà tình nghĩa riêng chung. + Hiện lên trong nỗi nhớ ấy là hình ảnh Việt Bắc thân thương, với cảnh vật bình dị mà thơ mộng, với nhịp sống đơn sơ mà êm đềm, ấm áp. – Nghệ thuật (1,0 điểm) + Thể thơ lục bát kết hợp nhuần nhuyễn chất cổ điển và chất dân gian, nhịp điệu linh hoạt uyển chuyển, âm hưởng tha thiết, ngọt ngào. + Hình ảnh thơ giản dị mà gợi cảm ; cách ví von quen thuộc mà vẫn độc đáo ; cách tổ chức lời thơ với phép tiểu đối, phép điệp cân xứng, khéo léo...	0,5 0,5 0,5 0,5
4.		Về sự tương đồng và khác biệt giữa hai đoạn thơ (0,5 điểm) – Tương đồng : Cả hai đoạn thơ đều thể hiện nỗi nhớ da diết, sâu nặng ; sử dụng thể thơ lục bát điêu luyện. – Khác biệt : Đoạn thơ trong bài <i>Tương tư</i> là nỗi nhớ của tình yêu lứa đôi, gắn với không gian làng quê Bắc Bộ, vừa bày tỏ vừa "lí sự" về tương tư, với cách đối sánh táo bạo...; đoạn thơ trong bài <i>Việt Bắc</i> là nỗi nhớ của tình cảm cách mạng, gắn với không gian núi rừng Việt Bắc, nghiêng hẳn về bộc bạch tâm tình, với cách ví von duyên dáng...	0,5
Lưu ý chung : Thí sinh có thể làm bài theo những cách khác nhau, nhưng phải đảm bảo những yêu cầu về kiến thức. Trên đây chỉ là những ý cơ bản thí sinh cần đáp ứng ; việc cho điểm cụ thể từng câu cần dựa vào bản hướng dẫn chấm kèm theo.			

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2009

Môn thi : VĂN, khối D

Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian phát đề

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I		Nét chính của khuynh hướng sử thi, cảm hứng lãng mạn trong văn học Việt Nam 1945 - 1975	2,0
	1.	Khuynh hướng sử thi (1,5 điểm)	
		– Văn học phản ánh những sự kiện, những vấn đề có ý nghĩa lịch sử lớn lao, tập trung thể hiện chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng.	0,5
		– Nhân vật chính thường là những con người tiêu biểu cho lí tưởng chung của dân tộc, kết tinh các phẩm chất cao quý của cộng đồng, gắn bó số phận mình với số phận của đất nước.	0,5
		– Lời văn mang giọng điệu trang trọng, hào hùng, thiên về ngợi ca, ngưỡng mộ	0,5
	2.	Cảm hứng lãng mạn (0,5 điểm)	
		Cảm hứng lãng mạn chủ yếu được thể hiện trong việc khẳng định phương diện lí tưởng của cuộc sống mới và vẻ đẹp của con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc. Cảm hứng lãng mạn gắn liền với khuynh hướng sử thi.	0,5
II		Trình bày suy nghĩ về ý kiến : <i>Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thứ quý giá khác nữa</i>	3,0
	1.	Giải thích ý kiến (0,5 điểm)	
		Về nội dung trực tiếp, câu trích này nói về hậu quả của việc đánh mất niềm tin vào bản thân.	0,5
		Về thực chất, ý kiến này đề cập đến vai trò quyết định của lòng tự tin.	

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
	2.	Bàn luận về tự tin và mất tự tin (1,5 điểm)	
		– Người có lòng tự tin luôn khẳng định năng lực và phẩm chất của mình, coi đó là nguồn sức mạnh chân chính, có ý nghĩa quyết định, giúp con người vững vàng, lạc quan và thành công trong cuộc sống. Do đó tự tin là đức tính quý báu.	0,5
		– Khi mất tự tin :	
		+ Con người không còn tin vào phẩm chất và năng lực của bản thân nên sẽ đánh mất những điều kiện cơ bản và cần thiết giúp đạt đến những giá trị quý báu . nghị lực và ý chí, hi vọng và lạc quan...	0,5
		+ Con người không còn khả năng đương đầu với những khó khăn, thử thách, nên dễ dàng buông xuôi, bỏ mất những cơ hội tốt trong cuộc sống.	0,5
	3.	Bài học nhận thức và hành động (1,0 điểm)	
		– Trong mọi hoàn cảnh cuộc sống, đặc biệt những khi gặp khó khăn, thử thách, cần nêu cao bản lĩnh, không đánh mất niềm tin vào bản thân.	0,5
		– Luôn sống tự tin nhưng tránh chủ quan. Phải cảnh giác với việc tự tin mù quáng. Phải tỉnh táo để biết lắng nghe ; biết học hỏi, hợp tác ; biết tu dưỡng phẩm chất và trau dồi năng lực của bản thân vì đó là cơ sở của lòng tự tin.	0,5
IIIa		Phân tích hình ảnh thiên nhiên và cái tôi trữ tình trong đoạn thơ <i>Vội vàng</i>	5,0
	1.	Vài nét về tác giả và tác phẩm (0,5 điểm)	
		– Xuân Diệu là nhà thơ "mới nhất trong các nhà thơ mới", đã đem đến cho thơ ca đương thời một nguồn cảm xúc mới, thể hiện một quan niệm sống mới mẻ cùng với những cách tân nghệ thuật táo bạo.	0,5
		– <i>Vội vàng</i> là một trong những bài thơ tiêu biểu của Xuân Diệu trước Cách mạng 1945. Bài thơ thể hiện tập trung sở trường của Xuân Diệu trong việc bộc lộ cái tôi và cách cảm nhận thiên nhiên, sự sống.	

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
	2.	Phân tích (4,0 điểm)	
		a) Hình ảnh thiên nhiên (2,0 điểm) – Vẻ đẹp của thiên nhiên : + Gần gũi, thân quen (nắng gió, hoa lá, ánh sáng, thanh âm...). + Tươi đẹp, tràn đầy sức sống, niềm vui (đồng nội xanh rì, cảnh tơ phơ phất, thần Vui gõ cửa...). + Tinh tú, quyến rũ (ong bướm, tuần tháng mật, ngon như cặp môi gần...). – Thiên nhiên được diễn tả bằng những hình ảnh mới lạ ; ngôn từ gợi cảm, tinh tế với nhiều biện pháp tu từ đặc sắc (nhân hoá, so sánh...) ; cú pháp tân kì.	0,5 0,5 0,5 0,5
		b) Cái tôi trữ tình (2,0 điểm) – Cái tôi trữ tình Xuân Diệu là cái tôi có ý thức cá nhân mạnh mẽ, đầy lòng ham sống : + Cách nhìn đời trẻ trung qua lăng kính tình yêu. Vẻ đẹp của con người được nhà thơ lấy làm chuẩn mực cho cái đẹp của tự nhiên. + Tình cảm vừa thiết tha, rạo rực, đắm say (bộc lộ ham muốn khác thường ; cách giới thiệu say sưa, vỗ vập ; cảm nhận thế giới xung quanh bằng mọi giác quan) vừa vôi vạc, quyến luyến do cảm nhận được bước đi nhanh chóng của thời gian. – Cái tôi trữ tình được thể hiện bằng giọng điệu say mê ; nhịp điệu gấp gáp ; chuyển đổi thể thơ linh hoạt ; từ ngữ táo bạo.	1,0 1,0
	3.	Đánh giá chung (0,5 điểm)	
		– Thiên nhiên tràn đầy sức sống và xuân tình ; lối thể hiện rất hiện đại. – Cái tôi thiết tha gắn bó với trần thế và khát khao thụ hưởng những hương sắc trần gian ; biểu hiện của một quan niệm sống tích cực.	0,5

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
IIIb		Phân tích tình huống truyện <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> của Nguyễn Minh Châu	5,0
	1.	Vài nét về tác giả và tác phẩm (0,5 điểm) – Nguyễn Minh Châu là nhà văn tiêu biểu của văn học Việt Nam thời chống Mỹ, cũng là người mở đường xuất sắc cho công cuộc đổi mới văn học từ sau năm 1975. Ở giai đoạn sáng tác trước, ngòi bút của ông theo khuynh hướng sử thi, thời kì sau chuyển sang cảm hứng thế sự với những vấn đề về đạo đức và triết lí nhân sinh. – <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> là truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Minh Châu trong thời kì sáng tác sau. Tác phẩm kể về chuyến đi thực tế của một nghệ sĩ nhiếp ảnh, qua đó thể hiện cách nhìn sâu sắc của tác giả về cuộc sống và sự băn khoăn về thân phận con người.	

ĐỀ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NĂM 2009

Môn thi : VĂN, khối C

Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian phát đề

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I		Nêu hoàn cảnh ra đời và giải thích ý nghĩa nhan đề truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> của Kim Lân.	2,0
	1.	Hoàn cảnh ra đời (1,0 điểm)	
		– <i>Vợ nhặt</i> là truyện ngắn xuất sắc của Kim Lân viết về nạn đói khủng khiếp năm 1945.	0,5
		– Tiền thân của <i>Vợ nhặt</i> là tiểu thuyết <i>Xóm ngụ cư</i> được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhưng dang dở và thất lạc bản thảo. Sau khi hòa bình lập lại (1954), tác giả dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> .	0,5
	2.	Ý nghĩa nhan đề (1,0 điểm)	
		– <i>Vợ nhặt</i> hiểu theo nghĩa đen là nhặt được vợ. Nhan đề ấy tạo được ấn tượng, kích thích sự chú ý của người đọc vì cái giá của con người quá rẻ rúng.	0,5
II		– Qua nhan đề <i>Vợ nhặt</i> , Kim Lân đã phản ánh được tình cảnh thê thảm và thân phận tủi nhục của người nông dân nghèo trong một nạn đói khủng khiếp ; sự đen tối, bế tắc của xã hội Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.	0,5
		Suy nghĩ về câu nói : Một ngày so với một đời người là quá ngắn ngủi, nhưng một đời người lại là do mỗi ngày tạo nên.	3,0
	1.	Giải thích ý kiến (0,5 điểm)	
		– Câu nói so sánh sự đối lập giữa thời gian rất dài của đời người và thời gian rất ngắn của một ngày để nhấn mạnh : giá trị cuộc sống của mỗi ngày là cơ sở để tạo nên chất lượng, ý nghĩa cuộc sống của một đời người.	0,25
		– Thực chất, ý nghĩa câu nói : trong cuộc đời con người mỗi ngày là rất quan trọng, quý giá ; đừng để lãng phí thời gian.	0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
	2.	Suy nghĩ về câu nói (2,0 điểm)	
		– Thời gian là một điều kiện quan trọng để tạo nên cuộc sống của con người. Ai cũng ước được sống lâu để làm việc, cống hiến, tận hưởng niềm hạnh phúc...	0,5
		– Một ngày rất ngắn ngủi nhưng con người có thể làm được nhiều việc có ích cho bản thân, cho xã hội : học tập, lao động ; có những phát minh, công trình khoa học được tìm ra trong khoảng thời gian rất ngắn.	0,5
		– Sự so sánh đối lập giữa một ngày và một đời người còn thể hiện ý nghĩa sâu sắc về mối quan hệ giữa việc nhỏ và việc lớn ; có rất nhiều việc nhỏ xem ra không đáng quan tâm, nhưng là cơ sở để tạo thành những sự việc lớn.	0,5
		– Phê phán hiện tượng lười biếng trong công việc, hoạt động sống hằng ngày.	0,5
	3.	Bài học nhận thức và hành động (0,5 điểm)	
		– Cuộc đời con người là hữu hạn nên phải biết quý trọng thời gian, đừng để thời gian trôi đi một cách lãng phí.	0,25
		– Biết trân trọng những giá trị của việc làm, những niềm vui, hạnh phúc thường ngày trong cuộc sống.	0,25
IIIa		Cảm nhận về đẹp tâm hồn người phụ nữ trong bài thơ <i>Sóng</i> của Xuân Quỳnh.	5,0
	1.	Vài nét về tác giả và tác phẩm (0,5 điểm)	
		– Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn ; vừa hồn nhiên, tươi tắn vừa chân thành, dằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị, đời thường.	0,25
		– <i>Sóng</i> được sáng tác năm 1967, là bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh.	0,25
	2.	Về đẹp tâm hồn người phụ nữ trong bài thơ <i>Sóng</i> (4,0 điểm)	
		– Qua hình tượng sóng, Xuân Quỳnh đã diễn tả cụ thể, sinh động những trạng thái, cung bậc tình cảm khác nhau của người	0,5

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		phụ nữ nhân hậu, khao khát yêu thương và hướng tới tình yêu cao cả, lớn lao. – Thể hiện một tình yêu sôi nổi, mãnh liệt, một nỗi nhớ da diết (chiếm lĩnh cả thời gian và không gian ; chiều rộng và chiều sâu...) : "Con sóng dưới lòng sâu - Con sóng trên mặt nước ... Lòng em nhớ đến anh - Cả trong mơ còn thức". – Luôn hướng về một tình yêu thủy chung son sắt. ("Nơi nào em cũng nghĩ - Hướng về anh - một phương"). – Khát vọng có được một tình yêu vĩnh hằng, bất tử. ("Làm sao được tan ra - Thành trăm con sóng nhỏ - Giữa biển lớn tình yêu - Để ngàn năm còn vỗ"). – <i>Đặc sắc nghệ thuật</i> : ẩn dụ (mượn hình tượng sóng để thể hiện tình yêu một cách sinh động, gợi cảm) ; thể thơ năm chữ với nhịp điệu linh hoạt, nhịp nhàng gợi âm vang của sóng ; ngôn từ giản dị, trong sáng, hình ảnh thơ giàu sức gợi.	1,0 1,0 1,0 0,5
	3.	Đánh giá chung (0,5 điểm)	
		Bài thơ thể hiện được vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu ; một tình yêu hiện đại, mới mẻ nhưng vẫn không tách rời truyền thống.	0,5
IIIb		Phân tích những đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm <i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân.	5,0
	1.	Vài nét về tác giả và tác phẩm (0,5 điểm)	
		– Nguyễn Tuân là nhà văn lớn, độc đáo, tài năng. Ông nổi tiếng từ trước Cách mạng tháng Tám 1945 với những tác phẩm tiêu biểu như : <i>Thiếu quê hương</i>, <i>Chiếc lư đồng mắt cua</i>, <i>Vang bóng một thời</i>... – Truyện ngắn <i>Chữ người tử tù</i> lúc đầu có tên là <i>Dòng chữ cuối cùng</i>, in năm 1938, sau đó được in lại trong tập <i>Vang bóng một thời</i> (1940) và đổi tên thành <i>Chữ người tử tù</i>.	0,25 0,25

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
	2.	Những đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn <i>Chữ người tử tù</i> (4,0 điểm)	
		– Nghệ thuật tạo tình huống truyện độc đáo : Đó là cuộc gặp gỡ giữa Huân Cao và viên quản ngục trong chốn lao tù. Xét trên bình diện xã hội, họ là kẻ thù, nhưng trên bình diện nghệ thuật họ là tri âm, tri kỉ. Thông qua tình huống truyện, tính cách các nhân vật được khắc họa rõ nét và chủ đề tác phẩm được tô đậm.	1,0
		– Nghệ thuật xây dựng nhân vật : nhân vật được nhìn nhận từ phương diện tài hoa nghệ sĩ, được xây dựng bằng bút pháp lãng mạn ; quản ngục và Huân Cao được đặt trong mối quan hệ tương phản, soi sáng lẫn nhau ; cách miêu tả gián tiếp...	1,0
		– Nghệ thuật tạo dựng cảnh cho chữ : "Một cảnh tượng xưa nay chưa từng có". Trong cảnh này, thủ pháp nghệ thuật đối lập được sử dụng một cách triệt để, góp phần khắc họa đậm nét tính cách nhân vật.	1,0
		– Nghệ thuật tạo không khí cổ kính bằng những chi tiết chọn lọc, câu văn có nhịp điệu thông thả, đĩnh đạc, ngôn ngữ sử dụng nhiều từ Hán - Việt ...	1,0
	3.	Đánh giá chung (0,5 điểm)	
		Khẳng định thành công của truyện ngắn <i>Chữ người tử tù</i> và tài năng của nhà văn Nguyễn Tuân.	0,5

Mục lục

Mở đầu	3
Phần thứ nhất. Cấu trúc đề thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và tuyển sinh Đại học, Cao đẳng môn Ngữ văn năm 2010	
A. CẤU TRÚC ĐỀ THI TỐT NGHIỆP THPT	7
I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH	7
II. PHẦN RIÊNG	8
B. CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG	9
I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 ĐIỂM)	9
II. PHẦN RIÊNG	11
Phần thứ hai. Một số đề ôn luyện kiến thức theo Cấu trúc đề thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2010	
A. ĐỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	14
Đề số 1	14
Đề số 2	15
Đề số 3	16
Đề số 4	17
Đề số 5	18
Đề số 6	18
Đề số 7	19
Đề số 8	20
Đề số 9	21
Đề số 10	21
Đề số 11	22
Đề số 12	23
B. ĐỀ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG	24
Đề số 1	24
Đề số 2	25

Đề số 3.....	25
Đề số 4.....	26
Đề số 5.....	27
Đề số 6.....	28
Đề số 7.....	29
Đề số 8.....	30
Đề số 9.....	30
Đề số 10.....	31
Đề số 11.....	32
Đề số 12.....	33
Đề số 13.....	34
Đề số 14.....	35
Đề số 15.....	36
Đề số 16.....	37
Đề số 17.....	38
Đề số 18.....	39
Đề số 19.....	40
Đề số 20.....	41

Phần thứ ba. Đáp án và thang điểm để ôn luyện kiến thức thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH – CĐ

A. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM ĐỂ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TỐT NGHIỆP

TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.....	42
Đề số 1.....	42
Đề số 2.....	45
Đề số 3.....	47
Đề số 4.....	50
Đề số 5.....	52
Đề số 6.....	55
Đề số 7.....	57
Đề số 8.....	60

Đề số 9.....	62
Đề số 10.....	65
Đề số 11.....	67
Đề số 12.....	71

B. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM ĐỂ ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG **75**

Đề số 1.....	75
Đề số 2.....	78
Đề số 3.....	81
Đề số 4.....	83
Đề số 5.....	86
Đề số 6.....	89
Đề số 7.....	91
Đề số 8.....	93
Đề số 9.....	96
Đề số 10.....	98
Đề số 11.....	101
Đề số 12.....	104
Đề số 13.....	108
Đề số 14.....	111
Đề số 15.....	114
Đề số 16.....	116
Đề số 17.....	119
Đề số 18.....	122
Đề số 19.....	125
Đề số 20.....	128

Phần thứ tư. Giới thiệu một số đề thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và tuyển sinh Đại học, Cao đẳng môn Ngữ văn trong những năm gần đây

A. ĐỀ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	131
Đề thi tốt nghiệp năm học 2005 - 2006	131
Đề thi tốt nghiệp năm học 2006 - 2007	133
Đề thi tốt nghiệp năm học 2006 - 2007 (Thi lần thứ 2).....	135
Đề thi tốt nghiệp năm học 2007 - 2008	137
Đề thi tốt nghiệp năm học 2008 - 2009	139
B. ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG	140
Đề thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2007 (Khối C)	140
Đề thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2008 (Khối C)	141
Đề thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2008 (Khối D).....	142
Đề thi tuyển sinh Đại học năm 2009 (Khối C)	143
Đề thi tuyển sinh Đại học năm 2009 (Khối D).....	144
Đề thi tuyển sinh Cao đẳng năm 2009 (Khối C)	146
C. ĐÁP ÁN ĐỀ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.....	147
Đề thi năm học 2005 - 2006	147
Đề thi năm học 2006 - 2007	150
Đề thi năm học 2006 - 2007 (Thi lần thứ hai).....	153
Đề thi năm học 2007 - 2008	157
Đề thi năm học 2008 - 2009	160
D. ĐÁP ÁN, THANG ĐIỂM ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG.....	163
Đề thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2007 (Khối C)	163
Đề thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2008 (Khối C)	169
Đề thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2008 (Khối D).....	174
Đề thi tuyển sinh Đại học năm 2009 (Khối C)	178
Đề thi tuyển sinh Đại học năm 2009 (Khối D).....	183
Đề thi tuyển sinh Cao đẳng năm 2009 (Khối C)	187

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Tổng biên tập LÊ HỮU TỈNH
Giám đốc Công ty CP Sách DH-ĐN NGÔ THỊ THANH BÌNH

Biên tập nội dung :

KHÚC HOA PHƯỢNG

Sửa bản in :

HÀ THÁI LINH

Trình bày bìa :

DINH XUÂN DŨNG

Thiết kế sách và chế bản :

TRẦN ĐÌNH HOÀNG

ÔN LUYỆN KIẾN THỨC THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI

MÔN NGỮ VĂN

DÙNG ÔN LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT, ĐẠI HỌC CAO ĐẲNG

Mã số: 8D294y1 – DAI

In 1.500 cuốn (QĐ:11), khổ 17 x 24 cm. In tại Công ty cổ phần in Phúc Yên.

Địa chỉ: Đường Trần Phú, thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc.

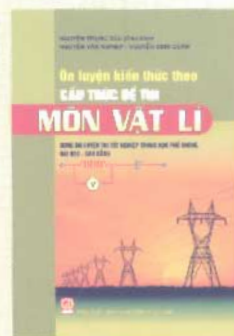
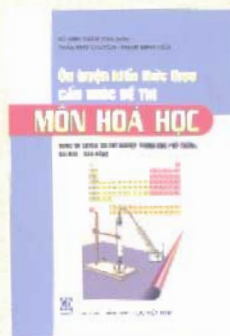
Số ĐKKH xuất bản: 14-2011/CXB/356-2075/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2011.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC DẠY NGHỀ
HEVOBCO
Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Hà Nội

TÌM ĐỌC
BỘ SÁCH ÔN LUYỆN KIẾN THỨC
THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI
CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Bạn đọc có thể tìm mua tại các Công ty Sách - Thiết bị trường học ở các địa phương hoặc Cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

Tại Hà Nội: 25 Hàn Thuyên, 187B Giảng Võ, 23 Tràng Tiền.

Tại Đà Nẵng: 15 Nguyễn Chí Thanh

Tại Tp. Hồ Chí Minh: Cửa hàng 451b - 453, Hai Bà Trưng, Quận 3

Chi nhánh Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề, 240 Trần Bình Trọng, Quận 5.



Giá: 22.000 VNĐ